

PHỤ LỤC TỔNG HỢP GIÁ TRỊ

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL1/2024/HĐĐG ngày 20 tháng 9 năm 2024)

TT	Phụ lục chi tiết	Số lượng	Giá trị thẩm định trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị thẩm định sau thuế
1	Phụ lục 01	351.106	25.265.175	2.526.517	27.791.692
2	Phụ lục 02	721.063	58.887.510	5.888.751	64.776.261
3	Phụ lục 03	23.864	9.046.194	904.619	9.950.813
4	Phụ lục 04	433.547	253.823.824	25.382.382	279.206.206
4.1		433.227	243.465.646	24.346.565	267.812.211
4.2		20	1.464.510	146.451	1.610.961
4.3		300	8.893.668	889.367	9.783.035
		1.529.580	347.022.702	34.702.270	381.724.972
			Làm tròn giá khởi điểm		382.000.000

Ua

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL1/2024/HĐĐG ngày 20 tháng 9 năm 2024)

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	QUALCOMM MOBILE STATION MODEM; MSM6290 NSP384	1000-000001	Chiếc	299	13.309	3.979.419
2	QUALCOMM POWER MANAGEMENT; PM6653 CSP97	1000-000002	Chiếc	227	1.125	255.310
3	QUALCOMM QUADBAND GSM, QUADBAND UMTS TRANSCEIVER	1000-000005	Chiếc	227	3.312	751.745
4	MCP WITH 64MB 8-BIT NAND + 32MB 32-BIT SDR SDRAM	0900-000002	Chiếc	1.634	2.728	4.457.184
5	CAP CER .10UF 10V 10% X5R 0201	0301-000002	Chiếc	25.166	7	172.972
6	CAP CER 4.7UF 6.3V 20% X5R 0603	0301-000003	Chiếc	2.270	38	86.238
7	CAP CER 10UF 20% 6.3V X5R 0603	0301-000008	Chiếc	1.589	96	152.406
8	CAP CER 1.0UF 16V 10% X5R 0402	0301-000011	Chiếc	454	35	15.744
9	CAP CER .6PF 25V +/-0.075PF C0G 0201	0301-000021	Chiếc	227	8	1.833
10	INDUCTOR 3.0NH+/-0.1NH 450MA 0201	2100-000002	Chiếc	227	32	7.160
11	INDUCTOR 33NH 5% 0201	2100-000003	Chiếc	227	26	5.832
12	INDUCTOR 2NH, +/-0.1NH, 0201	2100-000004	Chiếc	227	32	7.161
13	INDUCTOR 6.8NH+/-5% 300MA 0201	2100-000005	Chiếc	227	26	5.832
14	INDUCTOR 3.6NH+/-0.1NH 400MA 0201	2100-000008	Chiếc	227	31	7.134
15	INDUCTOR 10NH, 3%, 0201	2100-000009	Chiếc	227	32	7.153
16	INDUCTOR 5.6NH+/-5% 350MA 0201	2100-000010	Chiếc	227	26	5.834
17	INDUCTOR 15NH +/-3% FIXED 0201	2100-000011	Chiếc	227	32	7.163
18	SWITCHPLEXER + SAW, DUAL-BAND GSM, TRI-BAND UMTS	1400-000001	Chiếc	227	3.571	810.608
19	UMTS2100, 4 X 7MM FRONT END MODULE (FILTER + PA + DUPLEXER)	1000-000007	Chiếc	227	4.468	1.014.147
20	4-CHANNEL ESD SOLUTION FOR HIGH-SPEED INTERFACE	1000-000003	Chiếc	227	130	29.588
21	IC, QUAD-BAND GSM850/GSM900/DCS/PCS PA	1000-000006	Chiếc	227	6.561	1.489.306
22	CRYSTAL 32.7680KHZ 12.5PF SMD	1300-000001	Chiếc	227	756	171.625
23	SAW FILTER, UNBALANCE IN, BALANCE OUT, 2110-2170MHZ	1200-000001	Chiếc	227	422	95.782
24	CAP TANT 1000UF 6.3V 20% 200MOHM SMD	0302-000002	Chiếc	227	2.546	577.993
25	CAP TANT 100UF 6.3V 20% SMD	0302-000001	Chiếc	227	742	168.504
26	MOSFET P-CH 20V 350MA SC89-3	0505-000001	Chiếc	227	219	49.644
27	CAP CER 2.2UF 16V X5R 10% 0603	0301-000018	Chiếc	908	22	20.425
28	DIODE SCHOTTKY; 30V 200MA ;0603	0404-000001	Chiếc	3.020	55	166.251

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
29	ZENER DIODES; 5.1V 200MW	0403-000001	Chiếc	67.807	55	3.732.775
30	LED CHIP BLUEGREEN; 1.5X1.6X0.55MM SMD	1100-000001	Chiếc	3.849	156	601.252
31	IC GATE NAND SINGLE 2INP SOT553	0900-000001	Chiếc	227	296	67.232
32	INDUCTOR 4.7UH 20% 260MOHM 680MA 1007 SMD	2100-000001	Chiếc	681	144	97.869
33	INDUCTOR 4.3NH, +/-0.2NH, 0201	2100-000012	Chiếc	227	127	28.742
34	INDUCTOR	2100-000007-COI	Chiếc	227	500	113.471
35	OSC,TCXO, 19.2MHZ	1300-000002	Chiếc	873	1.625	1.418.262
36	USIM + SD CARD STACKED CONNECTOR OF IN CON	1600-000001	Chiếc	423	1.250	528.850
37	USB A-TYPE 4PIN MALE CONNECTOR SMT ECONN	1600-000002	Chiếc	227	200	45.506
38	RF SWITCH RIGHT ANGEL TYPE	1600-000003	Chiếc	179	453	81.138
39	1.2MHZ, 1.5A SYNCHRONOUS STEP-DOWN DC/DC REGULATOR	2300-000001	Chiếc	227	969	219.850
40	FULL FUNCTION LOAD SWITCH WITH ADJUSTABLE CURRENT LIMIT	0800-000001	Chiếc	227	344	78.011
41	RES 51K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000001	Chiếc	3.257	3	8.344
42	RES 51 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000002	Chiếc	11.018	3	28.226
43	RES 6.04K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000003	Chiếc	7.699	3	24.053
44	RES 10K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000004	Chiếc	9.119	3	23.361
45	RES 0.0 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000005	Chiếc	1.589	3	4.071
46	RES 100K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000006	Chiếc	454	3	1.163
47	RES 33 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000007	Chiếc	7.778	3	19.926
48	RES 24 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000008	Chiếc	7.753	3	19.862
49	RES ZERO OHM 1/10W 5% 0402 SMD	0200-000009	Chiếc	3.265	1	2.754
50	RESISTOR 1.0 OHM 1/10W 5% 0603	0200-000010	Chiếc	227	1	248
51	RES 15K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000011	Chiếc	7.770	3	19.906
52	RES 1.0K OHM 1/10W 5% 0402 SMD	0200-000012	Chiếc	11.350	1	9.574
53	RES 2K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000013	Chiếc	7.786	3	19.947
54	RES 200K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000014	Chiếc	7.810	3	20.008
55	RES 121K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000015	Chiếc	7.790	3	24.338
56	RES 47 OHM 1/16W 5% 0402	0200-000016	Chiếc	7.799	3	19.590
57	RES 12K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000017	Chiếc	7.770	3	24.275
58	RES 62 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000018	Chiếc	7.804	3	19.993
59	RES 100 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000019	Chiếc	1.135	3	2.908
60	RES 27 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000020	Chiếc	7.800	3	19.982
61	RES 200 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000021	Chiếc	454	3	1.163
62	RES 2.2K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000022	Chiếc	7.753	3	19.862
63	RES 82 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	0200-000023	Chiếc	3.459	3	8.861
64	RES 309.0K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000024	Chiếc	7.705	3	24.072
65	RES 59.0K OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000025	Chiếc	7.708	3	24.081
66	RES 10K5 OHM 1/20W 1% 0201 SMD	0200-000032	Chiếc	7.766	3	24.263
67	CAP CER 22PF 50V 5% C0G 0201	0301-000001	Chiếc	2.497	4	10.142
68	CAP CER 22PF 50V 5% C0G 0202	0301-000001-MUR	Chiếc	372	3	1.058
69	CAP CER 100PF 25V 5% U2J 0201	0301-000004	Chiếc	3.178	4	12.907
70	CAP CER 100PF 25V 5% U2J 0202	0301-000004-MUR	Chiếc	4.326	3	12.299
71	CAP CER 33PF 25V 5% NP0 0201	0301-000005	Chiếc	2.724	4	11.063
72	CAP CER 10000PF 10V 10% X5R 0201	0301-000006	Chiếc	6.810	4	28.722
73	CAP 1000PF 25V 5% CERAMIC X7R 0201	0301-000007	Chiếc	4.994	4	21.063
74	CAP CER 0.033UF 6.3V X5R 10% 0201	0301-000009	Chiếc	227	13	2.989
75	CAP CER 0.033UF 6.3V X5R 10% 0201	0301-000009-MUR	Chiếc	59	9	516
76	CAP CER 2200PF 25V 10% X7R 0201	0301-000010	Chiếc	227	4	955
77	CAP CER 150PF 25V 5% X7R 0201	0301-000012	Chiếc	908	4	3.801
78	CAP CER 150PF 25V 5% X7R 0201	0301-000012-MUR	Chiếc	134	3	444
79	CAP CER 1.5PF, +/-0.1PF, C0G/NP0, 25V, 0201	0301-000013	Chiếc	227	8	1.771
80	CAP CER 12PF 25V 5% NP0 0201	0301-000014	Chiếc	227	4	920
81	CAP CER 12PF 25V 5% NP0 0201	0301-000014-MUR	Chiếc	69	3	196
82	CAP CER 39PF 25V 5% NP0 0201	0301-000015	Chiếc	227	4	920
83	CAP CER 68PF, 25V,5%, 0201	0301-000016	Chiếc	227	4	920

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
84	CAP CER 4.7UF 10V -20%+80% Y5V 0603	0301-000017	Chiếc	227	32	7.333
85	CAP CER 1.0UF 6.3V 10% X5R 0603	0301-000019	Chiếc	454	10	4.397
86	CAP 22PF 50V 5% CERAMIC 0402 SMD	0301-000020	Chiếc	227	3	645
87	CAP CER 10PF 5% 25V NPO 0201	0301-000022	Chiếc	227	4	920
88	CAP CER 4.7PF +-0.1PF 25V COG 0201	0301-000023	Chiếc	681	8	5.744
89	CAP CER 47PF 25V 5% COG 0201	0301-000027	Chiếc	227	4	920
90	CAP CER 47PF 25V 5% COG 0201	0301-000027-MUR	Chiếc	165	3	469
91	CAP CER 56PF 25V 5% NPO 0201	0301-000026	Chiếc	454	4	1.844
92	INDUCTOR HI FREQ 15NH 5% 0402	2100-000006	Chiếc	227	12	2.837
93	SHIELD-CAN CLIP	NS03-000005	Chiếc	4.264	234	999.195
94	PCB ARRAY, VT1000	NS16-000001-UNI	Chiếc	222	2.069	459.422
95	SHIELD-CAN TOP, USB-VT1000	NS03-000001	Chiếc	225	230	51.683
96	SHIELD-CAN BOT, USB-VT1000	NS03-000002	Chiếc	287	183	52.425
97	ANTENNA, VT1000	NS21-000001	Chiếc	271	855	231.836
98	SPONGE, USB-VT1000	NS24-000001	Chiếc	1.386	7	10.140
99	FRONT COVER	NS2B-000001	Chiếc	271	578	156.702
100	LED COVER	NS2T-000002	Chiếc	271	53	14.303
101	RF COVER	NS2B-000004	Chiếc	271	102	27.657
102	REAR COVER	NS2B-000003	Chiếc	271	568	153.981
103	SIM CARD COVER	NS2B-000005	Chiếc	271	462	125.327
104	USB CONNECTOR COVER	NS2B-000006	Chiếc	271	555	150.445
105	GIFTBOX	NS18-000001	Chiếc	402	286	115.110
106	CARTON;CARTON FOR GIFTBOX	NS18-000002	Chiếc	34	786	26.601
107	LABEL;VT1000,IMEI LABEL FOR DONGLE	NS05-000001	Chiếc	22.203	12	266.436
108	USER MANUAL	NS19-000001	Chiếc	503	305	153.510
109	SPACER;VT1000,SPACER FOR GIFTBOX	NS18-000003	Chiếc	151	39	5.940
110	LABEL;LABEL FOR GIFTBOX	NS05-000002	Chiếc	11.239	12	134.868
111	LABEL;IMEI LABEL FOR CARTON	NS05-000004	Chiếc	212	168	35.493
112	ICT LABEL	NS05-000006	Chiếc	887	12	10.523
	Tổng cộng chưa thuế			351.106		25.265.175
	Thuế GTGT					2.526.517
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					27.791.692

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL1/2024/HĐĐG ngày 20 tháng 9 năm 2024)

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	IC;BASEBAND PROCESSOR,SC6620,12x12x1.3MM	0600-000100	Chiếc	829	9.375	7.771.926
2	IC;MEMORY SPI FLASH 1.8V 64Mbit QPI 120MHZ VSOP-8,GD25LQ64BWIG	0600-000101	Chiếc	1.226	2.125	2.605.822
3	IC;AUDIO PA of CLASS AB SINGLE,AW8090ACOR,1.5x1.5mm WCSP	0600-000102	Chiếc	1.288	313	402.650
4	IC;FM IC,QN8035	0600-000103	Chiếc	4.038	625	2.525.254
5	IC;FM SIGNAL PA Built-in FM low-noise amplifier,AW5007,2.2x2.2x1mm	0600-000104	Chiếc	1.249	938	1.171.388
6	IC;RF PA of GSM,Dual-BAND GSM PA+ASM,VC5268,5.24x6.63x0.97mm	0600-000105	Chiếc	1.356	3.127	4.240.313
7	IC;RF- Transceiver,SR528	0600-000106	Chiếc	1.286	2.501	3.216.298
8	IC;RF FILTER(two-in-one) GSM Receiver,B39182-B9500-L310,1.8x1.4x0.68mm	0600-000107	Chiếc	1.242	500	621.192
9	CAP-CER,SMD;1.5pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000321	Chiếc	8.008	2	12.520
10	CAP-CER,SMD;1.8pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000322	Chiếc	6.563	2	10.261
11	CAP-CER,SMD;3.3pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000323	Chiếc	6.815	2	10.655
12	CAP-CER,SMD;4.7pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	0301-000324	Chiếc	9.108	2	14.241
13	CAP-CER,SMD;22pF,5%,0402,50V,C0G	0301-000325	Chiếc	5.255	2	8.215
14	CAP-CER,SMD;47pF,5%,0402,50V,C0G,zom	0301-000320-ZOM	Chiếc	8.132	2	12.714
15	CAP-CER,SMD;56pF,5%,0402,50V,C0G	0301-000326	Chiếc	9.086	2	14.206
16	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0402,50V,C0G	0301-000327	Chiếc	12.671	2	19.810
17	CAP-CER,SMD;470pF,10%,0402,50V,X7R	0301-000328	Chiếc	9.062	2	14.169
18	CAP-CER,SMD;1nF,10%,0402,50V,X7R	0301-000329	Chiếc	8.935	2	13.970
19	CAP-CER,SMD;10pF,10%,0402,50V,X7R	0301-000330	Chiếc	8.351	2	13.057
20	CAP-CER,SMD;22nF,10%,0402,16V,X7R	0301-000331	Chiếc	5.970	3	15.864
21	CAP-CER,SMD;47nF,10%,0402,16V,X7R	0301-000332	Chiếc	6.030	27	160.242
22	CAP-CER,SMD;100nF,10%,0402,16V,X5R	0301-000333	Chiếc	12.291	4	46.111
23	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0402,10V,X5R	0301-000334	Chiếc	17.835	5	83.637
24	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0603,6.3V,X5R	0301-000335	Chiếc	11.019	9	103.331
25	CAP-CER,SMD;10uF,10%,0805,6.3V,X5R	0301-000336	Chiếc	5.325	25	133.153
26	RES-SMD;0OHM,5%,0402,1/16W	0200-000545	Chiếc	18.249	1	17.202
27	RES-SMD;100OHM,5%,0402,1/16W	0200-000546	Chiếc	8.945	1	8.391
28	RES-SMD;220OHM,5%,0402,1/16W	0200-000547	Chiếc	8.925	1	8.373
29	RES-SMD;240OHM,5%,0402,1/16W	0200-000548	Chiếc	108.900	1	102.174
30	RES-SMD;330OHM,5%,0402,1/16W	0200-000549	Chiếc	5.933	1	5.564
31	RES-SMD;510OHM,1%,0402,1/16W	0200-000550	Chiếc	8.285	1	7.772
32	RES-SMD;1KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000551	Chiếc	12.148	1	11.394
33	RES-SMD;1.5KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000552	Chiếc	7.511	1	7.045
34	RES-SMD;2KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000553	Chiếc	8.994	1	8.437
35	RES-SMD;6.2KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000554	Chiếc	9.022	2	14.106
36	RES-SMD;10KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000555	Chiếc	9.018	1	8.460
37	RES-SMD;15KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000556	Chiếc	9.021	1	8.463
38	RES-SMD;33KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000557	Chiếc	8.992	1	8.435
39	RES-SMD;47KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000558	Chiếc	7.980	1	7.486
40	RES-SMD;51KOHM,5%,0402,1/16W	0200-000559	Chiếc	8.232	1	7.722
41	RES-SMD;75KOHM,1%,0402,1/16W	0200-000560	Chiếc	8.969	1	8.414
42	RES-SMD;100KOHM,1%,0402,1/16W	0200-000561	Chiếc	8.931	1	8.378
43	RES-SMD;0.36OHM,1%,0805,1/8W	0200-000562	Chiếc	4.013	25	100.381
44	CRYSTAL;32.768KHz,20PPm,12.5pF,SSP-T7-F	1300-000038	Chiếc	1.268	344	436.018
45	CRYSTAL;26MHz,10PPm,9pF,3.3x2.6x0.8mm,XTL571100-S362-001	1300-000039	Chiếc	1.301	281	366.054
46	IND-SMD;2.4nH,±0.3nH,0402,300mA,0.2OHM	2100-000176	Chiếc	8.938	6	55.899
47	IND-SMD;2.7nH,±0.3nH,0402,300mA,0.2OHM	2100-000177	Chiếc	8.950	6	55.974
48	IND-SMD;6.2nH,±0.3nH,0402,300mA,0.3OHM	2100-000178	Chiếc	9.093	6	56.867
49	IND-SMD;6.8nH,5%,0402,300mA,0.24OHM	2100-000179	Chiếc	9.077	6	56.767
50	IND-SMD;10nH,5%,0402,300mA,0.4OHM	2100-000180	Chiếc	8.838	6	55.272
51	IND-SMD;22nH,5%,0402,300mA,0.6OHM	2100-000181	Chiếc	9.045	6	56.565
52	IND-SMD;33nH,5%,0402,200mA,0.8OHM	2100-000182	Chiếc	9.172	6	57.362
53	IND-SMD;47nH,5%,0402,200mA,1.1OHM	2100-000183	Chiếc	8.475	6	53.002
54	IND-SMD;120nH,5%,0402,100mA,3.2OHM	2100-000184	Chiếc	7.450	13	93.173
55	FB;1KOHM@100MHz,25%,200mA,0402	2900-000006	Chiếc	7.659	9	71.842
56	FB;470OHM@100MHz,25%,1500mA,0603	2900-000007	Chiếc	8.228	9	77.183
57	FB;2.5KOHM@100MHz,25%,200mA,0603	2900-000011	Chiếc	9.175	9	78.258

Handwritten mark

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
58	LED-SMD;3V,5mA,0603,BLUE	1100-000006	Chiếc	7.221	41	292.593
59	TRANS-BJT;NPN,50V,100mA,SOT-416,DTC123JETL	0501-000078	Chiếc	1.177	31	36.789
60	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOD-523,RB520S30	0404-000011	Chiếc	927	31	28.971
61	MOS-FET;P-Channel,20V,3.5A,2x2x0.8mm,BF9024SPD-MS	0505-000013	Chiếc	1.184	106	125.825
62	CAP-VR,SMD;15PF,18V,0402,AVL18S02015	0312-000001	Chiếc	10.655	8	83.268
63	ESD;75pF,3.3V,SOD-523,ESD5Z3V3-2/TR	2800-000001	Chiếc	1.112	47	52.141
64	IC;RF Test Socket 818000001	0600-000108	Chiếc	8.963	360	3.223.739
65	CONN-SMD;CONN T-Flash,13.3x13.3x1.6mm,WKTFH010-S05	1600-000094	Chiếc	1.503	180	270.248
66	CONN-SMD;CONN SIM,13.6x16.4x1.8mm,ALP-SIML615-18A	1600-000095	Chiếc	1.512	180	271.801
67	CONN-SMD;Earphone Jack,Φ3.5,12x6.x4.2mm,ALP-JCK6-Q3510C	1600-000096	Chiếc	1.111	432	479.399
68	CONN-SMD;CONN BAT,3PIN,WKBAH013-B31	1600-000097	Chiếc	833	216	179.704
69	CONN-SMD;CONN MICRO USB,5PIN,WKUBI011-011	1600-000098	Chiếc	1.487	180	267.369
70	CONN-SMD; ANTENNA Spring; 3,5x1,5x3,5; 818000379	1600-000099	Chiếc	2.036	108	219.632
71	SHIELD CLIP;Shield Cover Clip,6.5x0.5x1.28,ECT818000149	NS03-000009	Chiếc	7.526	52	389.549
72	PCB ARRAY;V6206,SP01 MB V2.3	NS16-000045	Chiếc	909	1.095	995.499
73	LABEL;IMEI Label V6206,33 *15mm	NS05-000007	Chiếc	19.843	75	1.489.628
74	LABEL;Screw Label,2.5mm,Round	NS05-000011	Chiếc	19.811	75	1.487.220
75	SCREW;M1.4x4.0	2200-000013	Chiếc	18.478	17	318.965
76	CAMERA MODULE;V6206,0.08 Mega Pixels,SP0829	NS13-000001	Chiếc	983	1.959	1.925.306
77	LCD MODULE;V6206,1.77inch LCD QCIIF(CBT glasses + JL9163C)	NS01-000002	Chiếc	202	5.313	1.073.177
78	MOTOR;V6206,Vibrator Flat Type 1027,Wire L=15mm	NS12-000001	Chiếc	1.383	1.105	1.527.699
79	MIC MODULE;V6206,0415,BOOT 0.5,Wire L=10mm	NS08-000001	Chiếc	1.281	282	361.565
80	SPEAKER MODULE;V6206,2618 Track Type,Wire L=30mm	NS11-000001	Chiếc	1.467	1.079	1.582.563
81	LED-DIP;V6206,φ3.0x6, L-Preforming	1101-000001	Chiếc	359	61	22.020
82	DOME SHEET;V6206	NS14-000001	Chiếc	1.048	540	565.893
83	SPONGE;V6206,Gasket-SPK on PCB,Poron,Black	NS24-000002	Chiếc	1.752	70	123.172
84	LABEL;V6206 Waterproof Label φ 3	NS05-000014	Chiếc	20.552	2	30.873
85	TAPE;Insulated Tape Receiver V6206	NS04-000001	Chiếc	1.766	7	12.416
86	SHIELD CAN;SP01 RF,V6206	NS03-000007	Chiếc	385	172	66.141
87	SHIELD CAN;SP01 BB,V6206	NS03-000008	Chiếc	243	205	49.737
88	RECEIVER MODULE;V6206,1506, Spring Type	NS09-000001	Chiếc	3.433	621	2.132.047
89	WINDOW;V6206 Main Window	NS15-000001	Chiếc	885	641	566.886
90	FRONT;V6206,BLACK	NS10-000001	Chiếc	292	1.098	320.754
91	KEYPAD ASSY;V6206,RED	NS10-000002	Chiếc	433	1.411	610.779
92	KEYPAD ASSY;V6206,YELLOW	NS10-000005	Chiếc	220	1.414	310.999
93	WINDOW;V6206 Camera Window	NS15-000002	Chiếc	909	104	94.787
94	ANTENNA;V6206,Ant GSM,FPC	NS26-000003	Chiếc	1.286	540	694.378
95	REAR;V6206,RED	NS10-000003	Chiếc	377	1.034	389.970
96	REAR;V6206,YELLOW	NS10-000006	Chiếc	703	1.037	728.774
97	VINYL BAG;V6206 Handset PE Bag	NS17-000001	Chiếc	1.031	0,07	74
98	CHARGER;V6206 CHARGER 3V	NS35-000001	Chiếc	1.167	1.820	2.123.982
99	CABLE;DATA CABLE,5 PIN MICRO USB	NS39-000001	Chiếc	1.624	654	1.061.331
100	EARPHONE;φ3.5 Earphone-common,L=100cm	NS36-000001	Chiếc	1.689	1.191	2.011.711
101	BATTERY;V6206,BL-4U,62x38x4.5,900mAh	NS37-000001	Chiếc	197	4.685	922.915
102	GIFTBOX;HANDSET 2G V6206,YELLOW COLOR	NS18-000026	Chiếc	32	253	8.102
103	USER MANUAL;V6206,8*10mm,Vietnamese	NS19-000002	Chiếc	1.082	268	289.588
104	WARRANTY CARD;VietNam,55*90mm	NS38-000001	Chiếc	1.843	264	486.595
105	LABEL;Label for Giftbox V6206,70*30mm	NS05-000008	Chiếc	15.843	75	1.189.340
106	LABEL;ICT Label for V6206,45*23mm	NS05-000009	Chiếc	14.788	75	1.110.140
107	BATTERY COVER;V6206,BLACK	NS10-000004	Chiếc	1.072	936	1.003.421
108	CARTON BOX;V6206,44.5*34.5*26.5mm	NS18-000024	Chiếc	156	252	39.366
109	LABEL;Label for Carton Box V6206,29*21cm	NS05-000013	Chiếc	997	75	74.802
110	BAG;Anti-wet Poly Bag for Carton Box	NS17-000003	Chiếc	997	0,07	72
111	SPACER;Spacer for Carton Box V6206	NS18-000025	Chiếc	591	7	4.364
	TỔNG CỘNG			721.063		58.887.510
	Thuế GTGT					5.888.751
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					64.776.261

PHỤ LỤC 03

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL1/2024/HDDG ngày 20 tháng 9 năm 2024)

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	IC;RF FILTER(two-in-one) GSM Receiver,B39182-B9500-L310,1.8x1.4x0.68mm	B39182-B9500-L310	Chiếc	6.000	456	2.734.538
2	CRYSTAL;32.768KHz,20PPm,12.5pF,SSP-T7-F	SSP-T7-F	Chiếc	6.000	316	1.898.985
3	CONN-SMD;CONN T-Flash,13.3x13.3x1.6mm,WKTFH010-S05	WKTFH010-S05	Chiếc	800	160	128.129
4	CONN-SMD;CONN BAT,3PIN,WKBAH013-B31	WKBAH013-B31	Chiếc	600	157	93.912
5	CONN-SMD;CONN MICRO USB,5PIN,WKUBI011-011	WKUBI011-011	Chiếc	8.000	151	1.208.486
6	CHARGER;V6303 CHARGER 3V	ZTP0L3620200	Chiếc	316	1.836	580.077
7	CABLE;DATA CABLE,5 PIN MICRO USB	ZTP0L3620300	Chiếc	316	731	231.044
8	EARPHONE;ø3.5 Earphone-common,L=100cm	ZTP0L3620400	Chiếc	316	837	264.557
9	BATTERY;V6303,BL-4U,62x38x4.5,900mAh	ZTP0L3620100	Chiếc	316	4.786	1.512.358
10	WINDOW;V6303 Main Window	N/A	Chiếc	600	532	319.050
11	WINDOW;V6303 Camera Window	N/A	Chiếc	600	125	75.060
	TỔNG CỘNG			23.864		9.046.194
	Thuế GTGT					904.619
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					9.950.813

PHỤ LỤC 04

(Kèm theo phụ lục sửa đổi hợp đồng số 655-PL1/2024/HĐĐG ngày 20 tháng 9 năm 2024)

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4.1	Vật tư, linh kiện			433.227		243.465.646
1	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,0dB	GJ-H-0dB	Chiếc	20	1.293	25.869
2	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,1dB	GJ-H-1dB	Chiếc	10	1.228	12.284
3	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,2dB	GJ-H-2dB	Chiếc	10	1.228	12.284
4	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,3dB	GJ-H-3dB	Chiếc	10	1.228	12.284
5	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,4dB	GJ-H-4dB	Chiếc	10	1.228	12.284
6	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,5dB	GJ-H-5dB	Chiếc	10	1.228	12.284
7	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,6dB	GJ-H-6dB	Chiếc	10	1.228	12.284
8	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,7dB	GJ-H-7dB	Chiếc	10	1.228	12.284
9	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,8dB	GJ-H-8dB	Chiếc	10	1.228	12.284
10	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,9dB	GJ-H-9dB	Chiếc	9	1.228	11.055
11	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,10dB	GJ-H-10dB	Chiếc	10	1.228	12.284
12	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,11dB	GJ-H-11dB	Chiếc	10	1.228	12.284
13	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,12dB	GJ-H-12dB	Chiếc	10	1.228	12.284
14	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,13dB	GJ-H-13dB	Chiếc	10	1.228	12.284
15	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,14dB	GJ-H-14dB	Chiếc	9	1.228	11.055
16	ATTENUATOR;3PINS,27.5mm±10%,15dB	GJ-H-15dB	Chiếc	10	1.228	12.284
17	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,0dB	GJ-M-0dB	Chiếc	10	1.282	12.824
18	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,1dB	GJ-M-1dB	Chiếc	10	1.198	11.982
19	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,2dB	GJ-M-2dB	Chiếc	10	1.198	11.982
20	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,3dB	GJ-M-3dB	Chiếc	10	1.198	11.982
21	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,4dB	GJ-M-4dB	Chiếc	10	1.198	11.982
22	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,5dB	GJ-M-5dB	Chiếc	10	1.198	11.982
23	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,6dB	GJ-M-6dB	Chiếc	10	1.198	11.982
24	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,7dB	GJ-M-7dB	Chiếc	10	1.198	11.982
25	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,8dB	GJ-M-8dB	Chiếc	10	1.198	11.982
26	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,9dB	GJ-M-9dB	Chiếc	10	1.198	11.982
27	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,10dB	GJ-M-10dB	Chiếc	10	1.198	11.982
28	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,11dB	GJ-M-11dB	Chiếc	9	1.198	10.784
29	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,12dB	GJ-M-12dB	Chiếc	10	1.198	11.982
30	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,13dB	GJ-M-13dB	Chiếc	10	1.198	11.982
31	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,14dB	GJ-M-14dB	Chiếc	9	1.198	10.784
32	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,15dB	GJ-M-15dB	Chiếc	10	1.198	11.982
33	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,16dB	GJ-M-16dB	Chiếc	10	1.198	11.982
34	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,17dB	GJ-M-17dB	Chiếc	10	1.198	11.982
35	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,18dB	GJ-M-18dB	Chiếc	10	1.198	11.982
36	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,19dB	GJ-M-19dB	Chiếc	9	1.198	10.784
37	ATTENUATOR;3PINS,30mm±10%,20dB	GJ-M-20dB	Chiếc	10	1.198	11.982
38	CONN-DIP;PLUG, 8X14.5MMX3PINS	GK-5	Chiếc	18	630	11.340
39	CONN-DIP;Solderable, 7pin,female-small	SHMC-5	Chiếc	5	1.787	8.934
40	CONN-DIP;TESTSEAT, 7X7MMX4PINS	JX-2	Chiếc	30	694	20.808
41	CONN-DIP;TESTPOINT, 10X10MMX5PINS	FL10ZY7	Chiếc	18	1.305	23.493
42	CONN-DIP;Solderable, 1pin,female-small	CK-OA	Chiếc	116	236	27.318
43	FUSE-HAND;250V,10A	BX-07	Chiếc	28	329	9.223
44	FILTER;Duplex,36X12MMX7PINS,65/87MHZ	DPX-63	Chiếc	20	8.352	167.046
45	BUSHING;CLOSED,11.43MMx6.60MMx6.50MM,Nylon,Bk	SL-06	Chiếc	30	193	5.787
46	BOX;XD39,246X194X108MM	XD-39	Chiếc	10	96.569	965.690
47	CRIMP-RING-TERMINAL; 7MMX20MMX4MM,3.2MM-Hole,brass	SHMP-1	Chiếc	50	2.012	100.605
48	PCB ARRAY;VT-CATV REV03A,2lớp,210x130x 1.6mm, FR4,mạ thiếc,chữ trắng,phủ xanh	VT_CATV_REV03A	Chiếc	15	9.904	148.560
49	PCB ARRAY;VT-CATV-POWER-REV03B,2lớp, 120x65x1.6mm,FR4,mạ thiếc, chữ trắng,phủ xanh	VT-CATV-POWER-REV03B	Chiếc	15	5.336	80.043
50	CAP-CER,DIP;2200PF,-20%TO+80%,RADIAL,2KV,F	DEBF33D222ZA2B	Chiếc	40	639	25.566
51	CAP-ALUM,DIP;100UF,20%,RADIAL,50V,-	ECA-1HM101	Chiếc	20	692	13.848
52	CAP-CER,DIP;0.1UF,10%,RADIAL,250V,-	FK26X7R2E104K	Chiếc	30	663	19.890
53	CAP-CER,DIP;10000PF,5%,RADIAL,1KV	C322C103JDR5TA	Chiếc	46	2.314	106.426
54	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0603,25V	TMK107SD472JA-T	Chiếc	70	723	50.600

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
55	CAP-CER,SMD;0.8PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R8BAT2A	Chiếc	260	975	253.617
56	CAP-CER,SMD;1PF,0.1pF0603,50V,NP0	ML03511R0BAT2A	Chiếc	570	888	505.989
57	CAP-CER,SMD;1.6PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R6BAT2A	Chiếc	570	918	523.260
58	CAP-CER,SMD;2.2PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03512R2BAT2A	Chiếc	260	1.002	260.559
59	CAP-CER,SMD;3.3PF,0.25pF,0603,100V,NP0	C1608NP02A3R3C080AA	Chiếc	260	189	49.023
60	CAP-CER,SMD;4.7PF,0.25pF,0603,100V,NP0	CGA3E2NP02A4R7C080AA	Chiếc	60	206	12.357
61	CAP-CER,SMD;5.6PF,0.25pF,0603,100V,NP0	GQM1885C2A5R6CB01D	Chiếc	260	899	233.727
62	CAP-CER,SMD;6.8PF,0.25pF,0603,100V,NP0	GQM1885C2A6R8CB01D	Chiếc	260	930	241.722
63	CAP-CER,SMD;10PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H100JB01D	Chiếc	260	1.013	263.289
64	CAP-CER,SMD;15PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H150JB01D	Chiếc	570	1.175	669.893
65	CAP-CER,SMD;22PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H220JB01D	Chiếc	260	1.285	334.152
66	CAP-CER,SMD;33PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H330JB01D	Chiếc	260	1.289	335.166
67	CAP-CER,DIP;470pF,5%,Radial,1KV	DEA1X3A471JN2A	Chiếc	40	789	31.542
68	CAP-FILM,DIP;0.22uF,5%,Radial,250V	B32522C3224J	Chiếc	20	2.262	45.237
69	CAP-FILM,DIP;10000pF,10%,Radial,400V	B32520C6103K	Chiếc	15	936	14.033
70	CAP-ALUM,DIP;680uF,20%,10Mx25Mx30M,200V,293mOHM	EET-HC2D681CA	Chiếc	15	10.259	153.889
71	CAP-ALUM,DIP;1000uF,20%,5Mx12Mx22M,35V	ECA-1VM102	Chiếc	30	1.759	52.758
72	CAP-FILM,DIP;0.1uF,10%,Radial,63V	B32529C104K	Chiếc	50	358	17.880
73	CAP-FILM,DIP;1000pF,10%,Radial,63V	B32529C102K	Chiếc	20	590	11.808
74	CAP-FILM,DIP;2200pF,10%,Radial,100V	B32529C1222K	Chiếc	20	579	11.580
75	CONN-TIN;HEADER,10POS,4.2MM	39293106	Chiếc	15	5.425	81.378
76	CONN-DIP;PLUG,M,10PIN,300V,DIP	39-01-2100	Chiếc	14	1.739	24.347
77	CONN-TERM;FEMALE,CRIMP,22-28AWG	39000215	Chiếc	30	865	25.938
78	TVS-DIODE;UNI,600W,27V,AXL	P6KE27A	Chiếc	29	1.365	39.598
79	DIODE-BRIDGE;800V,6A,GBU	GBU6K-BP	Chiếc	15	2.611	39.164
80	DIODE-SCHOTTKY;200V,10A,TO-220	MBR20200CTTU	Chiếc	15	4.181	62.710
81	DIODE-SWITCHING;400V,1A,DO-41	1N4936-T	Chiếc	48	455	21.838
82	DIODE-ZENER;15V,500mW,DO35	1N5245B-T	Chiếc	20	649	12.972
83	DIODE-SWITCHING;75V,0.15A,DO35	1N4148-T	Chiếc	20	296	5.910
84	DIODE-ZENER;24V,500mW,DO35	1N5252B-T	Chiếc	20	645	12.909
85	FUSE-HOLDER,W=22.5mm5X20PcMnt	65600001009	Chiếc	30	2.937	88.124
86	FUSE;CERM,10A,250V,5X20-T-LAG	0001.2514	Chiếc	30	1.778	53.325
87	FUSE;FAST,5A,250V,5Mx20M	0217005.HXP	Chiếc	15	1.216	18.236
88	FUSE-CLIP;5Mx20M,250V,10A,THRUHOLD	52000001009	Chiếc	49	576	28.202
89	IC; PushPullPreAmplifier,CGY1043,SOT115	CGY1043,112	Chiếc	10	73.308	733.085
90	IC;PowerDoublerAmplifier,CGD1044HI,SOT-115J,1GHZ	CGD1044HI,112	Chiếc	10	76.581	765.807
91	IC;CURRENT-MODE-PWM-CONTROLLER,UC3843,8-DIP,MAX FREQ-275KHZ	UC3843BNG	Chiếc	15	1.856	27.846
92	IC;VREF,2.5V,TO-92-3	TL431CLPM	Chiếc	15	923	13.849
93	IND-DIP;100uH,10%,RADIAL,0.91A,0.28Ohm	RL622-101K-RC	Chiếc	20	1.842	36.843
94	IND-DIP;140nH,20%,10X7X15MM,10A,20mOHM	TCSLA5X15-140nH	Chiếc	330	942	310.910
95	IND-DIP;22uH,10%,9X12.2mm,2.4A,70mOHM	6000-220K-RC	Chiếc	15	1.873	28.089
96	IND-DIP;9.0uH,20%,30X10X15MM,8A,18mOHM	CR6030-106005-5NR-9.0uH	Chiếc	60	4.475	268.524
97	IND-DIP;15uH,20%,37X8X15MM,10A,30mOHM	TCSLA8X37-15uH	Chiếc	330	11.019	3.636.419
98	RES-SMD;75OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ750V	Chiếc	30	28	842
99	RES-SMD;8.2OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ8R2V	Chiếc	100	14	1.365
100	RES-SMD;1300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ132V	Chiếc	70	21	1.439
101	RES-SMD;0.0OHM,Jump,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Chiếc	100	14	1.410
102	RES-SMD;150OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ151V	Chiếc	160	17	2.760
103	RES-SMD;330OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ331V	Chiếc	570	20	11.628
104	RES-SMD;4.7OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ4R7V	Chiếc	1.100	14	15.015
105	RES-SMD;100OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ100V	Chiếc	570	21	12.141

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
106	RES-SMD;120OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ120V	Chiếc	1.100	14	15.510
107	RES-SMD;150OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ150V	Chiếc	570	21	11.714
108	RES-SMD;200OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ200V	Chiếc	1.100	14	15.015
109	RES-SMD;300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Chiếc	570	21	11.714
110	RES-SMD;120OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ121V	Chiếc	570	21	12.141
111	RES-SMD;160OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ161V	Chiếc	570	21	11.970
112	RES-SMD;180OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ181V	Chiếc	482	21	9.905
113	RES-SMD;200OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ201V	Chiếc	500	20	10.200
114	RES-SMD;360OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ361V	Chiếc	466	21	9.926
115	RES-SMD;470OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ471V	Chiếc	497	21	10.437
116	RES-SMD;680OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ681V	Chiếc	570	21	11.714
117	RES-DIP;220OHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-22R	Chiếc	100	63	6.270
118	RES-DIP;18KOHM,0.1%,Axial,1/4W	MFP-25BRD52-18K	Chiếc	50	932	46.575
119	RES-DIP;15KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-15K	Chiếc	50	81	4.073
120	RES-DIP;2.2KOHM,5%,Axial,1/2W	CFR-50JB-52-2K2	Chiếc	20	140	2.796
121	RES-DIP;3.9KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-3K9	Chiếc	50	79	3.953
122	RES-DIP;10KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-10K	Chiếc	20	103	2.061
123	RES-DIP;680KOHM,5%,Axial,1/4W	HHV-25JR-52-680K	Chiếc	20	619	12.372
124	RES-DIP;1KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-1K	Chiếc	20	107	2.136
125	RES-DIP;12KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-12K	Chiếc	20	106	2.118
126	RES-DIP;0.150OHM,5%,Axial,1W	KNP100JR-73-0R15	Chiếc	20	654	13.074
127	RES-DIP;560OHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-560R	Chiếc	20	103	2.061
128	RES-DIP;2.2KOHM,5%,Axial,1/4W	CFR-25JB-52-2K2	Chiếc	50	79	3.945
129	CHOKE,COMM-MODE;3.3mH,1.2A	EV20-1.2-02-3M3	Chiếc	15	4.621	69.320
130	RF-POWER-DIVIDER;SPA-1002-27H,2 ways	SPA-1002-27H	Chiếc	10	13.723	137.229
131	EQUALIZER-EQG;Zinwell-Fixed	EQG	Chiếc	20	16.064	321.282
132	FB,500OHM@100MHZ,7A,3M5x5M,Axial	EXC-ELSA35	Chiếc	20	455	9.090
133	FB,680OHM@100MHZ,4Mx10M,Tube	74270014	Chiếc	50	2.160	107.993
134	FB,TOROID,5Mx7M5x12M5	B64290L0044X830	Chiếc	15	873	13.102
135	GAS-TUBE;6MM,150V,20%,5KA,AXIAL	GTCA26-151M-R05-FS	Chiếc	330	2.334	770.319
136	GAS-TUBE;6MM,145V,30%,10KA,AXIAL	2045-14-BLF	Chiếc	28	1.955	54.734
137	SILICON-THERMAL-GREASE;30CC,White,4W/mK,-40-180oC	A16241-03	Lọ	2	112.601	225.202
138	HEATSINK;USED_FOR_TO-220,14.5X9.5X22MM,Aluminium,1.5W	BK-T220-0032-06	Chiếc	15	2.535	38.018
139	RES-SPECIAL;THERMISTOR-NTC,2.50HM @ 25°C,5.0A,Axial	MF72-002.5D11	Chiếc	14	1.205	16.874
140	LED-SMD,2V,20mA,0805,RED	APT2012EC	Chiếc	50	362	18.098
141	LED-DIP;ROUND,2.2V,20mA,3Mx5M5,RED	LN28RPX	Chiếc	15	1.070	16.043
142	MOS-FET;N-Channel,200V,18A,TO-220AB	IRF640NPBF	Chiếc	15	4.503	67.550
143	OPTOCOUPLER;5kV-ISO,4-DIP	PC817X1NSZ0F	Chiếc	15	1.164	17.456
144	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB	CPK-1001-720H	Chiếc	20	12.417	248.349
145	TRANSFORMER;EE35,FLYBACK,PRIMARY INDUCTANCE 75uH@100KHZ,2A,18:18:9	VT0154K-V	Chiếc	10	28.268	282.681
146	VARISTOR-DIP,14MM,220V,4500A,ZNR	ERZ-V14D221	Chiếc	330	1.230	405.999
147	MOV-VARISTOR;180VDC,115VAC,4.5kA,55J,DISC14MM	MOV-14D181K	Chiếc	15	645	9.668
148	ENAMELED-COPPER-ELECTRIC-WIRE;D-0.35MM,POLYESTER	-	Kg	1	39.693	39.693
149	ENAMELED-COPPER-ELECTRIC-WIRE;D-0.6MM,POLYESTER	-	Kg	1	38.937	38.937
150	ELECTRICAL-WIRE;Copper,1.0MM,5A,Red	-	Mét	15	1.627	24.410
151	ELECTRICAL-WIRE;Copper,1.0MM,5A,Green	-	Mét	15	1.683	25.245
152	ELECTRICAL-WIRE;Copper,1.0MM,5A,Black	-	Mét	15	1.667	25.007
153	PLASTIC-SPIRAL-WRAP;twist,width-10mm,white	-	Chiếc	15	1.947	29.203
154	SCREW-SPRING-WASHER;M3-Thread,20mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-Zinc-Plated	-	Chiếc	50	489	24.443
155	SCREW-HEADLESS;M4-Thread,5mm,Steel SCM435,HEX,Blackening	-	Chiếc	44	392	17.252
156	SCREW;M4-Thread,10mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-zinc-plated	-	Chiếc	50	355	17.745
157	SCREW-SPRING-WASHER;M3-Thread,8mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-Zinc-Plated	-	Chiếc	220	352	77.352

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
158	SCREW;M3-Thread,6mm,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-zinc-plated	-	Chiếc	194	345	66.872
159	SCREW- FLAT HEAD;M3-Thread,Steel-1006~1010,CROSS,Cr6-Yellow-zinc-plated	-	Chiếc	50	244	12.218
160	PowerShield;128X88X40MM±5MM	PowerShield	Chiếc	10	40.685	406.853
161	RFSHield;215X135MM±5MM	RFSHield	Chiếc	10	22.039	220.391
162	STANDOFF;M3-Thread,27mm-BBH,Brass-3604,HEX,Clean	-	Chiếc	110	2.012	221.282
163	USER-GUIDE;A5,20PAGE,Black-White	-	Quyển	9	3.946	35.512
164	Thùng carton lớn cho CATV - Kích thước: 615x350x490(mm) - In 01 mẫu 01 mặt - Bôi catong sóng C, 3 lớp - Giá công thành phẩm	-	Bộ	2	24.000	48.000
165	CONN-DIP;PLUG,M,10POS, DUAL	39-01-2100	Cái	1	6.028	6.028
166	CONN-30GOLD;TERM,FEMALE,22-28AWG	39-00-0183	Cái	1	4.923	4.923
167	DIODE-SURGE ABSORBER; 150V,5KA,6MM AXIAL,20%	GTCA26-151M-R05-FS	Cái	1	5.111	5.111
168	CAP-CER,DIP; 3300PF,10%, RADIAL,2KV, X7R	DEBE33D472ZA2B	Cái	4	1.991	7.962
169	CAP-CER,DIP; 0.1uF,5%, RADIAL,100V,X7R	RPEF51H104Z2K1A03B	Cái	2	816	1.633
170	CAP-FILM,DIP; 0.1uF,10%, RADIAL, 400V	B32521C6104K	Cái	1	4.493	4.493
171	CAP-ALUM,DIP;100uF,20%,RADIAL 50V,9mOHM	ECE-A1HN101U	Cái	6	5.092	30.553
172	CAP-CER,SMD; 1nF,10%,0603, 50V,NP0	UMK107SD102KA-T	Cái	2	3.058	6.116
173	CAP-CER,DIP; 1nF,10%,RADIAL,2KV,X7R	DEBB33D102KA2B	Cái	1	2.744	2.744
174	CAP-MLO,SMD; 2.3pF,5%,0603, 50V,NP0	ML03512R3BAT2A	Cái	2	3.742	7.485
175	CAP-CER,SMD; 10PF,5%,0603, 50V,NP0	GQM1885C1H100JB01D	Cái	2	2.684	5.369
176	CAP-CER,SMD; 1.2PF,5%,0603, 100V,NP0	GQM1885C2A1R2BB01D	Cái	2	2.870	5.739
177	CAP-CER,SMD; 8.2pF,5%,0603, 50V,NP0	GQM1885C1H8R2CB01D	Cái	2	2.684	5.369
178	CAP-CER,SMD; 24PF,5%,0603, 250V,NP0	251R14S240JV4T	Cái	2	2.744	5.488
179	CAP-CER,SMD; 30PF,5%,0603, 250V,NP0	251R14S300JV4T	Cái	2	2.744	5.488
180	TVS-DIODE; UNI,400W, 45V,5%,SMA	SMAJ45A	Cái	2	3.538	7.076
181	IND-DIP;100uH, 10%,RADIAL, 2A,90mOHM	RL622-101K-RC	Cái	1	4.555	4.555
182	DIODE-SUR ABSORBER; 150V,4500A, 14MM,ZNR	ERZ-VI4D151	Cái	1	5.661	5.661
183	RES-SMD; 180OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ181V	Cái	2	126	251
184	RES-SMD; 390OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ391V	Cái	4	126	502
185	RES-SMD; 0.0OHM,0603, 1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	2	126	251
186	RES-SMD; 240OHM,0603, 5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ241V	Cái	2	126	251
187	RES-SPECIAL; 10KOHM,5%, 1/8W,CARBON FILM	CF18JT10K0	Cái	2	562	1.124
188	RES-SMD; 27OHM,0603, 5%,1/10W	ERJ-3GEYJ270V	Cái	2	126	251
189	RES-SMD; 470OHM,0603, 5%,1/10W	ERJ-3GEYJ471V	Cái	2	126	251
190	RES-SMD;300 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ301V	Cái	2	126	251
191	RES-SMD;220 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ221V	Cái	2	126	251
192	RES-SMD;51 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ510V	Cái	2	126	251
193	RES-SMD;680 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ681V	Cái	2	126	251
194	RES-SMD; 560 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ561V	Cái	1	126	126
195	RES-SMD; 30 OHM,0603,5%, 1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Cái	2	126	251
196	IC;AMP PWR, DBLR,SOT-115J,870MHZ, -25TO+85C	CGD942C	Cái	1	294.372	294.372
197	IC;AMP PWR, LNA,SOT115, 87TO1000MHZ,-25TO+85C	CGY1043,112	Cái	1	296.306	296.306
198	IC;AMP PWR, REVERSE,SOT115J, 5TO65MHz, -25TO+85C	BGY68,112	Cái	1	146.875	146.875
199	SIGNAL SWITCH; DIODESWITCHDUAL,7V, SOT23	MMBD352LT1G	Cái	1	3.494	3.494
200	ADAPTER;F MALE/F FEMALE,75 OHM	6801	Cái	8	8.307	66.452
201	ADAPTER;F FEMALE/F FEMALE,75 OHM	25-7200	Cái	5	1.440	7.198
202	ADAPTER;F MALE/F MALE,75 OHM	222156	Cái	8	13.731	109.847
203	TERMINATOR;F MALE75 OHM	222154	Cái	2	9.522	19.045
204	DIPLEXER;FILTER,5 MHZ,1000 MHZ	MAFL-007988-CD0550	Cái	2	100.800	201.600
205	CONN-DIP;PLUG,8X14.5MMX3PINS	GK-5	Cái	7	1.017	7.118
206	TRANFORMER;PowerDivider,-20dB	OTM-4/4	Cái	17	19.326	328.537

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
207	CONN-DIP;TESTSEAT,7X7MMX4PINS	JX-2	Cái	5	1.017	5.084
208	EQUALIZER-EQG;Zinwell-Fixed	EQG	Cái	6	24.349	146.093
209	CONN-DIP;Solderable,1pin,male	WZ-2	Cái	114	168	19.118
210	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-big	CK-1	Cái	532	253	134.702
211	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-small	CK-OA	Cái	25	168	4.193
212	FILTER;Duplex,30X30MMX20PINS,65/87MHZ	MAFLCT0027	Cái	14	28.684	401.570
213	FILTER;Duplex,30X15MMX10PINS,65/87MHZ	C6171NL	Cái	31	22.512	697.863
214	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20 dB,macom	MACP-009944-CK07F0	Cái	5	16.696	83.482
215	TRANSFORMER;PowerDivider-MAPDCT0029	MAPDCT0029	Cái	5	15.840	79.201
216	ATTENUATOR;3PINS	GJ-M	Cái	125	2.854	356.756
217	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB,clider	FCRID-743-0505T	Cái	40	8.241	329.646
218	EQUALIZER-9VEQ;Qianjin-Fixed	9VEQ	Cái	42	21.406	899.035
219	EQUALIZER-JH-2C;Qianjin-Fixed	JH-2C	Cái	46	17.303	795.929
220	IND-DIP;0.9uH,20%,30X10X15MM,8A,18mOHM	CR6030-106005-5NR-9.0uH	Cái	5	3.282	16.411
221	IND-DIP;30nH,20%,10X5X5XMM,1A,20mOHM	FCRH3060-4T	Cái	3	3.282	9.846
222	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0603,25V,X7R	TMK107SD472JA-T	Cái	7	1.076	7.531
223	CAP-CER,DIP;10000PF,5%,RADIAL,1KV,X7R	C322C103JDR5TA	Cái	14	2.862	40.074
224	CAP-CER,SMD;0.6PF,0.05pF,0603,250V,NP0	251R14S0R6AV4T	Cái	16	796	12.734
225	CAP-CER,SMD;1.6PF,0.1pF,0603,200V,NP0	06032UIR6BAT2A	Cái	76	557	42.340
226	CAP,SMD;2.3PF,0.1pF,0603,50V,A	ML035I2R3BAT2A	Cái	76	1.100	83.630
227	CAP-CER,SMD;3.9PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S3R9BV4T	Cái	26	574	14.914
228	IND-SMD;3.3nH,0.3nH,0805,600mA,130Ohm	AIMC-0805-3N3S-T	Cái	169	203	34.324
229	IND-SMD;6.8nH,5%,0805,400mA,250Ohm	AIMC-0805-6N8J-T	Cái	169	203	34.324
230	IND-SMD;8.2nH,5%,0805,600mA,190Ohm	AISC-0805-R0082J-T	Cái	59	777	45.816
231	IND-SMD;12nH,5%,0805,300mA,350Ohm	AIMC-0805-12NJ-T	Cái	138	203	28.028
232	IND-SMD;270nH,5%,0805,350mA,1Ohm	LQW2BASR27J00L	Cái	169	1.254	211.951
233	IND-SMD;390nH,5%,0805,290mA,1.5Ohm	LQW2BASR39J00L	Cái	169	1.254	211.951
234	IND-SMD;1.5nH,5%,0603,350mA,340Ohm	ELJ-QE15NJFA	Cái	50	966	48.300
235	IND-SMD;1.8nH,2%,0603,320mA,410Ohm	ELJ-QE18NGFA	Cái	46	1.221	56.173
236	CAP-ALUM,DIP;10UF,20%,RADIAL,50V,-55TO105degreeC	EEA-GA1H100	Cái	50	552	27.585
237	IND-DIP;100uH,10%,RADIAL,0.91A,0.280hm	RL622-101K-RC	Cái	8	2.017	16.138
238	RES-SMD;200OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ200V	Cái	26	36	928
239	RES-SMD;0.00OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	68	22	1.489
240	RES-SMD;300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Cái	40	36	1.428
241	RES-SMD;560OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ561V	Cái	50	36	1.785
242	RES-SMD;750OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ750V	Cái	8	36	286
243	RES-SMD;150OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ150V	Cái	38	27	1.043
244	RES-SMD;470OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ470V	Cái	22	36	785
245	RES-SMD;270OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ271V	Cái	26	36	928
246	RES-SMD;12KOHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ123V	Cái	4	36	143
247	RES-SMD;24.0OHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF24R0V	Cái	49	55	2.690
248	LED-DIP;2.2V,20mA,RADIAL,GREEN	MV54643	Cái	49	1.243	60.917
249	TVS-DIODE;UNI,600W,27V,DIR	P6KE27A	Cái	26	2.102	54.655
250	CONN-GOLD;HEADER,10POS,4.2MM	39-29-6108	Cái	14	15.456	216.388
251	CONN-30GOLD;TERM,FEMALE,22-28AWG	39-00-0183	Cái	126	2.168	273.181
252	GAS-TUBE;6MM,150V,20%,5KA,AXIAL	GTCA26-151M-R05-FS	Cái	5	3.013	15.067
253	SHIELD-RF;0.5X0.5X0.25	0.5 X 0.5 X 0.25	Cái	25	5.706	142.639
254	CAP-CER,SMD;10000PF,10%,0805,50V,X7R	C2012X7R1H103K	Cái	4	637	2.546
255	CAP-CER,SMD;10UF,-20%TO+80%,1210,50V,Y5V	C3225Y5V1H106Z	Cái	2	2.006	4.013
256	DIODE;90V,215mA,SOT23,Standard	BAW56,215	Cái	14	436	6.109
257	DIODE-ZENER;3.3V,225MW,SOT-23,3pins	MMBZ5226BLT1G	Cái	12	560	6.719
258	IND-DIP;10mH,-30%to+50%,4PCpin,2.3A,188mOhm	B82733F2232B001	Cái	2	8.395	16.790
259	RES-SMD;1.00KOHM,1%,1206,1/4W	MCR18ERTF1001	Cái	8	343	2.744
260	IC;ControlPhotovoltaicOutput,LVT-816S,4pinSMD,1CH	LTV-816S	Cái	12	1.161	13.930
261	IC;VREF2.5V,ZTL432AFTA,SOT-23-3,3pins	ZTL432AFTA	Cái	12	1.131	13.567
262	FILTER-SMD;DiplexerFilter,20X30MMX20PINS,65/87MHZ	DPX65/88MSA	Cái	30	51.745	1.552.347
263	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB	DBTC-20-4-75+	Cái	45	7.914	356.123
264	TRANSFORMER;PowerDivider-TCP-2-10-75	TCP-2-10-75	Cái	15	8.076	121.140

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
265	Bộ cấp nguồn Voltage Withstanding DC 100V (max), Current Passing DC 1 A (max), 2GHZ	P11-123	Cái	2	155.014	310.028
266	Terminator; 50 Ohm, Type SMA, Male, 18Ghz, Gold	4286	Cái	4	271.524	1.086.094
267	CONN;50 Ohm Type N Female / N Female, DC - 12.4Ghz	172123	Cái	2	57.510	115.020
268	CONN;50 Ohm Type SMA Male / SMA Male, DC - 18Ghz	1053488-1	Cái	4	107.589	430.356
269	CONN;50 Ohm Type SMA Female / SMA Female, DC - 18Ghz	1053634-1	Cái	4	137.703	550.811
270	CONN,PLUG,M,SMA, SHORTING	5088	Cái	2	118.791	237.583
271	CONN;50 Ohm Type N Male /SMA Male, DC - 15Ghz	1057381-1	Cái	2	428.137	856.275
272	CONN;50 Ohm Type N Male/ SMA Female, DC - 15Ghz	1057377-1	Cái	2	348.000	696.001
273	CONN,JACK,N FLANGE-MNT 4 HOLE	172119	Cái	4	34.107	136.427
274	IMPEDANCE CONVERTER; PADS Type SMA (50)/Type F (75), DC - 3 GHz, 50/75, Type SMA Female / Type F Male, Loss 6dB	1C1-362415-02	Cái	2	452.406	904.812
275	Cáp cao tần F male (75 Ohm) to F male (75 Ohm), Length: 60cm, Type cable: RG179 or RG59, Freq >2GHz	CC-706001-FM/FM	Cái	1	342.732	342.732
276	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0603,50V,X5R	C1608X5R1H105K080AB	Cái	12	284	3.413
277	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0603,25V,X7R	TMK107SD472JA-T	Cái	6	1.219	7.312
278	CAP-CER,DIP;0.1UF,10%,RADIAL,250V,X7R	FK26X7R2E104K	Cái	11	1.729	19.016
279	CAP-CER,DIP;1000pF,5%,RADIAL,1KV,X7R	C322C103JDR5TA	Cái	12	3.243	38.911
280	CAP-CER,SMD;2200pF,10%,1210,2KV,X7S	C3225X7S3D222K250AA	Cái	25	3.819	95.464
281	CAP-CER,DIP;2200PF,-20%TO+80%,RADIAL,2KV,F	DEBF33D222ZA2B	Cái	3	1.016	3.047
282	CAP-CER,SMD;0.6PF,0.05pF,0603,250V,NP0	251R14S0R6AV4T	Cái	105	743	77.963
283	CAP-CER,SMD;0.8PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S0R8BV4T	Cái	89	455	40.491
284	CAP-CER,SMD;1PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S1R0BV4T	Cái	113	455	51.409
285	CAP-CER,SMD;1.2PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S1R2BV4T	Cái	116	455	52.774
286	CAP-CER,SMD;1.6PF,0.1pF,0603,200V,NP0	06032U1R6BAT2A	Cái	69	632	43.605
287	CAP-CER,SMD;2.3PF,0.1pF,0603,50V,A	ML03512R3BAT2A	Cái	115	1.247	143.417
288	CAP-CER,SMD;3.9PF,0.1pF,0603,250V,NP0	251R14S3R9BV4T	Cái	117	578	67.603
289	RES-SMD;0.00HM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	94	23	2.200
290	RES-SMD;0.00HM,5%,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	Cái	110	59	6.501
291	RES-SMD;0.00HM,5%,1206,1/4W	ERJ-8GEY0R00V	Cái	110	83	9.141
292	RES-SMD;8.2OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ8R2V	Cái	6	42	249
293	RES-SMD;1300OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ132V	Cái	8	42	332
294	RES-SMD;750HM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ750V	Cái	171	32	5.412
295	RES-SMD;12KOHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ123V	Cái	8	42	332
296	RES-SMD;4.7OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ4R7V	Cái	107	32	3.387
297	RES-SMD;150HM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ150V	Cái	98	32	3.102
298	RES-SMD;200HM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ200V	Cái	84	32	2.659
299	RES-SMD;300HM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ300V	Cái	120	32	3.798
300	ATTENUATOR;3dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -3dB	Cái	8	2.513	20.101
301	ATTENUATOR;5dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -5dB	Cái	15	2.513	37.690
302	ATTENUATOR;6dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -6dB	Cái	8	2.513	20.101
303	ATTENUATOR;7dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -7dB	Cái	45	2.513	113.069
304	ATTENUATOR;9dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -9dB	Cái	15	2.513	37.690
305	ATTENUATOR;10dB,3PINS,1.26"	1.26" JXP -10dB	Cái	15	2.513	37.690
306	ATTENUATOR;5dB,3PINS,1"	1" JXP -5dB	Cái	15	2.513	37.690
307	ATTENUATOR;6dB,3PINS,1"	1" JXP -6dB	Cái	15	2.513	37.690
308	ATTENUATOR;7dB,3PINS,1"	1" JXP -7dB	Cái	45	2.513	113.069
309	TRANSFORMER;PowerDivider-MAPDCT0029	MAPDCT0029	Cái	5	22.168	110.840
310	TRANSFORMER;DirectionalCoupler,-20dB,MA/COM	MACP-009944-CK07F0	Cái	5	23.368	116.838
311	CONN-DIP;PLUG,8X14.5MMX3PINS	GK-5	Cái	13	1.669	21.694
312	CONN-DIP;TESTPOINT,10X10MMX5PINS	FL10ZY7	Cái	26	1.669	43.388
313	CONN-DIP;TESTSEAT,7X7MMX4PINS	AT-6	Cái	17	919	15.616
314	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-big	CK-1	Cái	288	486	139.838
315	CONN-DIP;Solderable,1pin,female-small	CK-0.5	Cái	11	389	4.274
316	IND-DIP;100uH,10%,RADIAL,0.91A,0.280hm	RL622-101K-RC	Cái	14	2.149	30.085

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
317	FB,146OHM@100MHZ,7mmO.DX3.8mmI.DX13.5mmL	28B0275-000	Cái	31	465	14.415
318	EQUALIZER-EQG;Zinwell-Fixed	EQG	Cái	28	16.475	461.290
319	EQUALIZER-REQM-65;Zinwell-Fixed	REQM-C65	Cái	8	16.475	131.797
320	DUPLEXER/DIPLEXER;30X30MMX20PINS,65/87MHZ	MAFL-007988-CD0550	Cái	19	6.716	127.600
321	DUPLEXER/DIPLEXER;30X30MMX20PINS,65/87MHZ	MAFL-011014	Cái	19	6.716	127.600
322	10uF/16V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R7BB106	chiếc	4	108	432
323	10nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB102	chiếc	8	45	360
324	100uF/16V Aluminum SMD Capacitor	100uF35V-3054	chiếc	3	504	1.512
325	100nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB104	chiếc	18	54	972
326	220uF/16V Aluminum SMD Capacitor	220uF16V-6377	chiếc	4	540	2.160
327	1uF/16V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R7BB105	chiếc	9	72	648
328	4.7uF/35V SMD Aluminum Capacitor	4.7uF35V-3054	chiếc	6	234	1.404
329	18pF/50V ±5% NPO SMD-0805	C0805JRNPO9BN180	chiếc	6	36	216
330	100nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB104	chiếc	10	54	540
331	220pF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB221	chiếc	6	45	270
332	47pF/50V ±5% NPO SMD-0805	0805JRNPO9BN470	chiếc	6	36	216
333	1nF/50V ±10% X7R SMD-0805	C0805KRX7R9BB102	chiếc	10	45	450
334	24K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN243	chiếc	100	9	900
335	1K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN102	chiếc	50	9	450
336	10K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN103	chiếc	70	9	630
337	0R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN0	chiếc	60	9	540
338	5.6K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN562	chiếc	100	9	900
339	6.8K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN682	chiếc	100	9	900
340	4.7K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN472	chiếc	100	9	900
341	47R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN470	chiếc	72	9	648
342	100R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN101	chiếc	98	9	882
343	20K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN203	chiếc	89	9	801
344	150 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN151	chiếc	100	9	900
345	33K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN333	chiếc	98	9	882
346	3.3K 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN332	chiếc	98	9	882
347	51R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN510	chiếc	76	9	684
348	330R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN331	chiếc	100	9	900
349	270R 5% SMD-0805 Resistor	RM10JTN271	chiếc	99	9	891
350	24LC256-I/SN	24LC256-I/SN	chiếc	2	324	648
351	1.5A Adj 1.2V to 37V Positive Voltage Regulator	LM317T	chiếc	2	900	1.800
352	8 MHz HC-49S Crystal	8MHz-HC49S	chiếc	2	54	108
353	15uH/3A SMD 12x12x8mm inductor	L127H-150M	chiếc	4	1.440	5.760
354	6.8uH/4.4A ±30% SMD Inductor	L8D43-6R8N	chiếc	3	1.080	3.240
355	MMBT3904-SOT23 SMD	MMBT3904-1AM	chiếc	17	108	1.836
356	1N4007 SMD (Mark M7)	1N4007-M7	chiếc	7	90	630
357	SS34 3A/40V Schottky Barrier Diode	SS34	chiếc	2	360	720
358	SMD-1210 Ultra Bright Red LED	HT67-2100SURCS	chiếc	4	234	936
359	CR2032 3V Lithium Battery Cell	CR2032-GOOP	chiếc	2	900	1.800
360	Thẻ nhớ microSD 2GB	-	chiếc	1	15.000	15.000
361	Mạch 2 lớp, kích thước khoảng 200*115 mm	HCN-V4ARM	chiếc	1	26.550	26.550
362	Upper Datalogger GSTV-02/Tấm vỏ trên GSTV-02	-	chiếc	1	52.500	52.500
363	Lower Datalogger GSTV-01/Tấm vỏ dưới GSTV-01	-	chiếc	1	45.000	45.000
364	CAP CER 10UF 10V Y5V 0805	GRM21BR71H106JT	chiếc	10	35	345
365	CAP CER 10000PF 50V 10% X7R 0805	CL21B103JBNC	chiếc	5	18	90
366	CAP ALUM 100UF 16V 20% SMD	100uF16V-SMD6354	chiếc	1	420	420
367	CAP CER 0.1UF 50V Y5V 0805	CL21B104JBAC	chiếc	40	30	1.200
368	CAP ALUM 330UF 35V 20% SMD	330uF35V-SMD100102	chiếc	1	600	600
369	CAP CER 1UF 25V Y5V 0805	GRM21BR71H105JA12L	chiếc	5	35	173
370	CAP ALUM 4.7UF 16V 20% SMD	CDV-25V-475M	chiếc	2	195	390
371	CAP CER 18PF 50V 5% NPO 0805	GRM21BSC1H180JT	chiếc	10	195	1.950
372	CAP CER 220PF 50V 5% NPO 0805	GRM2195C1H221JA01D	chiếc	10	18	180
373	CAP CER 47PF 50V 5% NPO 0805	GRM2165C1H470JA01D	chiếc	10	18	180

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
374	CAP CER 1000PF 50V 10% X7R 0805	GRM2165C1H102JA01D	chiếc	10	18	180
375	RES 24.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-0724KL	chiếc	4	15	60
376	RES 10.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-0710KL	chiếc	35	6	210
377	RES 33.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-0733KL	chiếc	5	15	75
378	RES 3.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RC0805FR-073KL	chiếc	5	15	75
379	SIM Card Holder FMS006-2600-0	FMS006-2600-0	chiếc	1	3.750	3.750
380	T-FLASH CONNECTOR (MicroSD Socket)	MicroSD	chiếc	1	1.500	1.500
381	IC REG LDO ADJ 1.5A TO-220	LM317T	chiếc	1	750	750
382	PHOTOCOUPLER 4CH OUT 16-DIP	PC847X0J000F	chiếc	1	3.750	3.750
383	CRYSTAL 7.3728 MHZ 18PF SMD	7.3728MHz-HC49S	chiếc	1	450	450
384	CRYSTAL 25.000 MHZ 18PF SMD	25MHz-HC49S	chiếc	1	450	450
385	INDUCTOR PWR SHIELD 22UH SMD	L127H-150M	chiếc	1	1.200	1.200
386	INDUCTOR POWER 6.8UH 1.0A SMD	LT54-3R3M	chiếc	1	450	450
387	TRANS NPN 40V 200MA SOT23	MMBT3904-1AM	chiếc	5	90	450
388	DIODE SCHOTTKY 2A 40V SMB	SS24	chiếc	2	225	450
389	DIODE SCHOTTKY 3A 40V SMC	SS34	chiếc	1	300	300
390	LED ALGAAS RED THIN 0805 SMD	HT17-2102SURC	chiếc	4	150	600
391	BATTERY LITHIUM COIN 3V 20MM	CR2032-GOOP	chiếc	1	750	750
392	IC ARM CORTEX MCU 256K 100-LQFP	LM3S6950-IQC50-A2	chiếc	1	28.593	28.593
393	IC A/D CONV 4-CH SERIAL 16-QSOP	ADS8343EB	chiếc	1	41.331	41.331
394	IC VREF SERIES PREC SOT-23-3	REF3112AIDBZT	chiếc	1	6.564	6.564
395	IC REG BUCK ADJ 2A 8SOIC	TPS5420DR	chiếc	1	7.294	7.294
396	IC REG LDO 3.3V .15A SOT23-5	TPS73133DBVT	chiếc	2	7.586	15.171
397	859955/ Bộ chuyển đổi trở kháng 75 Ohm sang 50 Ohm	-	Bộ	2	381.742	763.484
398	Thiết bị truy nhập EoC trung tâm 4 port RJ45, 3 F-connector Master EAV112 Indoor	-	Bộ	1	819.363	819.363
399	Thiết bị truy nhập EoC đầu cuối 4 port RJ45, 2 F-connector Slave EAV424v2 Indoor	-	Bộ	2	273.121	546.242
400	HomeLink 6081B indoor/Thiết bị truy nhập EoC trung tâm 3 port RJ45, 4 F-connector	-	Bộ	1	1.034.619	1.034.619
401	Thiết bị truy nhập EoC đầu cuối HomeAccess 1084, 4 port RJ45, 2 F-connector HomeAccess 1084	-	Bộ	2	241.411	482.822
402	Outdoor Vispace 6000 M-01xx (Master)/Thiết bị truy nhập EoC trung tâm 2 F-connector	-	Bộ	1	940.833	940.833
403	Vispace 6000 S-04LT (Slaver)/Thiết bị truy nhập EoC đầu cuối 2 port RJ45, 2 F-connector	-	Bộ	2	201.607	403.214
404	CAP-CER, SMD; 10uF,20%,0603,6.3V,X5R	C1608X5R0J106M	Cái	60	680	40.779
405	CAP-ALUM, SMD; 220uF, 20%, 8MX11M5_RADIAL, 25V	EEU-FM1E221	Cái	49	843	41.307
406	CAP-CER, DIP; 4700pF, -20%, +80%, Radial, 2KV, -25°C ~ 85°C	DEBF33D472ZA2B	Cái	70	1.249	87.434
407	CAP-CER, SMD; 0.01uF, 10%, 0402, 16V, X7R	0402YC103KAT2A	Cái	57	143	8.165
408	CAP-CER, SMD; 0.01uF, 10%, 0402, 25V, X7R	GRM155R71E103KA01D	Cái	41	39	1.605
409	CAP-CER, SMD; 0.1uF, 10%, 0603, 50V, X7R	C1608X7R1H104K080AA	Cái	51	356	18.146
410	CAP-CER, SMD; 0.1uF, 10%, 0402, 10V, X5R	LMK105BJ104KV-F	Cái	418	23	9.468
411	CAP-CER, SMD; 0.1uF, 10%, 0402, 25V, X5R	TMK105BJ104KV-F	Cái	56	292	16.338
412	CAP-CER, SMD; 0.22uF, 10%, 0402, 6.3V, X5R	GRM155R60J224KE01D	Cái	52	156	8.135
413	CAP-CER, SMD; 0.5pF, ±0.25pF, 0402, 50V, COG	GJM1555C1HR50CB01D	Cái	50	323	16.170
414	CAP-CER, SMD; 0.75pF, ±0.1pF, 0402, 50V, COG	GRM1555C1HR75BA01D	Cái	35	258	9.035
415	CAP-CER, SMD; 1.2pF, 0.25pF, 0402, 50V, COG	GRM1555C1HIR2CA01D	Cái	208	42	8.674
416	CAP-CER, SMD; 1.5pF, 0.25pF, 0402, 50V, NP0	GRM1555C1HIR5CA01D	Cái	74	78	5.794
417	CAP-CER, SMD; 10nF, 10%, 0402, 25V, X7R	TMK105B7103KV-F	Cái	136	51	6.875
418	CAP-CER, SMD; 10pF, 5%, 0402, 50V, COG	GRM1555C1H100JA01D	Cái	15	42	626
419	CAP-CER, SMD; 10uF, 10%, 0805, 6.3V, X5R	C2012X5R0J106K125AB	Cái	62	539	33.387
420	CAP-CER, SMD; 18pF, 5%, 0402, 50V, COG	GRM1555C1H180JA01D	Cái	48	78	3.758
421	CAP-CER, SMD; 1nF, 10%, 0402, 50V, X7R	UMK105B7102KV-F	Cái	137	89	12.125

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
422	CAP-CER, SMD; 1pF, 0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H1R0CA01D	Cái	127	50	6.287
423	CAP-CER, SMD; 1uF, 10%, 0402, 10V, X5R	LMK105BJ105KV-F	Cái	85	134	11.386
424	CAP-CER, SMD; 2.2nF, 10%, 0402, 50V, X7R	UMK105B7222KV-F	Cái	36	296	10.665
425	CAP-CER, SMD; 20pF, 5%, 0402, 16V, NPO	C0402C0G1C200J	Cái	100	628	62.805
426	CAP-CER, SMD; 22nF, 10%, 0402, 16V, X7R	EMK105B7223KV-F	Cái	50	369	18.428
427	CAP-CER, SMD; 22uF, 20%, 0805, 6.3V, X5R	C2012X5R0J226M125AC	Cái	90	348	31.307
428	CAP-CER, SMD; 22uF, 20%, 1206, 10V, X5R	LMK316BJ226ML-T	Cái	78	1.369	106.774
429	CAP-CER, SMD; 22uF, 20%, 1210, 25V, X5R	TMK325BJ226MM-T	Cái	53	1.797	95.233
430	CAP-CER, SMD; 270pF, 5%, 0402, 50V, NPO	UMK105CG271JV-F	Cái	90	264	23.747
431	CAP-CER, SMD; 27pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H270JA01D	Cái	36	50	1.782
432	CAP-CER, SMD; 3.3pF, +/-0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H3R3CA01D	Cái	53	47	2.488
433	CAP-CER, SMD; 3.9pF, 0.25pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H3R9CA01D	Cái	43	47	2.019
434	CAP-CER, SMD; 33pF, 5%, 0402, 50V, NPO	GRM1555C1H330JA01D	Cái	45	47	2.113
435	CAP-CER, SMD; 360pF, 5%, 0805, 50V, NPO	C0805C361J5GACTU	Cái	50	844	42.188
436	CAP-CER, SMD; 39pF, 5%, 0402, 50V, NPO	CGA2B2C0G1H390J	Cái	51	818	41.715
437	CAP-CER, SMD; 4700pF, 10%, 1812, 2KV, X7R	202S43W472KV4E	Cái	51	1.934	98.654
438	CAP-CER, SMD; 470pF, 10%, 0402, 50V, X7R	CGA2B2X7R1H471K050BA	Cái	45	281	12.643
439	CAP-CER, SMD; 47pF, 5%, 0402, 50V, NPO	C1005C0G1H470J050BA	Cái	100	313	31.320
440	CAP-CER, SMD; 620pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H621JA01D	Cái	40	188	7.512
441	CAP-CER, SMD; 620pF, 5%, 0805, 50V, C0G	GRM2165C1H621JA01D	Cái	38	350	13.281
442	CAP-CER, SMD; 62pF, 5%, 0402, 50V, NPO	C1005C0G1H620J	Cái	54	439	23.701
443	CAP-CER, SMD; 8.2pF, +/-0.1pF, 0402, 16V, NPO	C0402C0G1C8R2B	Cái	150	598	89.708
444	CAP-CER, SMD; 820pF, +/-10%, 0402, 50V, X7R	GRM155R71H821KA01D	Cái	69	60	4.140
445	CAP-CER, SMD; 10pF, 5%, 0402, 50V, C0G	GJM1555C1H100JB01D	Cái	90	323	29.106
446	CAP-CER, SMD; 27pF, 2%, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H270GA01D	Cái	130	73	9.497
447	CAP-CER, SMD; 30pF, 2%, 0402, 50V, NPO	GRM1556T1H300GD01D	Cái	130	550	71.487
448	CAP-CER, SMD; 5.6pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H5R6BA01D	Cái	90	78	7.047
449	CAP-CER, SMD; 6.2pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H6R2BA01D	Cái	90	258	23.234
450	CAP-CER, SMD; 6.8pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H6R8BA01D	Cái	90	78	7.047
451	CAP-CER, SMD; 7.5pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GJM1555C1H7R5BB01D	Cái	90	848	76.289
452	CAP-CER, SMD; 9.1pF, 0.1pF, 0402, 50V, C0G	GRM1555C1H9R1BA01D	Cái	90	78	7.047
453	CAP-CER, SMD; 33pF, 2%, 0402, 50V, NPO	C1005C0G1H330G050BA	Cái	125	827	103.388
454	RES-SMD; 0.0 OHM, JUMP, 1206, 1/4W	RC1206JR-070RL	Cái	92	153	14.076
455	RES-SMD; 00HM, JUMPER, 0603, 1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	56	374	20.941
456	RES-SMD; 1.0 OHM, 5%, 1206, 1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	Cái	34	545	18.523
457	RES-SMD; 1.00KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1001X	Cái	60	264	15.867
458	RES-SMD; 1.0MOHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-071ML	Cái	42	374	15.706
459	RES-SMD; 100KOHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-07100KL	Cái	95	180	17.143
460	RES-SMD; 100OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ101X	Cái	186	109	20.283
461	RES-SMD; 10KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ103X	Cái	381	43	16.459
462	RES-SMD; 130KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ134X	Cái	47	405	19.028
463	RES-SMD; 15KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1502X	Cái	49	432	21.168
464	RES-SMD; 17.4KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1742X	Cái	76	432	32.832
465	RES-SMD; 2.43KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2431X	Cái	48	432	20.736
466	RES-SMD; 22K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2202X	Cái	31	432	13.392
467	RES-SMD; 24.3KOHM, 1%, 0402, 1/16W	CRCW040224K3FKED	Cái	32	442	14.155
468	RES-SMD; 24KOHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-0724KL	Cái	48	379	18.173
469	RES-SMD; 270OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ271X	Cái	69	231	15.949

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
470	RES-SMD; 270HM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0727RL	Cái	60	374	22.437
471	RES-SMD; 3.3KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ332X	Cái	530	75	39.909
472	RES-SMD; 3.74KOHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-073K74L	Cái	52	295	15.343
473	RES-SMD; 31.6KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF3162X	Cái	50	432	21.600
474	RES-SMD; 330OHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ331X	Cái	48	405	19.433
475	RES-SMD; 3KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF3001X	Cái	48	432	20.736
476	RES-SMD; 4.30OHM, 1%, 0603, 1/10W	CRCW06034R30FKEA	Cái	20	362	7.239
477	RES-SMD; 4.7KOHM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ472X	Cái	57	321	18.314
478	RES-SMD; 470OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-07470RL	Cái	70	292	20.433
479	RES-SMD; 47KOHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0747KL	Cái	105	247	25.925
480	RES-SMD; 49.9OHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-0749R9L	Cái	117	117	13.654
481	RES-SMD; 5.1KOHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF5101X	Cái	56	432	24.192
482	RES-SMD; 510.0OHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-07510RL	Cái	46	379	17.416
483	RES-SMD; 53.6K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF5362X	Cái	54	432	23.328
484	RES-SMD; 680OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-07680RL	Cái	33	292	9.633
485	RES-SMD; 75OHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF75R0X	Cái	100	128	12.795
486	RES-SMD; 82OHM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0782RL	Cái	40	374	14.958
487	RES-SMD; 91.0OHM, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF91R0X	Cái	48	432	20.736
488	RES-SMD; 91K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF9102X	Cái	71	432	30.672
489	RES-SMD; 93.1K, 1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF9312X	Cái	43	432	18.576
490	RES-SMD; 150HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ150X	Cái	1.240	19	23.064
491	RES-SMD; 180HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ180X	Cái	1.240	19	23.064
492	RES-SMD; 270HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ270X	Cái	740	19	13.764
493	RES-SMD; 390HM, 5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ390X	Cái	1.240	19	23.064
494	RES-SMD; 100OHM, 1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-07100RL	Cái	118	125	14.744
495	RES-SMD; 220HM, 5%, 0402, 1/16W	RC0402JR-0722RL	Cái	89	31	2.763
496	IND-SMD; 0.12uH, 10%, 0805, 300mA, 200mOHM	MLF2012DR12K	Cái	25	706	17.659
497	IND-SMD; 0.15uH, 10%, 0805, 300mA, 200mOHM	MLF2012DR15K	Cái	49	856	41.946
498	IND-SMD; 0.22uH, 10%, 0805, 250mA, 300mOHM	MLF2012DR22K	Cái	50	856	42.803
499	IND-SMD; 0.82uH, 10%, 0805, 150mA, 650mOHM	MLF2012DR82K	Cái	50	856	42.803
500	IND-SMD; 1.5uH, 10%, 0805, 80mA, 400mOHM	MLF2012A1R5K	Cái	70	2.908	203.564
501	IND-SMD; 100uH, 10%, 0805, 2mA, 3.1mOHM	MLF2012C101K	Cái	37	942	34.854
502	IND-SMD; 12nH, 5%, 0402, 300mA, 410mOHM	LQG15HN12NJ02D	Cái	45	196	8.802
503	IND-SMD; 15uH, 20%, L_4M_6MX6MX2M8, 1.6A, 123.5mOHM	NRS6028T150MMGJ	Cái	76	1.484	112.769
504	IND-SMD; 1uH, 20%, 1008, 1.5A, 85mOHM	MLP2520S1R0M	Cái	33	1.588	52.406
505	IND-SMD; 2.2nH, +/-0.1nH, 0402, 150mA, 330mOHM	LQP15MN2N2B02D	Cái	35	600	21.000
506	IND-SMD; 2.2uH, 20%, 0805, 260mA, 169mOHM	LBR2012T2R2M	Cái	44	662	29.132
507	IND-SMD; 2.2uH, 20%, 1210, 1.6A, 78mOHM	BRL3225T2R2M	Cái	42	1.012	42.487
508	IND-SMD; 2.7nH, +/-0.1nH, 0402, 220mA, 300mOHM	LQP15MN2N7B02D	Cái	47	600	28.200
509	IND-SMD; 3.9nH, +/-0.1nH, 0402, 170mA, 500mOHM	LQP15MN3N9B02D	Cái	46	600	27.600
510	IND-SMD; 4.5uH, 20%, L_4M_6MX6MX4M5, 3.1A, 39mOHM	NRS6045T4R5MMGK	Cái	56	1.716	96.088
511	IND-SMD; 4.7nH, +/-0.1nH, 0402, 160mA, 600mOHM	LQP15MN4N7B02D	Cái	43	600	25.800
512	IND-SMD; 4.7uH, +/-20%, L_4M7_6MX6MX2M8, 2.7A, 40.3mOHM	NRS6028T4R7MMGK	Cái	25	1.532	38.303
513	IND-SMD; 4.7uH, 20%, 1210, 900mA, 200mOHM	NLCV32T-4R7M-PFR	Cái	31	917	28.430
514	IND-SMD; 1.2nH, +/-0.1nH, 0402, 390mA, 100mOHM	LQP15MN1N2B02D	Cái	70	670	46.925
515	IND-SMD; 1.5nH, +/-0.1nH, 0402, 280mA, 200mOHM	LQP15MN1N5B02D	Cái	70	670	46.925
516	IND-SMD; 10nH, 5%, 0402, 300mA, 350mOHM	LQG15HN10NJ02D	Cái	70	618	43.271
517	IND-SMD; 15nH, 5%, 0402, 300mA, 460mOHM	LQG15HN15NJ02D	Cái	70	222	15.519
518	IND-SMD; 3.3nH, +/-0.1nH, 0402, 190mA, 400mOHM	LQP15MN3N3B02D	Cái	70	670	46.925
519	IND-SMD; 4.3nH, +/-0.1nH, 0402, 160mA, 600mOHM	LQG15HN4N3S02D	Cái	70	237	16.611
520	IND-SMD; 5.6nH, +/-0.1nH, 0402, 140mA, 700mOHM	LQP15MN5N6B02D	Cái	70	642	44.919

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
521	IND-SMD; 8.2nH, 5%, 0402, 300mA, 330mOHM	LQG15HN8N2J02D	Cái	70	237	16.611
522	DIODE-RECTIFIER; 150V, 100mA, SOD-323, RF PIN Diode	BAR 64-03W E6327	Cái	43	1.447	62.223
523	DIODE-SCHOTTKY; 30V, 2A, SMA, B230A-13-F	B230A-13-F	Cái	27	1.658	44.757
524	DIODE-SCHOTTKY; 30V, 2A, DO41, SR203-TP	SR203-TP	Cái	25	1.168	29.198
525	DIODE-SCHOTTKY; 40V, 1A, SOD-123, 1N5819HW-7-F	1N5819HW-7-F	Cái	6	1.070	6.421
526	DIODE-SCHOTTKY; 40V, 300mA, SOT-23, BAT54SFILM-DUAL SCHOTTKY	BAT54SFILM	Cái	25	1.446	36.158
527	DIODE-ZENER; 12V, 3W, CASE403A-SMB, 1SMB5927BT3G	1SMB5927BT3G	Cái	28	2.958	82.832
528	IC; 3-Pin Microcontroller Power Supply Supervisor, IMP809, SOT23_2M8X1M2, 5V-3.3V-3V	IMP809REUR-T	Cái	2	12.215	24.430
529	IC; AR8032 Integrated 10/100 Fast Ethernet Transceiver, AR8032, QFN32-5X5MM, 3.3V	AR8032-BL1B	Cái	4	5.504	22.014
530	IC; AR1500 IEEE 1901 and HomePlug AV AFE/Line Driver IC, QFN32-5X5MM	AR1500-AL1C	Cái	2	39.073	78.146
531	IC; DDR1, EM6AA160TSB-5G, TSOP66, 16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	Cái	3	6.171	18.513
532	IC; EoC Slave MAC/PHY Transceiver, AR7411, BGA196-1MM.	AR7411-AC3C	Cái	3	27.922	83.765
533	IC; REG BUCK SYNC ADJ, RT8293BHGSP, 8-SOP-EP, 3A-VOUT 0.8V-15V	RT8293BHGSP	Cái	7	2.665	18.656
534	IC; REG BUCK, RT8258GJ6, TSOT23-6, 1.2A	RT8258GJ6	Cái	24	1.866	44.773
535	IC; REG LDO, TL751L12CDR, 8-SOIC, LDO 12V 0.15A	TL751L12CDR	Cái	2	3.180	6.361
536	IC; SDRAM, EM638165TSD-6G, TSOP11-54pin, 4M x 16 bit Synchronous DRAM	EM638165TSD-6G	Cái	3	4.627	13.881
537	IC; SDRAM, W9864G6JH-6I, TSOP11-54pin, 4M x 16 bit Synchronous DRAM	W9864G6JH-6I	Cái	25	6.099	152.464
538	IC; SERIAL FLASH MEMORY, MX25L6406EM2I-12G, , 64Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L6406EM2I-12G	Cái	4	7.456	29.824
539	IC; SoC for AP and ROUTER, AR9331, LPCC-148 12MMX12MM, 1x1 2.4 GHz 802.11N WLANs	AR9331-AL3A	Cái	5	35.997	179.984
540	IC; SYN BUCK, ISL9106IRZ-T, DFN10, 1.2A	ISL9106IRZ-T	Cái	4	8.082	32.329
541	IC; REG BUCK SYNC ADJ, RT8293BHGSP, 8-SOP-EP, 2A-VOUT 0.8V-15V	RT8292BHZSP	Cái	2	3.347	6.695
542	IC REG LDO 12V .25A 8-SOIC	L4931CD120-TR	Cái	25	7.239	180.983
543	CONN-DIP; Header, M, 12POS 0.100", 2ROWS	901310126	Cái	4	5.515	22.058
544	CONN-DIP; SOCKET, F, 4PIN, 75ohm, DIP-2MFM-6587	DIP-2MFM-6587	Cái	3	20.419	61.258
545	CONN-DIP; SOCKET, F, 4PIN, 75ohm, DIP-2YFA-6587	DIP-2YFA-6587	Cái	22	25.524	561.531
546	CONN-DIP; USB-A, SOCKET, RT ANG	73725-0110BLF	Cái	8	3.322	26.576
547	CONN-DIP; RJ45 CONNECTOR, 1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	PJ-A4-BXBH-NNNNN-1	Cái	3	17.354	52.061
548	ANTENNA; C11-2425-5-A	C11-2425-5-A	Cái	8	9.257	74.054
549	RF CABLE; SMA-IPEX-120-A, 140MM, Ø1.0, 50OHM, 0.03MHz-3GHz	SMA-IPEX-120-A	Cái	8	6.336	50.684
550	CHOKE-SMD; 300mA, 350mOHM, 2mmx1.2mm	DLW21SN900SQ2L	Cái	60	2.374	142.416
551	CRYSTAL; 25.000MHz, 10PPM, 18pF, HC49US_TH	9B-25.000MEEJ-B	Cái	9	1.392	12.529
552	ESD; BI-DIR, 2pF, ±8kV, SOT143-4	CM1293A-02SR	Cái	50	1.685	84.225
553	TVS-DIODE; UNIDIR, 400W, 20V/22.8VDO-222AA	SMM4F20A-TR	Cái	22	3.828	84.226
554	FB; 60OHM@100MHz, 500mA, 0402	LI0402E600R-10	Cái	51	438	22.323
555	FB; 48OHM@100MHz, 6A, 1206	FBMJ3216HS480NT	Cái	50	2.485	124.253
556	FB; 470OHM@100MHz, 400mA, 0805	BLM21BB471SN1D	Cái	26	662	17.222
557	LED-DIP; 2.1V, 10mA, RADIAL, 3MM, GREEN	LTL-4232N	Cái	50	505	25.230
558	LED-SMD; 2.85V, 5mA, 0603, BLUE	LB Q39G-L2N2-35-1	Cái	170	699	118.907
559	POWER SUPPLY 100-240V 15V 1200MA, Positive Center	WSU150-1200	Cái	3	36.699	110.098
560	FUSE; PTC RESETTABLE, 1.6A/100A, 16V, 1812	0ZCC0160BF2C	Cái	28	1.459	40.858
561	SWITCH; TACT, RIGHT, TS-11-113V2A	TS-11-113V2A	Cái	4	6.113	24.454
562	SWITCH; TACT, RIGHT, TS-1138V2A	TS-1138V2A	Cái	5	8.066	40.332

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
563	TRANSFORMER; FM-318LLF, TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	Cái	4	8.405	33.618
564	TRANS-BJT; PNP, 60V, 300MW, SOT23-3	MMBT2907A-7-F	Cái	14	580	8.125
565	TRANSFORMER; 10005054-ATHEROS, HomePlug Transformer 10uH 1:1:1 Reinforced Insulation	CS5054	Cái	5	5.292	26.462
566	CRYSTAL;25.000MHz,30PPM,18pF,HC49US_TH	9B-25.000MAAJ-B	Cái	27	1.073	28.966
567	CAP-ALUM,DIP;220uF,20%,8MX11M5_RADIAL,25V	EEU-FM1E221	Chiếc	15	1.010	15.152
568	CAP-CER,SMD;0.01uF,10%,0402,16V,X7R	GRM155R71C103KA01D	Chiếc	64	71	4.522
569	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0603,50V,X7R	GRM188R71H104KA93D	Chiếc	59	228	13.470
570	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0402,10V,X5R	GRM155R61A104KA01D	Chiếc	629	17	10.850
571	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0402,25V,X5R	GRM155R61E104KA87D	Chiếc	51	181	9.218
572	CAP-CER,SMD;0.22uF,10%,0402,6.3V,X5R	GRM155R60J224KE01D	Chiếc	60	377	22.599
573	CAP-CER,SMD;0.5pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GJM1555C1HR50CB01D	Chiếc	42	389	16.323
574	CAP-CER,SMD;0.75pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1HR75BA01D	Chiếc	60	312	18.720
575	CAP-CER,SMD;1.2pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1HIR2CA01D	Chiếc	54	200	10.797
576	CAP-CER,SMD;10nF,10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103KA01D	Chiếc	130	30	3.959
577	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H100JA01D	Chiếc	65	114	7.420
578	CAP-CER,SMD;10uF,10%,0805,6.3V,X5R	GRM21BR60J106KE19L	Chiếc	47	571	26.839
579	CAP-CER,SMD;10uF,20%,0603,6.3V,X5R	GRM188R60J106ME47D	Chiếc	70	424	29.705
580	CAP-CER,SMD;18pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H180JA01D	Chiếc	50	303	15.143
581	CAP-CER,SMD;1nF,10%,0402,50V,X7R	GRM155R71H102KA01D	Chiếc	108	51	5.459
582	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0402,10V,X5R	GRM155R61A105KE15D	Chiếc	87	89	7.713
583	CAP-CER,SMD;2.2nF,10%,0402,50V,X7R	GRM155R71H222KA01D	Chiếc	60	293	17.595
584	CAP-CER,SMD;20pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H200JA01D	Chiếc	51	240	12.263
585	CAP-CER,SMD;22uF,20%,1206,10V,X5R	GRM31CR61A226ME19L	Chiếc	43	2.258	97.105
586	CAP-CER,SMD;22uF,20%,1210,25V,X5R	GRM32ER61E226ME15L	Chiếc	30	2.247	67.401
587	CAP-CER,SMD;270pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H271JA01D	Chiếc	54	352	19.027
588	CAP-CER,SMD;3.3pF,+/-0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H3R3CA01D	Chiếc	56	305	17.094
589	CAP-CER,SMD;3.9pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H3R9CA01D	Chiếc	32	200	6.398
590	CAP-CER,SMD;33pF,2%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H330GA01D	Chiếc	57	230	13.116
591	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H330JA01D	Chiếc	56	278	15.574
592	CAP-CER,SMD;360pF,5%,0805,50V,NP0	C0805C361J5GACTU	Chiếc	47	668	31.394
593	CAP-CER,SMD;39pF,5%,0402,50V,NP0	CGA2B2C0G1H390J050BA	Chiếc	60	371	22.230
594	CAP-CER,DIP;4700pF,80/-20%,RADIAL,2KV,-	DEBF33D472ZA2B	Chiếc	20	1.141	22.824
595	CAP-CER,SMD;470pF,10%,0402,50V,X7R	GCM155R71H471KA37D	Chiếc	57	193	10.978
596	CAP-CER,SMD;620pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H621JA01D	Chiếc	56	306	17.144
597	CAP-CER,SMD;620pF,5%,0805,50V,C0G	GRM2165C1H621JA01D	Chiếc	39	632	24.634
598	CAP-CER,SMD;62pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H620JA01D	Chiếc	56	353	19.757
599	CAP-CER,SMD;8.2pF,+/-0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H8R2BA01D	Chiếc	96	149	14.342

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
600	CAP-CER,SMD;1.2pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R2BA01D	Chiếc	56	339	18.992
601	CAP-CER,SMD;1.5pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R5BA01D	Chiếc	60	344	20.610
602	CAP-CER,SMD;1.8pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R8BA01D	Chiếc	60	349	20.952
603	CAP-CER,SMD;2.7pF,0.1pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H2R7BA01D	Chiếc	60	170	10.188
604	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	J014-1115	Chiếc	14	4.020	56.286
605	CONN-DIP;USB-A,SOCKET,RT ANG	73725-0110BLF	Chiếc	15	3.988	59.823
606	DIODE-SCHOTTKY;30V,2A,SMA,B230A-13-F	B230A-13-F	Chiếc	49	1.132	55.470
607	DIODE-SCHOTTKY;40V,1A,SOD-123,1N5819HW-7-F	1N5819HW-7-F	Chiếc	90	756	68.027
608	DIODE-SCHOTTKY;40V,300mA,SOT-23,Surface Mount	BAT54SFILM	Chiếc	14	767	10.744
609	DIODE-ZENER;12V,3W,DO214AA,Surface Mount	3SMBJ5927B-TP	Chiếc	40	1.861	74.424
610	IC;DDR1,EM6AA160TSB-5G,TSOP66,16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	Chiếc	15	5.134	77.006
611	IC;EoC Slave MAC/PHY Transceiver,AR7411,BGA196-1MM	AR7411-AC3C	Chiếc	15	32.130	481.946
612	IC;Ethernet Transceiver,AR8032,QFN32-5X5MM,10/100Mbps PHY	AR8032-BL1A	Chiếc	15	1.891	28.370
613	IC;IEEE 1901 and HomePlug AV AFE/Line Driver IC,AR1500,QFN32-5X5MM	AR1500-AL1C	Chiếc	15	10.724	160.864
614	IC;INVERTER ULP-A SINGLE,NC7SV04P5X,SC70-5	NC7SV04P5X	Chiếc	30	1.205	36.162
615	IC;REG BUCK SYNC ADJ,RT8293BHGSP,8-SOP-EP,3A/23V	RT8293BHGSP	Chiếc	15	3.095	46.422
616	IC;REG BUCK,RT8258GJ6,TSOT23-6,1.2A/24V	RT8258GJ6	Chiếc	12	2.782	33.381
617	IC;REG LDO,TL751L12CDR,8-SOIC,LDO 12V 0.15A	TL751L12CDR	Chiếc	15	2.883	43.243
618	IC;SDRAM,EM638165TSD-6G,TSOP11-54pin,4M x 16 bit Synchronous DRAM	EM638165TSD-6G	Chiếc	15	2.413	36.198
619	IC;SERIAL FLASH MEMORY,MX25L1606EM2I-12G,SOP8,16Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L1606EM2I-12G	Chiếc	15	4.434	66.506
620	IC;SERIAL FLASH MEMORY,MX25L6406EM2I-12G,SOP8,64Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L6406EM2I-12G	Chiếc	15	9.015	135.223
621	IC;SoC for AP and ROUTER,AR9331,LPCC-148, 1x1 2.4 GHz 802.11N WLANs	AR9331-AL3A	Chiếc	15	23.342	350.134
622	IC;SYN BUCK,ISL9106IRZ-T,DFN10,1.2A/5.5V	ISL9106IRZ-T	Chiếc	11	8.651	95.160
623	IND-SMD;0.12uH,10%,0805,250mA,290mOHM	LQM21NNR12K10D	Chiếc	50	654	32.693
624	IND-SMD;0.15uH,10%,0805,250mA,320mOHM	LQM21NNR15K10D	Chiếc	50	812	40.590
625	IND-SMD;0.22uH,10%,0805,250mA,380mOHM	LQM21NNR22K10D	Chiếc	50	825	41.258
626	IND-SMD;0.82uH,10%,0805,150mA,810mOHM	LQM21NNR82K10D	Chiếc	50	872	43.575
627	IND-SMD;1.5uH,10%,0805,80mA,400mOHM	MLF2012A1R5K	Chiếc	40	858	34.320
628	IND-SMD;1.8nH,+/-0.1nH,0402,280mA,200mOHM	LQP15MN1N8B02D	Chiếc	41	729	29.883
629	IND-SMD;100uH,10%,0805,2mA,3.1OHM	MLF2012C101K	Chiếc	40	966	38.652
630	IND-SMD;12nH,5%,0402,300mA,410mOHM	LQG15HN12NJ02D	Chiếc	40	456	18.240
631	IND-SMD;15uH,20%,L_4M_6MX6MX2M8,1.8A,95mOHM	NRS6028T150MMGJ	Chiếc	30	1.785	53.559
632	IND-SMD;1uH,20%,1008,1.5A,85mOHM	MLP2520S1R0M	Chiếc	30	1.753	52.583
633	IND-SMD;2.2uH,20%,0805,260mA,130mOHM	LBR2012T2R2M	Chiếc	40	622	24.876
634	IND-SMD;2.2uH,20%,1210,1.85A,65mOHM	BRL3225T2R2M	Chiếc	38	1.085	41.211
635	IND-SMD;3.9nH,+/-0.1nH,0402,170mA,500mOHM	LQP15MN3N9B02D	Chiếc	46	738	33.948
636	IND-SMD;4.5uH,20%,L_4M_6MX6MX4M5,3.1A,30mOHM	NRS6045T4R5MMGK	Chiếc	15	2.110	31.644
637	IND-SMD;4.7uH,30%,L_4M7_5MX5MX2M2,2A,58mOHM	LQH5BPN4R7NT0L	Chiếc	29	1.637	47.485
638	IND-SMD;4.7uH,20%,1210,900mA,200mOHM	NLCV32T-4R7M-PFR	Chiếc	97	923	89.497
639	IND-SMD;1.6nH,+/-0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN1N6B02D	Chiếc	50	778	38.903
640	IND-SMD;4.3nH,+/-0.1nH,0402,160mA,600mOHM	LQP15MN4N3B02D	Chiếc	50	777	38.850

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
641	RES-SMD;0.0 OHM,JUMP,1206,1/4W	ERJ-8GEY0R00V	Chiếc	200	38	7.590
642	RES-SMD;0OHM,JUMPER,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	Chiếc	600	26	15.840
643	RES-SMD;0OHM,JUMPER,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Chiếc	60	284	17.046
644	RES-SMD;0OHM,JUMPER,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	Chiếc	50	321	16.035
645	RES-SMD;1.0 OHM,5%,1206,1/4W	ERJ-8GEY1R0V	Chiếc	50	352	17.610
646	RES-SMD;1.00KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1001X	Chiếc	60	179	10.728
647	RES-SMD;1M OHM,5%,0402,1/10W	ERI-2GEJ105X	Chiếc	60	312	18.747
648	RES-SMD;100K OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ104X	Chiếc	60	158	9.459
649	RES-SMD;100OHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-07100RL	Chiếc	61	77	4.667
650	RES-SMD;100OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ101X	Chiếc	192	63	12.096
651	RES-SMD;10KOHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ103X	Chiếc	118	38	4.425
652	RES-SMD;15KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	Chiếc	60	342	20.493
653	RES-SMD;17.4KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1742X	Chiếc	60	336	20.160
654	RES-SMD;2.37KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2371X	Chiếc	60	333	20.007
655	RES-SMD;2.43KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2431X	Chiếc	59	332	19.576
656	RES-SMD;22K,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2202X	Chiếc	60	336	20.160
657	RES-SMD;24.3KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW040224K3FKED	Chiếc	60	477	28.593
658	RES-SMD;24KOHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-0724KRL	Chiếc	60	269	16.110
659	RES-SMD;270OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ271X	Chiếc	56	156	8.719
660	RES-SMD;3.3KOHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ332X	Chiếc	60	307	18.441
661	RES-SMD;3.74K OHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3741X	Chiếc	56	223	12.466
662	RES-SMD;330OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ331X	Chiếc	60	307	18.441
663	RES-SMD;3KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3001X	Chiếc	60	333	20.007
664	RES-SMD;470 OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ471X	Chiếc	56	307	17.212
665	RES-SMD;47K OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ473X	Chiếc	60	312	18.747
666	RES-SMD;5.1KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5101X	Chiếc	60	333	20.007
667	RES-SMD;510.0OHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-07510RL	Chiếc	60	267	16.038
668	RES-SMD;53.6K,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5362X	Chiếc	60	336	20.160
669	RES-SMD;6.19KOHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF6191X	Chiếc	60	342	20.493
670	RES-SMD;680 OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ681X	Chiếc	50	198	9.915
671	RES-SMD;75KOHM,1%,0402,1/16W	RC0402FR-0775KRL	Chiếc	60	269	16.110
672	RES-SMD;75OHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF75R0X	Chiếc	90	64	5.765
673	RES-SMD;82 OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ820X	Chiếc	56	307	17.212
674	RES-SMD;91.0OHM,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF91R0X	Chiếc	60	342	20.493
675	RES-SMD;93.1K,1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF9312X	Chiếc	60	333	20.007
676	CRYSTAL;25.000MHz,10PPM,18pF,HC49US_TH	HC-49US	Chiếc	20	194	3.888
677	FB;470OHM@100MHz,400mA,0805	BLM21BB471SN1D	Chiếc	50	641	32.025
678	FB;60OHM@100MHz,1700mA,0402	BLM15PD600SN1D	Chiếc	54	380	20.501
679	FUSE;PTC RESETTABLE,1.6A/100A,16V,1812	OZCC0160BF2C	Chiếc	30	1.476	44.289
680	HEAT SINK;CPU W/ADHESIVE,14x14x6mm,SQUARE,PIN FINS	CPU-141406+T410-1212	Chiếc	15	3.682	55.226
681	HEAT SINK;CPU W/ADHESIVE,15.3x15.2x6.35mm,RECTANGULAR, PIN FINS	CPU-151506+T410-1414	Chiếc	15	4.350	65.252
682	LED-DIP;2.1V,10mA,LED_TH_3MM1,GREEN	LTL-4232N	Chiếc	100	337	33.705
683	SWITCH;TACT,RIGHT,TH4	DTSA-62K-V	Chiếc	15	419	6.282
684	TRANS-BJT;PNP,60V,600mA,SOT23	MMBT2907A-TP	Chiếc	100	296	29.565
685	TRANSFORMER;CS5054-ATHEROS,HomePlug Transformer 10uH 1:1:1 Reinforced Insulation	CS5054	Chiếc	15	6.031	90.464
686	TRANSFORMER;FM-318LLF,TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	Chiếc	20	1.107	22.149
687	TVS-DIODE;BI-DIR,350W,8.5V/18.5V,SOD-323	GBLC08C-LF-T7	Chiếc	48	6.173	296.280
688	CONN-DIP;SOCKET,F,4PIN,75ohm,DIP-2YFM-6587	DIP-2YFM-6587	Chiếc	15	16.821	252.311
689	ANTENNA;C11-2425-5-A,2.4-2.5GHz 50Ohm SMA-CON BLACK 195mm	C11-2425-5-A	Chiếc	10	6.408	64.080
690	POWER SUPPLY;100-240VAC 15VDC 1200MA, 2.1x5.5MM Jack,Positive Center	1703183	Chiếc	10	16.809	168.087
691	Screw cover;Diameter 8mm,thickness 3mm,rubber	-	Chiếc	57	345	19.656
692	SCREW;3mm diameter,self-tapping,13mm length	-	Chiếc	40	156	6.234
693	SMA JACK TO SOLDER CABLE;SMA-1.13-SLD- 95,95mm,1.13mm,50Ohm, 0.03MHz-3000MHz	SMA-1.13-SLD-95	Chiếc	10	4.742	47.415
694	BUNCHED CABLE;ETHERNET INTERFACE W/ RJ45 PLUG ENDS, 1m length	-	Chiếc	10	209	2.094

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
695	PCB ARRAY;EOC_REV0.1, 4lớp,160.0x122.4x1.6mm,FR4,chữtrắng,phủxanh	EOC REV0.1	Chiếc	15	15.209	228.139
696	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ472X	Chiếc	600	38	22.500
697	CAP-CER.SMD;0.1UF.10%.0603.25V.X7R	GRM188R71E104KA01D	chiếc	46	56	2.581
698	CAP-CER.SMD;1UF.10%.0805.25V.X7R	GRM219R71E105KA88D	chiếc	4	888	3.551
699	CAP-CER.SMD;0.047UF.10%.1206.100V.X7R	GRM31MR72A473KA01L	chiếc	5	878	4.388
700	CAP-CER.SMD;47pF.5%.0603.50V.NP0	GRM1885C1H470JA01D	chiếc	3	148	444
701	CAP-ALUM.DIP;100uF.20%.5MX10MX17M.100V.350MA	ECA-2AM101	chiếc	2	2.858	5.715
702	CAP-ALUM.DIP;220uF.20%.5MX12MX22M.100V.550MA	ECA-2AM221	chiếc	1	4.287	4.287
703	CAP-ALUM.SMD;220uF.20%.8MX8MX10M2.25V.230MA	EEE-1EA221UP	chiếc	3	4.133	12.400
704	CAP-CER.SMD;1000pF.10%.1206.1KV.X7R	GRM31BR73A102KW01L	chiếc	5	1.439	7.196
705	CAP-CER.SMD;0.1UF.10%.2220.1KV.X7R	GRM55DR73A104KW01L	chiếc	4	5.986	23.943
706	CAP-CER.SMD;0.1UF.20%.1206.100V.X7R	C3216X7R2A104M160AA	chiếc	5	1.082	5.409
707	CONN-DIP,PLUG.2PIN.2M5.MALE.Through-Hole	B2B-XH-A (LF)(SN)	chiếc	2	912	1.825
708	TERM-QUICK-CONNECTS-CONN;16-20AWG.4M75X6M35	60214-1	chiếc	4	421	1.685
709	FEMALE-SOCKET-RECTANGULAR-CONNECTOR,PLUG.4PIN.PITCH-4M2	39012040	chiếc	1	1.898	1.898
710	TERM-FEMALE;18-24AWG	39000207	chiếc	2	876	1.751
711	TERM-FEMALE;22-28AWG	SXH-001T-P0.6	chiếc	4	361	1.445
712	IC;DUAL_COMPARATOR.OPEN_COLLECTOR.8-SOIC	LM393DR	chiếc	1	2.807	2.807
713	IC;LDO_REGULATOR.5V.0.1A.SOT89-3	UA78L05ACPK	chiếc	1	2.041	2.041
714	IC;EEPROM.2KBIT.400KHZ.8-SOIC	M24C02-WMN6TP	chiếc	1	2.654	2.654
715	IC;VREF.ADJ.100mA.SOT-23	ZTL431AFTA	chiếc	1	2.501	2.501
716	RES-SMD;200OHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ201V	chiếc	26	510	13.268
717	RES-SMD;10KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ103V	chiếc	15	510	7.655
718	RES-SMD;2.2KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ222V	chiếc	19	510	9.696
719	RES-SMD;3.4KOHM.1%.0603.1/10W	ERJ-3EKF3401V	chiếc	6	510	3.062
720	RES-SMD;51KOHM.5%.1206.1/4W	ERJ-8GEYJ513V	chiếc	2	510	1.021
721	RES-SMD;4.7KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ472V	chiếc	10	47	470
722	RES-SMD;100KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ104V	chiếc	8	510	4.082
723	RES-SMD;220KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ224V	chiếc	2	510	1.021
724	RES-SMD;240KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ244V	chiếc	2	510	1.021
725	RES-SMD;51OHM.5%.1206.1/4W	ERJ-8GEYJ510V	chiếc	1	510	510
726	RES-SMD;1KOHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ102V	chiếc	7	510	3.572
727	RES-SMD;680OHM.5%.0603.1/10W	ERJ-3GEYJ681V	chiếc	2	510	1.021
728	RES-SMD;14.7KOHM.1%.0603.1/10W	ERJ-3EKF1472V	chiếc	2	510	1.021
729	RES-SMD;9.53KOHM.1%.0603.1/10W	ERJ-3EKF9531V	chiếc	2	510	1.021
730	DIODE-ZENER;12V.300mW.SOT23-3.SMD	BZX84C12-7-F	chiếc	2	1.010	2.021
731	DIODE-SCHOTTKY;30V.200mA.SOD-523.SMD	RBS20S30T1G	chiếc	6	874	5.242
732	LED-DIP;2.4V.10mA.5MX8M7.GREEN	TLHG6405	chiếc	4	2.858	11.431
733	FUSE;FAST.15A.65V.2512.SMD	0448015.MR	chiếc	2	10.869	21.739
734	FUSE;FAST.1A.125V.2512.SMD	0448001.MR	chiếc	1	7.718	7.718
735	IND-DIP;22uH.10%.5.0X7.5mm.0.65A.270mOHM	11R223C	chiếc	1	1.480	1.480
736	CHOKE-COMM-MODE-DIP;1mH.10%.10.8X19mm.4.8A.22mOHM.Through-Hole	8103-RC	chiếc	2	19.999	39.997
737	MOS-FET;N-Channel.100V.110A.D2PAK	STB120NF10T4	chiếc	2	15.100	30.200
738	TRANS-BJT;NPN.80V.500MA.SOT-23	PMBTA06.215	chiếc	2	995	1.990
739	MOV-VARISTOR;100VDC.70VAC.4.5kA.25J.DISC14MM	ERZ-V14D101	chiếc	3	2.159	6.476

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
740	GDT-GAS-TUBE-DISCHARGE;90VDC.10kA.Through-Hole-Axial-Cylinder	SL1411A090A	chiếc	1	12.349	12.349
741	DC-TO-DC;99.6W.48V-to-12V.ISOLATE.QUATERBRICK	UCQ-12/8.3-D48NB-C	chiếc	2	331.855	663.711
742	DIODE-SWITCHING;200V.20A.25ns.D2PAK	BYV32EB-200.118	chiếc	1	8.318	8.318
743	Module Uplink tốc độ cao 4 cổng 1G/10G theo chuẩn SFP+ (hỗ trợ thiết bị Switch E330) (SN:E083GD13201A)	E330-NM-4SFP+	chiếc	1	1.696.166	1.696.166
744	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X1 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLUE	PJ-HI-BXSH-NNNNN-1	chiếc	3	7.567	22.700
745	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	PJ-A4-BXBH-NNNNN-1	chiếc	3	12.864	38.591
746	PUSH-BUTTON;BUTTON,RIGHT ANGLE,	TS-1138V2A	chiếc	3	9.753	29.259
747	PUSH-BUTTON;BUTTON,RIGHT ANGLE,	TS-11-113V2A	chiếc	3	9.753	29.259
748	TRANSFORMER;FM-218LLF,TRANS_TH-16P_10/100 BASE-T SINGLE	FM-218LLF	chiếc	5	1.472	7.358
749	TRANSFORMER;FM-318LLF,TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	chiếc	6	2.144	12.864
750	ANTENNA;2.4GHZ;R-SMA;BLACK;113mm	JXT-XPQ2400-5dBi-21	chiếc	24	22.827	547.841
751	High frequency cable;CABLE SMA JACK TO SOLDER 95mm	JXT-RF-ISF	chiếc	25	18.119	452.966
752	ANTENNA;2.4GHZ;R-SMA;BLACK;113mm	IAO-2405-01V	chiếc	24	13.536	324.871
753	High frequency cable;CABLE SMA JACK TO SOLDER 95mm	RFC-113-95-03N	chiếc	10	8.240	82.395
754	5V/10W AC adapter, 2.1x5.5MM Jack	1702105	chiếc	22	17.152	377.335
755	IC,Power Supervisor,IMP809,SOT-23	IMP809REUR-T	chiếc	30	14.798	443.925
756	CAP-ALUM,DIP, 100uF,20%,Radial,10V,,	ECA-1AM1011	chiếc	12	804	9.648
757	CAP-CER,SMD;0.22uF,±10%,0402,6.3V,NP0	GRM155R60J224KE01D	chiếc	51	167	8.507
758	CAP-CER,SMD;1.0uF,±10%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105K	chiếc	49	209	10.224
759	CAP-CER,SMD;10000pF,±10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103KA01D	chiếc	5	27	133
760	CAP-CER,SMD;10uF,±20%,0603,6.3V,X5R	C1608X5R0J106M	chiếc	57	728	41.502
761	CAP-CER,SMD;22uF,±20%,0805,6.3V,X5R	C2012X5R0J226M	chiếc	104	660	68.640
762	CAP-CER,SMD;3.9pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1H3R9C201D	chiếc	69	87	6.013
763	CAP-CER,SMD;4700pF,±10%,1812,2KV,X7R	202S43W472KV4E	chiếc	53	2.370	125.634
764	CAP-CER,SMD;470pF,±10%,0402,50V,X7R	C1005X7R1H471K	chiếc	45	133	5.974
765	CONN-DIP;Header,M,12POS 0.100",2ROWS	901310126	chiếc	5	9.075	45.377
766	CONN-DIP;Header,M,14POS 0.100",2ROWS	901310127	chiếc	5	9.095	45.473
767	CONN-DIP;POWER,2.1X5.5MM,5A	PJ-102AH	chiếc	5	4.460	22.300
768	FB;330Ohm@100MHz,1.5A,0805	BLM21PG331SNID	chiếc	25	880	21.994
769	FB;480Ohm@100MHz,6A,1206	FBMJ3216HS480NT	chiếc	13	546	7.098
770	FUSE;PTC RESETTABLE,0.75A/40A,6V,0805	MF-PSMF075X-2	chiếc	23	1.718	39.516
771	IC; DDR2 SDRAM,W9725G6KB-25,84WBGA,256MBIT	W9725G6KB-25	chiếc	14	12.326	172.559
772	IC,FLASH Memory,MX25L3205D, SO8,32M-bit SPI FLASH	MX25L3206EM2I-12G	chiếc	3	6.432	19.296
773	IND-SMD;120nH,±10%,0402,140mA,590mOHM	MLF1005LR12K	chiếc	53	1.062	56.278
774	IND-SMD;1.0uH,±20%,1008,1.5A,85mOHM	MLP2520S1R0M	chiếc	33	1.620	53.445
775	IND-SMD;110nH,±5%,0402,150mA,2.2OHM	MLG1005SR11J	chiếc	51	194	9.869
776	IND-SMD;4.7uH,20%,6x6x2.8mm,3A,40.3mOHM	NRS6028T4R7MMGK	chiếc	50	1.525	76.230
777	LED-DIP;2.1V,10mA,Radial 3.1mm,BLUEGREEN	SLR-343MCT32	chiếc	30	891	26.735
778	RES-SMD;0OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	chiếc	84	53	4.460
779	RES-SMD;0.0OHM,,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	chiếc	81	72	5.832
780	RES-SMD;1.0KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1001X	chiếc	43	102	4.399
781	RES-SMD;10KOHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ103X	chiếc	122	38	4.630
782	RES-SMD;120KOHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1203X	chiếc	69	102	7.059
783	RES-SMD;13KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1302X	chiếc	69	102	7.059
784	RES-SMD;150KOHM,±1%,0402,1/16W	RC0402FR-07150KL	chiếc	71	34	2.418
785	RES-SMD;15KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	chiếc	68	102	6.956
786	RES-SMD;2.43KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2431X	chiếc	72	102	7.366
787	RES-SMD;220OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ220X	chiếc	166	27	4.407
788	RES-SMD;23.2KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2322X	chiếc	47	133	6.239

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
789	RES-SMD;270OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ271X	chiếc	53	53	2.814
790	RES-SMD;330OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ331X	chiếc	41	72	2.952
791	RES-SMD;3KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3001X	chiếc	49	133	6.505
792	RES-SMD;40.2KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF4022X	chiếc	62	102	6.343
793	RES-SMD;41.2KOHM,±1%,0402,1/16W	CRCW040241K2FKED	chiếc	50	243	12.135
794	RES-SMD;49.9OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF49R9X	chiếc	31	57	1.762
795	RES-SMD;5.1KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5101X	chiếc	49	133	6.505
796	RES-SMD;75OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF75R0X	chiếc	35	76	2.651
797	RES-SMD;1.0OHM,±5%,1206,1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	chiếc	23	133	3.053
798	PUSH-BUTTON;DPDT, VERT, TH6	PN21SJNA03QE	chiếc	27	8.814	237.970
799	TRANS-BJT;PNP,60V,600mA,SMD SOT23-3	MMBT2907A-7-F	chiếc	21	459	9.636
800	TVS-DIODE;UNIDIR,400W,6.5V/7.2V,SMA	SMAJ6.SA-TR	chiếc	15	2.173	32.596
801	CRYSTAL;25.000MHz,12pF,HC-49/S	9B-25.000MAAE-B	chiếc	5	1.983	9.917
802	High frequency cable;CABLE SMA JACK TO SOLDER 95mm	NL014	chiếc	3	11.389	34.167
803	5V/10W AC adapter, 2.1x5.5MM Jack	TPA102-10050-EU(II)	chiếc	6	11.840	71.041
804	CAP-CER,SMD;4.7uF,±20%,0603,10V,Y5V	GRM188F51A475ZE20D	chiếc	30	596	17.865
805	FUSE;PTC RESETTABLE,2A,8V, 100A I _{max}	miniSMDC200F-2	chiếc	30	2.541	76.230
806	RES-SMD;100 OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ101X	chiếc	30	550	16.502
807	RES-SMD;4.7KOHM,±5%,0402,1/16W	ERJ-2GEJ472X	chiếc	28	550	15.401
808	CHOKE-SMD;300mA,350mOHM,2mmx1.2mm	DLW21SN900SQ2L	chiếc	30	2.932	87.948
809	DIODE-ARRAY;6V,,SOT143-4,8KV/1pF	CM1293A-02SR	chiếc	30	770	23.094
810	AR9331,HORNET SINGLE CHIP,1X1, 2.4 GHz,802.11N,WLANs,QFN	AR9331-AL3A	chiếc	2	8.713	17.426
811	USB type-A receptor Connectors TH upright	KS-001V-ANW-L	chiếc	3	6.083	18.248
812	IC;16bit DDR1-400 32MByte,EM6AA160,TSOP66	EM6AA160TSB-5G	chiếc	12	28.382	340.578
813	CONN-DIP; Header, M, 12POS 0.100", 2ROWS	901310126	chiếc	4	9.980	39.922
814	CONN-DIP; USB-A, SOCKET, RT ANG	73725-0110BLF	chiếc	2	5.868	11.737
815	CRYSTAL; 25.000MHz, 10PPM, 18pF, HC49US_TH	9B-25.000MEEJ-B	chiếc	4	3.072	12.288
816	IC; Step-Down Converter, MP1470GJ, SOT23-6, 2A, 16V, 500kHz Synchronous	MP1470GJ	chiếc	41	10.368	425.094
817	IC FLASH SERIAL 64MB 86MHZ 8SOP	MX25L6406EM2I-12G	chiếc	3	14.264	42.791
818	Vỏ nhựa, kích thước 160X100X33mm, material:normalABS	PNC017	chiếc	18	9.401	169.209
819	CAP-ALUM, DIP; 100uF, 20%, Radial, 10V, -	ECA-1AM101I	chiếc	55	998	54.912
820	CAP-CER, SMD; 22uF, ±20%, 0805, 6, 3V, X5R	C2012X5R0J226M	chiếc	62	922	57.139
821	CAP-CER, SMD; 10uF, ±20%, 0603, 6.3V, X5R	C1608X5R0J106M	chiếc	27	730	19.699
822	CAP-CER, SMD; 4700pF, ±10%, 1812, 2KV, X7R	202S43W472KV4E	chiếc	30	3.776	113.265
823	CAP-CER, SMD; 22uF, ±20%, 1206, 10V, X5R	LMK316BJ226ML-T	chiếc	53	2.121	112.429
824	CAP-CER, SMD; 8pF, ±0.5pF, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H080D	chiếc	22	200	4.392
825	CAP-CER, SMD; 5pF, ±0.25pF, 0402, 50V, NP0	C1005C0G1H050C	chiếc	22	200	4.392
826	RES-SMD; 100KOHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ104X	chiếc	52	132	6.872
827	RES-SMD; 120KOHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1203X	chiếc	49	186	9.107
828	RES-SMD; 40.2KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF4022X	chiếc	34	186	6.319
829	RES-SMD; 13KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF1302X	chiếc	58	186	10.779
830	RES-SMD; 1.0OHM, ±5%, 1206, 1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	chiếc	22	186	4.089
831	RES-SMD; 2.43KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2431X	chiếc	52	186	9.664
832	RES-SMD; 0OHM, -, 0603, 1/10W	ERJ-3GEY0R00V	chiếc	34	71	2.402
833	RES-SMD; 5.1KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF5101X	chiếc	30	186	5.576
834	RES-SMD; 22OHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ220X	chiếc	42	55	2.325
835	RES-SMD; 3KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF3001X	chiếc	48	186	8.921
836	RES-SMD; 49.9OHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF49R9X	chiếc	78	77	6.037
837	RES-SMD; 75OHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF75R0X	chiếc	57	105	5.968
838	RES-SMD; 270OHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ271X	chiếc	14	101	1.409
839	RES-SMD; 330OHM, ±5%, 0402, 1/10W	ERJ-2GEJ331X	chiếc	13	101	1.308
840	RES-SMD; 0.0OHM, -, 1206, 1/4W	RC1206JR-070RL	chiếc	26	169	4.391
841	RES-SMD; 150KOHM, ±1%, 0402, 1/16W	RC0402FR-07150KL	chiếc	22	108	2.366
842	RES-SMD; 23.2KOHM, ±1%, 0402, 1/10W	ERJ-2RKF2322X	chiếc	22	768	16.896
843	RES-SMD; 41.2KOHM, ±1%, 0402, 1/16W	CRCW040241K2FKED	chiếc	22	614	13.517
844	IND-SMD; 4.7uH, 20%, 6x6x2.8mm, 3A, 40.3mOHM	NRS6028T4R7MMGK	chiếc	72	2.124	152.896
845	IND-SMD; 1.0uH, ±20%, 1008, 1.5A, 85mOHM	MLP2520S1R0M	chiếc	34	2.258	76.770
846	TVS-DIODE; UNIDIR, 400W, 6.5V/7.2V, SMA	SMAJ6.SA-TR	chiếc	14	3.786	53.008

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
847	LED-DIP; 2.1V, 10mA, Radial 3.1mm, GREEN DIFFUSED	SLR-342MG3F	chiếc	20	1.713	34.254
848	FB; 480hm@100MHz, 6A, 1206	FBMJ3216HS480NT	chiếc	40	760	30.414
849	FUSE; PTC RESETTABLE, 0.75A/40A, 6V, 0805	MF-PSMF075X-2	chiếc	24	2.377	57.049
850	TRANS-BJT; PNP, 60V, 600mA, SMD SOT23-3	MMBT2907A-7-F	chiếc	12	641	7.686
851	ESD; UNI-DIR, 2pF, 3.3V/6V, SOT143-4	CM1293A-02SR	chiếc	22	2.688	59.136
852	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X1 TAB-DOWN WITHOUTLEDS WITHOUT FILTER, BLUE	PJ-H1-BXSH-NNNNN-1	chiếc	2	4.776	9.552
853	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUTLEDS WITHOUT FILTER, BLACK	PJ-A4-BXBH-NNNNN-1	chiếc	2	17.512	35.023
854	PUSH-BUTTON; BUTTON,RIGHT ANGLE	TS-1138V2A-160-BK	chiếc	2	1.369	2.738
855	PUSH-BUTTON; BUTTON,RIGHT ANGLE	TS-11-113V2A-160	chiếc	2	1.656	3.311
856	TRANSFORMER,FM-218LLF, TRANS_TH-16P_10/100 BASE-T SINGLE	FM-218LLF	chiếc	2	5.345	10.690
857	TRANSFORMER,FM-318LLF, TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	chiếc	5	7.808	39.041
858	IC;AR9331,HORNET SINGLE CHIP,1X1, 2.4GHZ,802.11N,WLANs,QFN	AR9331-AL3A	chiếc	3	1.891	5.674
859	IC;DDR1,EM6AA160TSB5G,TSOP66,16bitDDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	chiếc	2	19.857	39.715
860	CAP-CER,SMD; 10000pF,±10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103KA01D	chiếc	58	121	7.012
861	CAP-CER,SMD; 0.22uF,±10%,0402,6.3V,X5R	GRM155R60J224KE01D	chiếc	58	1.111	64.458
862	CAP-CER,SMD; 1.2pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1H1R2CA01D	chiếc	76	406	30.848
863	CAP-CER,SMD; 1.5pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1H1R5CA01D	chiếc	58	597	34.643
864	CAP-CER,SMD; 1pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1H1R0CA01D	chiếc	58	576	33.425
865	CAP-CER,SMD; 3.9pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1H3R9CA01D	chiếc	56	482	26.989
866	CAP-CER,SMD; 0.75pF,±0.1pF,0402,50V,C0G	GJM1555C1HR75BB01D	chiếc	58	1.472	85.347
867	CAP-CER,SMD; 0.5pF,±0.25pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1HR50CA01D	chiếc	58	562	32.616
868	CAP-CER,DIP; 4700pF,20%,+80%,Radial,2KV,-25°C ~ 85°C	DEBF33D472ZA2B	chiếc	44	4.235	186.318
869	IND-SMD;4.7nH, ±0.1nH,0402,160mA,600mOHM	LQP15MN4N7B02D	chiếc	6	1.574	9.441
870	IND-SMD;2.2nH, ±0.1nH,0402,150mA,330mOHM	LQP15MN2N2B02D	chiếc	36	1.268	45.630
871	IND-SMD; 12nH, ±5%,0402,300mA,410mOHM	LQG15HN12NJ02D	chiếc	36	778	28.010
872	IND-SMD;3.9nH, ±0.1nH,0402,170mA,500mOHM	LQP15MN3N9B02D	chiếc	30	1.268	38.025
873	IND-SMD;1.8nH, ±0.1nH,0402,280mA,200mOHM	LQP15MN1N8B02D	chiếc	36	1.268	45.630
874	IND-SMD;2.7nH, ±0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN2N7B02D	chiếc	54	1.068	57.696
875	FB;330Ohm@100MHz,1.5A,0805	BLM21PG331SN1D	chiếc	28	1.585	44.381
876	CAP-CER,SMD;100pF,±10%,0402,50V,NP0	04025A101KAT2A	chiếc	739	59	43.564
877	CAP-CER,SMD;1.0uF,±10%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105K	chiếc	415	136	56.585
878	CAP-CER,SMD;470pF,±10%,0402,50V,X7R	C1005X7R1H471K	chiếc	285	53	15.005
879	CAP-CER,SMD;1000pF,±10%,0402,50V,X7R	CC0402KRX7R7BB102	chiếc	864	15	13.349
880	RES-SMD;0OHM,5%,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	chiếc	170	9	1.581
881	RES-SMD;15KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	chiếc	185	56	10.323
882	CAP-CER,SMD;0.1uF,±10%,0402,16V,X7R	GRM155R71C104KA88D	chiếc	3.847	12	47.895
883	CAP-CER,SMD;10pF,±5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H100JA01D	chiếc	554	37	20.609
884	CAP-ALUM,DIP; 100uF,20%,Radial,10V,-,	ECA-1AM1011	Chiếc	8	295	2.358
885	CAP-CER,SMD;100PF,5%,0402,50V,NP0	GRM1555C1H101JA01D	Chiếc	53	362	19.160
886	CAP-CER,SMD;1.0uF,±10%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105K050BC	Chiếc	60	308	18.495
887	CAP-CER,SMD;22uF,±20%,0805,6,3V,X5R	GRM21BR60J226ME39L	Chiếc	81	523	42.355
888	CAP-CER,SMD;10000pF,±10%,0402,25V,X7R	GRM155R71E103KA01D	Chiếc	24	36	857

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
889	CAP-CER,SMD;10uF,±20%,0603,6.3V,X5R	GRM188R60J106ME47D	Chiếc	46	538	24.764
890	CAP-CER,SMD;0.22uF,±10%,0402,6.3V,X5R	GRM155R60J224KE01D	Chiếc	55	477	26.260
891	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0402,50V,C0G	GRM1555C1H100JA01D	Chiếc	35	117	4.100
892	CAP-CER,SMD;470pF,±10%,0402,50V,X7R	GRM155R71H471KA01D	Chiếc	54	355	19.165
893	CAP-CER,SMD;1000pF,±10%,0402,16V,X7R	GRM155R71C102KA01D	Chiếc	49	221	10.834
894	CAP-CER,SMD;1.2pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R2CA01D	Chiếc	35	123	4.305
895	CAP-CER,SMD;1.5pF,0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R5CA01D	Chiếc	54	387	20.898
896	CAP-CER,SMD;1pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H1R0CA01D	Chiếc	55	348	19.165
897	CAP-CER,SMD;3.9pF,±0.25pF,0402,50V,C0G	GRM1555C1H3R9CA01D	Chiếc	46	239	10.992
898	CAP-CER,SMD;0.75pF,±0.1pF,0402,50V,C0G	GJM1555C1HR75BB01D	Chiếc	52	559	29.086
899	CAP-CER,SMD;0.5pF,0.1pF,0402,50V,NP0	GRM1555C1HR50BA01D	Chiếc	56	387	21.672
900	CAP-CER,DIP;4700pF,80/-20%,RADIAL,2KY,-	DEBF33D472ZA2B	Chiếc	15	1.458	21.877
901	CAP-CER,SMD;22uF,±20%,1206,10V,X5R	LMK316BJ226ML-T	Chiếc	47	1.879	88.315
902	IND-SMD;4.7uH,±20%,6x6x2.8mm,3A,31mOHM	NRS6028T4R7MMGK	Chiếc	13	2.058	26.758
903	IND-SMD;1.0uH,±20%,1008,1.6A,55mOHM	LQM2HPN1R0MG0L	Chiếc	40	1.862	74.484
904	IND-SMD;2.2nH,±0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN2N2B02D	Chiếc	40	929	37.146
905	IND-SMD;12nH,±5%,0402,300mA,410mOHM	LQG15HN12N2J02D	Chiếc	48	391	18.770
906	IND-SMD;3.9nH,±0.1nH,0402,170mA,500mOHM	LQP15MN3N9B02D	Chiếc	42	868	36.471
907	IND-SMD;1.8nH,±0.1nH,0402,280mA,200mOHM	LQP15MN1N8B02D	Chiếc	47	844	39.684
908	IND-SMD;2.7nH,±0.1nH,0402,220mA,300mOHM	LQP15MN2N7B02D	Chiếc	39	771	30.063
909	RES-SMD;0OHM,-,0402,1/10W	ERJ-2GE0R00X	Chiếc	26	100	2.590
910	RES-SMD;100KOHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ104X	Chiếc	60	365	21.870
911	RES-SMD;120KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1203X	Chiếc	57	387	22.076
912	RES-SMD;40.2KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF4022X	Chiếc	58	426	24.708
913	RES-SMD;13KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1302X	Chiếc	58	426	24.708
914	RES-SMD;1.0OHM,±5%,1206,1/4W	ERJ-8GEYJ1R0V	Chiếc	50	431	21.540
915	RES-SMD;2.43KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF2431X	Chiếc	60	398	23.904
916	RES-SMD;6.19KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF6191X	Chiếc	56	387	21.689
917	RES-SMD;0OHM,-,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Chiếc	57	360	20.537
918	RES-SMD;15KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1502X	Chiếc	58	426	24.708
919	RES-SMD;5.1KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF5101X	Chiếc	58	406	23.534
920	RES-SMD;1.0KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF1001X	Chiếc	40	206	8.250
921	RES-SMD;3KOHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF3001X	Chiếc	58	426	24.708
922	RES-SMD;49.9OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF49R9X	Chiếc	49	68	3.352
923	RES-SMD;75OHM,±1%,0402,1/10W	ERJ-2RKF75R0X	Chiếc	80	72	5.724
924	RES-SMD;270OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ271X	Chiếc	20	104	2.088
925	RES-SMD;330OHM,±5%,0402,1/10W	ERJ-2GEJ331X	Chiếc	47	229	10.751
926	RES-SMD;0.0OHM,-,0805,1/8W	ERJ-6GEY0R00V	Chiếc	49	410	20.080
927	RES-SMD;0.0 OHM,JUMP,1206,1/4W	RC1206JR-070RL	Chiếc	47	391	18.393
928	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X1 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLUE	J014-1116	Chiếc	11	2.714	29.855
929	CONN-DIP;RJ45 CONNECTOR,1X4 TAB-DOWN WITHOUT LEDS WITHOUT FILTER, BLACK	J014-1115	Chiếc	11	5.017	55.184
930	CONN-DIP;USB RT ANG RECEPT TYPE A	73725-0110BLF	Chiếc	11	5.051	55.556
931	IC;SoC for AP and ROUTER,AR9331,LPCC-148, 1x1 2.4 GHz 802.11N WLANs	AR9331-AL3A	Chiếc	11	26.480	291.275
932	IC;Step-Down Converter,MP1470GJ,SOT23-6,2A,16V,500kHz Synchronous	MP1470GJ-Z	Chiếc	195	3.152	614.718
933	IC;DDR1,EM6AA160TSB-5G,TSOP66,16bit DDR1-400 32MByte (256Mb)	EM6AA160TSB-5G	Chiếc	11	6.511	71.617
934	IC;SERIAL FLASH MEMORY,MX25L6406EM21-12G,SOP8,64Mbit-86MHz SPI bus interface	MX25L6406EM21-12G	Chiếc	11	11.032	121.348

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
935	CRYSTAL;25.000MHz,10PPM,18pF,HC49US_TH	HC-49US	Chiếc	11	202	2.218
936	TVS-DIODE;UNIDIR,400W,6.5V/7.2V,SMA	SMAJ6.5A-TP	Chiếc	37	2.092	77.389
937	FB;330Ohm@100MHz,1.5A,0805	BLM21PG331SN1D	Chiếc	32	746	23.885
938	FUSE;PTC RESETTABLE,6V,750mA,0805	MF-PSMF075X-2	Chiếc	41	2.582	105.848
939	HEAT SINK; CPU W/ADHESIVE,14x14x6mm,SQUARE,PIN FINS	CPU-141406+T410-1212	Chiếc	13	4.729	61.472
940	LED-DIP;2.1V,10mA,Radial 3mm,GREEN DIFFUSED	LTL-4231N	Chiếc	64	420	26.890
941	SWITCH;TACT,RIGHT,TH4	DTSA-62K-V	Chiếc	12	535	6.415
942	TRANSFORMER;FM-218LLF,TRANS_TH-16P_10/100 BASE-T SINGLE	FM-218LLF	Chiếc	11	946	10.407
943	TRANSFORMER;FM-318LLF,TRANS_TH-20P_10/100 BASE-T DUAL	FM-318LLF	Chiếc	12	1.382	16.582
944	TRANS-BJT;PNP,60V,600mA,SMD SOT23-3	MMBT2907A-7-F	Chiếc	82	319	26.187
945	ANTENNA;C11-2425-5-A, 2.4-2.5GHz 50Ohm SMA-CON BLACK 195mm	C11-2425-5-A	Chiếc	6	6.030	36.180
946	SMA JACK TO SOLDER CABLE;SMA-1.13-SLD-95,100mm,1.13mm,50Ohm,0.03MHz-3000MHz	SMA-1.13-SLD-95	Chiếc	6	4.110	24.660
947	BUNCHED CABLE;ETHERNET INTERFACE W/ RJ45 PLUG ENDS, 1m length		Chiếc	6	209	1.256
948	POWER SUPPLY;100-240VAC 5VDC 2000MA, 2.1x3.5MM Jack,Positive Center	1702103	Chiếc	6	15.426	92.556
949	Screw;Diameter 8mm,thickness 3mm,rubber		Chiếc	7	390	2.730
950	Đế cao su đáy hộp		Chiếc	52	405	21.060
951	Housing (vỏ nhựa sản phẩm)	PNC017	Chiếc	5	15.243	76.213
952	PCB ARRAY;BBR_REV0.2A, 2lớp,143.0*102.9*1.0mm, FR4,-chữ trắng, màu xanh	BROADBAND_ROUTER REV02A	Chiếc	11	9.018	99.198
953	2 each males and females of: BNC, TNC, N, Mini-UHF, UHF, SMA, F, RCA		Cái	15	62.970	944.550
954	2 each males and females of: BNC, TNC, N, Mini-UHF, UHF, SMA, F, RCA		Cái	1	62.970	62.970
955	8 universal adapters		Cái	8	12.594	100.752
956	RES 91 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0791RL	Cái	157	36	5.676
957	RES 91 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0791RL	Cái	43	36	1.548
958	RES 910 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07910RL	Cái	180	36	6.507
959	RES 8.2K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-078K2L	Cái	180	36	6.507
960	RES 75 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0775RL	Cái	180	36	6.507
961	RES 68K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0768KL	Cái	180	36	6.507
962	RES 680 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07680RL	Cái	180	36	6.507
963	RES 6.8K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-076K8L	Cái	200	36	7.230
964	RES 56K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0756KL	Cái	200	36	7.230
965	RES 56 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0756RL	Cái	200	36	7.230
966	RES 560K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07560KL	Cái	180	36	6.507
967	RES 560 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07560RL	Cái	180	36	6.507
968	RES 5.6K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-075K6L	Cái	180	36	6.480
969	RES 5.6 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-075R6L	Cái	180	36	6.480
970	RES 47 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0747RL	Cái	180	36	6.480
971	RES 470 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07470RL	Cái	180	36	6.480
972	RES 43K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0743KL	Cái	192	36	6.912
973	RES 430K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07430KL	Cái	200	36	7.200
974	RES 4.7K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-074K7L	Cái	180	36	6.480
975	RES 4.7 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-074R7L	Cái	197	36	7.092
976	RES 39 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0739RL	Cái	200	36	7.200
977	RES 390 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07390RL	Cái	200	36	7.200
978	RES 33K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0733KL	Cái	180	36	6.480
979	RES 33 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0733RL	Cái	200	36	7.200
980	RES 330 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07330RL	Cái	200	36	7.200
981	RES 300K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07300KL	Cái	200	36	7.200
982	RES 3.9K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073K9L	Cái	180	36	6.480
983	RES 3.9 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073R9L	Cái	200	36	7.200
984	RES 3.3K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073K3L	Cái	200	36	7.200
985	RES 3.0 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-073R3L	Cái	200	36	7.200
986	RES 27K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0727KL	Cái	200	36	7.200
987	RES 27 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0727RL	Cái	200	36	7.200
988	RES 270 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07270RL	Cái	180	36	6.480

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
989	RES 22K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0722KL	Cái	200	36	7.200
990	RES 220K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07220KL	Cái	180	36	6.480
991	RES 220 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07220RL	Cái	180	36	6.480
992	RES 20 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0720RL	Cái	177	36	6.372
993	RES 2.7K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-072K7L	Cái	200	36	7.200
994	RES 2.2K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-072K2L	Cái	180	36	6.480
995	RES 2.0 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-072RL	Cái	200	36	7.200
996	RES 180K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07180KL	Cái	200	36	7.200
997	RES 180 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07180RL	Cái	200	36	7.200
998	RES 15K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0715KL	Cái	200	36	7.200
999	RES 15 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0715RL	Cái	197	36	7.092
1000	RES 150 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07150RL	Cái	200	36	7.200
1001	RES 120K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07120KL	Cái	180	36	6.480
1002	RES 11K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0711KL	Cái	200	36	7.200
1003	RES 10 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-0710RL	Cái	197	36	7.092
1004	RES 100K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-07100KL	Cái	190	36	6.840
1005	RES 1.8K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071K8L	Cái	200	36	7.200
1006	RES 1.2K OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071K2L	Cái	200	36	7.200
1007	RES 1.0M OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071ML	Cái	180	36	6.480
1008	RES 1.0 OHM 1/16W 5% 0402 SMD	RC0402JR-071RL	Cái	200	36	7.200
1009	CAP CER 0.22UF 6.3V 10% X5R 0402	6R3R07X224KV4T	Cái	4	177	709
1010	CAP CER 0.22UF 6.3V 10% X5R 0402	6R3R07X224KV4T	Cái	46	177	8.163
1011	CAP CER 4700PF 50V 10% X7R 0402	500R07W472KV4T	Cái	50	177	8.873
1012	CAP CER 470PF 50V 10% X7R 0402	500R07W471KV4T	Cái	50	177	8.873
1013	CAP CER 3300PF 50V 10% X7R 0402	500R07W332KV4T	Cái	50	177	8.873
1014	CAP CER 2200PF 50V 10% X7R 0402	500R07W222KV4T	Cái	50	177	8.873
1015	CAP CER 10000PF 50V 10% X7R 0402	500R07W103KV4T	Cái	50	177	8.873
1016	CAP CER 1000PF 50V 10% X7R 0402	500R07W102KV4T	Cái	50	177	8.873
1017	CAP CER 10000PF 25V 10% X7R 0402	250R07W103KV4T	Cái	50	177	8.873
1018	CAP CER 1000PF 25V 10% X7R 0402	250R07W102KV4T	Cái	50	177	8.873
1019	CAP CER 0.1UF 16V Y5V 0402	160R07Y104ZV4T	Cái	50	177	8.873
1020	CAP CER 0.1UF 16V 10% X5R 0402	160R07X104KV4T	Cái	40	177	7.098
1021	CAP CER 0.022UF 16V 10% X7R 0402	160R07W223KV4T	Cái	50	177	8.873
1022	CAP CER 10000PF 16V 10% X7R 0402	160R07W103KV4T	Cái	50	177	8.873
1023	CAP CER 0.1UF 10V 10% X5R 0402	100R07X104KV4T	Cái	50	177	8.873
1024	CAP CER 220PF 25V 5% NPO 0402	250R07N221JV4T	Cái	50	177	8.873
1025	CAP CER 150PF 25V 5% NPO 0402	250R07N151JV4T	Cái	50	177	8.873
1026	CAP CER 100PF 50V 5% NPO 0402	500R07N101JV4T	Cái	50	177	8.873
1027	CAP CER 68PF 50V 5% NPO 0402	500R07N680JV4T	Cái	50	177	8.873
1028	CAP CER 47PF 50V 5% NPO 0402	500R07N470JV4T	Cái	50	177	8.873
1029	CAP CER 33PF 50V 5% NPO 0402	500R07N330JV4T	Cái	50	177	8.873
1030	CAP CER 22PF 50V 5% NPO 0402	500R07N220JV4T	Cái	50	177	8.873
1031	CAP CER 15PF 50V 5% NPO 0402	500R07N150JV4T	Cái	50	177	8.865
1032	CAP CER 6.8PF 50V NPO 0402	500R07N6R8CV4T	Cái	50	177	8.865
1033	CAP CER 4.7PF 50V NPO 0402	500R07N4R7CV4T	Cái	50	177	8.865
1034	CAP CER 3.3PF 50V NPO 0402	500R07N3R3CV4T	Cái	50	177	8.865
1035	CAP CER 2.2PF 50V NPO 0402	500R07N2R2CV4T	Cái	50	177	8.865
1036	CAP CER 1PF 50V NPO 0402	500R07N1R0CV4T	Cái	50	177	8.865
1037	INDUCTOR 10NH 5% 0402 SMD	ELJ-PF10NJFB	Cái	30	416	12.483
1038	INDUCTOR 10NH 5% 0402 SMD	ELJ-PF10NJFB	Cái	30	416	12.483
1039	INDUCTOR 4.7NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF4N7DFB	Cái	30	416	12.483
1040	INDUCTOR 3.3NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF3N3DFB	Cái	26	416	10.819
1041	INDUCTOR 3.3NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF3N3DFB	Cái	4	416	1.664
1042	INDUCTOR 2.2NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-PF2N2DFB	Cái	30	416	12.479
1043	INDUCTOR 10NH 5% 0402 SMD	ELJ-QF10NJF	Cái	30	416	12.479
1044	INDUCTOR 8.2NH 5% 0402 SMD	ELJ-QF8N2JF	Cái	30	416	12.479
1045	INDUCTOR 6.8NH 5% 0402 SMD	ELJ-QF6N8JF	Cái	30	416	12.479
1046	INDUCTOR 4.7NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF4N7DF	Cái	30	416	12.479
1047	INDUCTOR 3.3NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF3N3DF	Cái	30	416	12.479
1048	INDUCTOR 2.2NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF2N2DF	Cái	30	416	12.479
1049	INDUCTOR 1.5NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF1N5DF	Cái	30	416	12.479
1050	INDUCTOR 1.0NH ±0.3% 0402 SMD	ELJ-QF1N0DF	Cái	30	416	12.479
1051	CAP THIN FILM 8.2PF 50V 0603	0603J8R2BBS	Cái	20	1.888	37.752
1052	CAP THIN FILM 3.9PF 50V 0603	0603J3R9BBS	Cái	9	1.888	16.988
1053	CAP THIN FILM 3.9PF 50V 0603	0603J3R9BBS	Cái	11	1.888	20.765

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1054	CAP THIN FILM 3PF 50V 0603	06031J3R0BBS	Cái	15	1.888	28.316
1055	CAP THIN FILM 2.7PF 50V 0603	06031J2R7BBS	Cái	15	1.888	28.316
1056	CAP THIN FILM 2.4PF 50V 0603	06031J2R4BBS	Cái	15	1.888	28.316
1057	CAP THIN FILM 2.2PF 50V 0603	06031J2R2BBS	Cái	15	1.888	28.316
1058	CAP THIN FILM 2PF 50V 0603	06031J2R0BBS	Cái	15	1.888	28.316
1059	CAP THIN FILM 1.8PF 50V 0603	06031J1R8BBS	Cái	20	1.888	37.755
1060	CAP THIN FILM 1.5PF 50V 0603	06031J1R5BBS	Cái	20	1.888	37.755
1061	CAP THIN FILM 1.2PF 50V 0603	06031J1R2BBS	Cái	20	1.888	37.755
1062	CAP THIN FILM 1.1PF 50V 0603	06031J1R1BBS	Cái	20	1.888	37.755
1063	CAP THIN FILM 1PF 50V 0603	06031J1R0BBS	Cái	20	1.888	37.755
1064	CAP THIN FILM 12PF 50V 0603	06035J120GBS	Cái	10	1.888	18.878
1065	CAP THIN FILM 10PF 50V 0603	06035J100GBS	Cái	10	1.888	18.878
1066	CAP THIN FILM 0.9PF 50V 0603	06031J0R9BBS	Cái	20	1.888	37.755
1067	CAP THIN FILM 0.8PF 50V 0603	06031J0R8BBS	Cái	20	1.888	37.755
1068	CAP THIN FILM 0.7PF 50V 0603	06031J0R7BBS	Cái	20	1.888	37.755
1069	CAP THIN FILM 15PF 25V 0603	06035J150GBS	Cái	10	1.888	18.878
1070	CAP THIN FILM 0.6PF 50V 0603	06031J0R6BBS	Cái	20	1.888	37.755
1071	CAP THIN FILM 0.5PF 50V 0603	06031J0R5BBS	Cái	20	1.888	37.755
1072	CAP THIN FILM 0.3PF 50V 0603	06031J0R3ABS	Cái	20	1.888	37.755
1073	CAP THIN FILM 0.2PF 50V 0603	06031J0R2ABS	Cái	20	1.888	37.755
1074	CAP THIN FILM 0.1PF 50V 0603	06031J0R1ABS	Cái	20	1.888	37.755
1075	RES 910K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ914V	Cái	3	51	152
1076	RES 910K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ914V	Cái	197	51	9.988
1077	RES 9.1K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ912V	Cái	200	51	10.140
1078	RES 7.5K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ752V	Cái	200	51	10.140
1079	RES 750K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ754V	Cái	200	51	10.140
1080	RES 620K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ624V	Cái	200	51	10.140
1081	RES 6.2K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ622V	Cái	200	51	10.140
1082	RES 510K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ514V	Cái	200	51	10.140
1083	RES 5.1K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ512V	Cái	200	51	10.140
1084	RES 430K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ434V	Cái	200	51	10.140
1085	RES 4.3K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ432V	Cái	200	51	10.140
1086	RES 360K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ364V	Cái	200	51	10.140
1087	RES 3.6K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ362V	Cái	200	51	10.140
1088	RES 300K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ304V	Cái	200	51	10.140
1089	RES 3.0K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ302V	Cái	200	51	10.140
1090	RES 240K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ244V	Cái	200	51	10.140
1091	RES 2.4K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ242V	Cái	200	51	10.140
1092	RES 200K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ204V	Cái	200	51	10.140
1093	RES 2.0K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ202V	Cái	200	51	10.140
1094	RES 160K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ164V	Cái	200	51	10.140
1095	RES 1.6K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ162V	Cái	200	51	10.140
1096	RES 130K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ134V	Cái	200	51	10.140
1097	RES 1.3K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ132V	Cái	200	51	10.140
1098	RES 110K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ114V	Cái	200	51	10.140
1099	RES 1.1K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ112V	Cái	200	51	10.110
1100	RES 91K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ913V	Cái	200	51	10.110
1101	RES 910 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ911V	Cái	200	51	10.110
1102	RES 75K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ753V	Cái	200	51	10.110
1103	RES 750 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ751V	Cái	200	51	10.110
1104	RES 62K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ623V	Cái	200	51	10.110
1105	RES 620 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ621V	Cái	200	51	10.110
1106	RES 51K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ513V	Cái	200	51	10.110
1107	RES 510 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ511V	Cái	200	51	10.110
1108	RES 43K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ433V	Cái	200	51	10.110
1109	RES 430 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ431V	Cái	200	51	10.110
1110	RES 36K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ363V	Cái	200	51	10.110
1111	RES 360 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ361V	Cái	130	51	6.572
1112	RES 30K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ303V	Cái	200	51	10.110
1113	RES 300 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ301V	Cái	130	51	6.572
1114	RES 24K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ243V	Cái	200	51	10.110
1115	RES 240 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ241V	Cái	180	51	9.099
1116	RES 20K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ203V	Cái	200	51	10.110
1117	RES 200 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ201V	Cái	180	51	9.099
1118	RES 160 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ161V	Cái	130	51	6.572

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1119	RES 13K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ133V	Cái	200	51	10.110
1120	RES 130 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ131V	Cái	180	51	9.099
1121	RES 11K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ113V	Cái	200	51	10.110
1122	RES 110 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ111V	Cái	160	51	8.088
1123	RES 91 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ910V	Cái	180	51	9.099
1124	RES 75 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ750V	Cái	170	51	8.594
1125	RES 62 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ620V	Cái	200	51	10.110
1126	RES 51 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ510V	Cái	200	51	10.110
1127	RES 43 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ430V	Cái	200	51	10.110
1128	RES 36 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ360V	Cái	200	51	10.110
1129	RES 30 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ300V	Cái	200	51	10.110
1130	RES 24 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ240V	Cái	200	51	10.110
1131	RES 20 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ200V	Cái	200	51	10.110
1132	RES 11 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ110V	Cái	185	51	9.352
1133	RES 16 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ160V	Cái	200	51	10.110
1134	RES 13 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ130V	Cái	200	51	10.110
1135	RES 16K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	ERJ-3GEYJ163V	Cái	200	51	10.110
1136	INDUCTOR 5.6NH .7A 0603 5%	B82496C3569J	Cái	15	1.028	15.413
1137	INDUCTOR 56NH .25A 0603 5%	B82496C3560J	Cái	15	1.028	15.413
1138	INDUCTOR 3.9NH 1.1A 0603 5%	B82496C3399J	Cái	15	1.028	15.413
1139	INDUCTOR 39NH .3A 0603 5%	B82496C3396J	Cái	15	1.028	15.413
1140	INDUCTOR 2.7NH +/- .3NH 1.4A 0603	B82496C3279A	Cái	15	1.028	15.413
1141	INDUCTOR 27NH .36A 0603 5%	B82496C3270J	Cái	15	1.028	15.413
1142	INDUCTOR 1.8NH +/- .3NH 1.5A 0603	B82496C3189A	Cái	15	1.028	15.413
1143	INDUCTOR 18NH .4A 0603 5%	B82496C3180J	Cái	1	1.028	1.028
1144	INDUCTOR 18NH .4A 0603 5%	B82496C3180J	Cái	14	1.028	14.387
1145	INDUCTOR 8.2NH .65A 0603 5%	B82496C3829J	Cái	15	1.028	15.415
1146	INDUCTOR 82NH .22A 0603 5%	B82496C3820J	Cái	15	1.028	15.415
1147	INDUCTOR 6.8NH .7A 0603 5%	B82496C3689J	Cái	15	1.028	15.415
1148	INDUCTOR 68NH .23A 0603 5%	B82496C3680J	Cái	15	1.028	15.415
1149	INDUCTOR 4.7NH .8A 0603 5%	B82496C3479J	Cái	10	1.028	10.277
1150	INDUCTOR 47NH .27A 0603 5%	B82496C3470J	Cái	15	1.028	15.415
1151	INDUCTOR 3.3NH 1.2A 0603	B82496C3339A	Cái	15	1.028	15.415
1152	INDUCTOR 33NH .35A 0603 5%	B82496C3330J	Cái	15	1.028	15.415
1153	INDUCTOR 2.2NH 1.5A 0603	B82496C3229A	Cái	15	1.028	15.415
1154	INDUCTOR 220NH .11A 0603 5%	B82496C3221J	Cái	15	1.028	15.415
1155	INDUCTOR 22NH .38A 0603 5%	B82496C3220J	Cái	15	1.028	15.415
1156	INDUCTOR 1.5NH 1.5A 0603	B82496C3159A	Cái	15	1.028	15.415
1157	INDUCTOR 15NH .42A 0603 5%	B82496C3150J	Cái	15	1.028	15.415
1158	INDUCTOR 12NH .45A 0603 5%	B82496C3120J	Cái	15	1.028	15.415
1159	INDUCTOR 100NH .2A 0603 5%	B82496C3101J	Cái	15	1.028	15.415
1160	INDUCTOR 10NH .6A 0603 5%	B82496C3100J	Cái	15	1.028	15.415
1161	CAP CER 470PF 100V 20% X7R 0603	101X14W471MV4	Cái	50	430	21.495
1162	CAP CER 2200PF 100V 20% X7R 0603	101X14W222MV4	Cái	50	430	21.495
1163	CAP CER 220PF 100V 20% X7R 0603	101X14W221MV4	Cái	17	430	7.308
1164	CAP CER 220PF 100V 20% X7R 0603	101X14W221MV4	Cái	33	430	14.192
1165	CAP CER 1500PF 100V X7R 0603	101X14W152MV4	Cái	50	430	21.503
1166	CAP CER 1000PF 100V X7R 0603	101X14W102MV4	Cái	50	430	21.503
1167	CAP CER 47PF 100V 20% NP0 0603	101X14N470MV4	Cái	50	430	21.503
1168	CAP CER 33PF 100V 20% NP0 0603	101X14N330MV4	Cái	50	430	21.503
1169	CAP CER 22PF 100V 20% NP0 0603	101X14N220MV4	Cái	50	430	21.503
1170	CAP CER 1PF 100V NP0 0603	101X14N1R0DV4	Cái	50	430	21.503
1171	CAP CER 10PF 100V 20% NP0 0603	101X14N100MV4	Cái	50	430	21.503
1172	CAP CER 4700PF 100V 20% X7R 0603	101X14W472MV4	Cái	45	430	19.352
1173	CAP CER 10000PF 50V 20% X7R 0603	500X14W103MV4	Cái	50	430	21.503
1174	CAP CER 100PF 50V 20% NP0 0603	500X14N101MV4	Cái	50	430	21.503
1175	RES 82K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0782KL	Cái	200	36	7.200
1176	RES 82 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0782RL	Cái	200	36	7.200
1177	RES 820K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07820KL	Cái	200	36	7.200
1178	RES 820 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07820RL	Cái	200	36	7.200
1179	RES 8.2K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-078K2L	Cái	33	36	1.188
1180	RES 8.2K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-078K2L	Cái	167	36	5.987
1181	RES 8.2 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-078R2L	Cái	200	36	7.170
1182	RES 68K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0768KL	Cái	200	36	7.170
1183	RES 68 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0768RL	Cái	200	36	7.170

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1184	RES 680K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07680KL	Cái	200	36	7.170
1185	RES 680 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07680RL	Cái	200	36	7.170
1186	RES 6.8K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-076K8L	Cái	200	36	7.170
1187	RES 6.8 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-076R8L	Cái	200	36	7.170
1188	RES 56K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0756KL	Cái	200	36	7.170
1189	RES 56 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0756RL	Cái	200	36	7.170
1190	RES 560K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07560KL	Cái	200	36	7.170
1191	RES 560 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07560RL	Cái	200	36	7.170
1192	RES 5.6K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-075K6L	Cái	200	36	7.170
1193	RES 5.6 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-075R6L	Cái	200	36	7.170
1194	RES 47K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0747KL	Cái	200	36	7.170
1195	RES 47 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0747RL	Cái	200	36	7.170
1196	RES 470K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07470KL	Cái	200	36	7.170
1197	RES 470 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07470RL	Cái	200	36	7.170
1198	RES 4.7K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-074K7L	Cái	200	36	7.170
1199	RES 4.7 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-074R7L	Cái	200	36	7.170
1200	RES 39K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0739KL	Cái	200	36	7.170
1201	RES 39 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0739RL	Cái	200	36	7.170
1202	RES 390K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07390KL	Cái	200	36	7.170
1203	RES 390 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07390RL	Cái	200	36	7.170
1204	RES 33K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0733KL	Cái	200	36	7.170
1205	RES 33 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0733RL	Cái	200	36	7.170
1206	RES 330K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07330KL	Chiếc	200	36	7.170
1207	RES 330 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07330RL	Cái	200	36	7.170
1208	RES 3.9K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-073K9L	Cái	200	36	7.170
1209	RES 3.9 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-073R9L	Cái	200	36	7.170
1210	RES 3.3K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-073K3L	Cái	200	36	7.170
1211	RES 3.3 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-073R3L	Cái	200	36	7.170
1212	RES 27K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0727KL	Cái	200	36	7.170
1213	RES 27 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0727RL	Cái	200	36	7.170
1214	RES 270K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07270KL	Cái	200	36	7.170
1215	RES 270 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07270RL	Cái	200	36	7.170
1216	RES 22K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0722KL	Cái	200	36	7.170
1217	RES 22 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0722RL	Cái	200	36	7.170
1218	RES 220K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07220KL	Cái	200	36	7.170
1219	RES 220 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07220RL	Cái	200	36	7.170
1220	RES 2.7K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-072K7L	Cái	200	36	7.170
1221	RES 2.7 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-072R7L	Cái	200	36	7.170
1222	RES 2.2K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-072K2L	Cái	200	36	7.170
1223	RES 2.2 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-072R2L	Cái	200	36	7.170
1224	RES 18K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0718KL	Cái	200	36	7.170
1225	RES 18 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0718RL	Cái	200	36	7.170
1226	RES 180K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07180KL	Cái	200	36	7.170
1227	RES 180 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07180RL	Cái	200	36	7.170
1228	RES 15K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0715KL	Cái	200	36	7.170
1229	RES 15 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0715RL	Cái	200	36	7.170
1230	RES 150K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07150KL	Cái	200	36	7.170
1231	RES 150 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07150RL	Cái	200	36	7.170
1232	RES 12K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0712KL	Cái	200	36	7.170
1233	RES 12 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0712RL	Cái	200	36	7.170
1234	RES 120K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07120KL	Cái	200	36	7.170
1235	RES 120 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07120RL	Cái	200	36	7.170
1236	RES 10K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0710KL	Cái	200	36	7.170
1237	RES 10 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-0710RL	Cái	200	36	7.170
1238	RES 100K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07100KL	Cái	200	36	7.170
1239	RES 100 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-07100RL	Cái	192	36	6.883
1240	RES 1.8K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071K8L	Cái	200	36	7.170
1241	RES 1.5K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071K5L	Cái	200	36	7.170
1242	RES 1.5 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071R5L	Cái	200	36	7.170
1243	RES 1.2K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071K2L	Cái	200	36	7.170
1244	RES 1.2 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071R2L	Cái	200	36	7.170
1245	RES 1.0M OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071ML	Cái	200	36	7.170
1246	RES 1.0K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071KL	Cái	200	36	7.170
1247	RES 1.0 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RC0805JR-071RL	Chiếc	200	36	7.170
1248	INDUCTOR 680NH 190MA 0805 5%	B82498F3681J000	Cái	15	1.028	15.413

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1249	INDUCTOR 820NH 180MA 0805 5%	B82498F3821J000	Cái	15	1.028	15.413
1250	INDUCTOR 150NH 400MA 0805 5%	B82498F3151J000	Cái	15	1.028	15.413
1251	INDUCTOR 120NH 440MA 0805 5%	B82498F3121J000	Cái	15	1.028	15.413
1252	INDUCTOR 5.6NH 900MA 0805 10%	B82498F3569K000	Cái	15	1.028	15.413
1253	INDUCTOR 2.7NH 1000MA 0805 10%	B82498F3279K000	Cái	15	1.028	15.413
1254	INDUCTOR 56NH 600MA 0805 5%	B82498F3560J000	Cái	15	1.028	15.413
1255	INDUCTOR 39NH 600MA 0805 5%	B82498F3390J000	Cái	1	1.028	1.028
1256	INDUCTOR 39NH 600MA 0805 5%	B82498F3390J000	Cái	14	1.028	14.387
1257	INDUCTOR 27NH 700MA 0805 5%	B82498F3270J000	Cái	15	1.028	15.415
1258	INDUCTOR 18NH 700MA 0805 5%	B82498F3180J000	Cái	15	1.028	15.415
1259	INDUCTOR 15NH 650MA 0805 5%	B82498F3150J000	Cái	15	1.028	15.415
1260	INDUCTOR 12NH 700MA 0805 5%	B82498F3120J000	Cái	15	1.028	15.415
1261	INDUCTOR 8.2NH 700MA 0805 10%	B82498F3829K000	Cái	15	1.028	15.415
1262	INDUCTOR 82NH 500MA 0805 5%	B82498F3820J000	Cái	15	1.028	15.415
1263	INDUCTOR 6.8NH 800MA 0805 10%	B82498F3689K000	Cái	15	1.028	15.415
1264	INDUCTOR 68NH 500MA 0805 5%	B82498F3680J000	Cái	15	1.028	15.415
1265	INDUCTOR 470NH 190MA 0805 5%	B82498F3471J000	Cái	15	1.028	15.415
1266	INDUCTOR 47NH 600MA 0805 5%	B82498F3470J000	Cái	15	1.028	15.415
1267	INDUCTOR 330NH 220MA 0805 5%	B82498F3331J000	Cái	15	1.028	15.415
1268	INDUCTOR 33NH 600MA 0805 5%	B82498F3330J000	Cái	15	1.028	15.415
1269	INDUCTOR 220NH 320MA 0805 5%	B82498F3221J000	Cái	15	1.028	15.415
1270	INDUCTOR 22NH 700MA 0805 5%	B82498F3220J000	Cái	15	1.028	15.415
1271	INDUCTOR 100NH 450MA 0805 5%	B82498F3101J000	Cái	15	1.028	15.415
1272	INDUCTOR 10NH 700MA 0805 5%	B82498F3100J000	Cái	15	1.028	15.415
1273	CAP CER 1 NF 50V 20% X7R 0805	500X15W102MV4E	Cái	35	813	28.471
1274	CAP CER 100NF 50V 20% X7R 0805	500X15W104MV4E	Cái	15	813	12.202
1275	CAP CER 10NF 50V X7R 0805	500X15W103MV4E	Cái	25	813	20.336
1276	CAP CER 4.7NF 50V 20% X7R 0805	500X15W472MV4E	Cái	22	813	17.896
1277	CAP CER 4.7NF 50V 20% X7R 0805	500X15W472MV4E	Cái	3	814	2.441
1278	CAP CER 22NF 50V 20% X7R 0805	500X15W223MV4E	Cái	15	814	12.204
1279	CAP CER 15NF 50V 20% X7R 0805	500X15W153MV4E	Cái	14	814	11.390
1280	CAP CER 2.2NF 50V 20% X7R 0805	500X15W222MV4E	Cái	35	814	28.476
1281	CAP CER 100PF 50V 20% NP0 0805	500X15W101MV4E	Cái	35	814	28.476
1282	CAP CER 47PF 50V 20% NP0 0805	500X15N470MV4E	Cái	35	814	28.476
1283	CAP CER 22PF 50V 20% NP0 0805	500X15N220MV4E	Cái	35	814	28.476
1284	CAP CER 220PF 50V 20% NP0 0805	500X15N221MV4E	Cái	35	814	28.476
1285	CAP CER 180NF 10V 20% X7R 08055	500X15W184MV4E	Cái	15	814	12.204
1286	CAP CER 47NF 50V 20% X7R 0805	500X15W473MV4E	Cái	15	814	12.204
1287	CAP CER 470PF 50V 20% NP0 0805	500X15N471MV4E	Cái	35	814	28.476
1288	INDUCTOR .68UH 145MA 1210 10%	B82422A3681K100	Cái	15	1.028	15.413
1289	INDUCTOR .068UH 480MA 1210 10%	B82422A3680K100	Cái	15	1.028	15.413
1290	INDUCTOR .47UH 150MA 1210 10%	B82422A3471K100	Cái	15	1.028	15.413
1291	INDUCTOR .047UH 510MA 1210 10%	B82422A3470K100	Cái	15	1.028	15.413
1292	INDUCTOR .33UH 200MA 1210 10%	B82422A3331K100	Cái	15	1.028	15.413
1293	INDUCTOR .033UH 540MA 1210 10%	B82422A3330K100	Cái	15	1.028	15.413
1294	INDUCTOR .22UH 280MA 1210 10%	B82422A3221K100	Cái	15	1.028	15.413
1295	INDUCTOR .022UH 600MA 1210 10%	B82422A3220K100	Cái	1	1.028	1.028
1296	INDUCTOR .022UH 600MA 1210 10%	B82422A3220K100	Cái	14	1.028	14.387
1297	INDUCTOR .15UH 390MA 1210 10%	B82422A3151K100	Cái	15	1.028	15.415
1298	INDUCTOR .015UH 640MA 1210 10%	B82422A3150K100	Cái	15	1.028	15.415
1299	INDUCTOR .10UH 440MA 1210 10%	B82422A3101K100	Cái	15	1.028	15.415
1300	INDUCTOR 68UH 80MA 1210 10%	B82422A1683K100	Cái	15	1.028	15.415
1301	INDUCTOR 6.8UH 135MA 1210 10%	B82422A1682K100	Cái	15	1.028	15.415
1302	INDUCTOR 47UH 85MA 1210 10%	B82422A1473K100	Cái	15	1.028	15.415
1303	INDUCTOR 4.7UH 150MA 1210 10%	B82422A1472K100	Cái	15	1.028	15.415
1304	INDUCTOR 33UH 105MA 1210 10%	B82422A1333K100	Cái	15	1.028	15.415
1305	INDUCTOR 3.3UH 200MA 1210 10%	B82422A1332K100	Cái	15	1.028	15.415
1306	INDUCTOR 22UH 140MA 1210 10%	B82422A1223K100	Cái	15	1.028	15.415
1307	INDUCTOR 2.2UH 270MA 1210 10%	B82422A1222K100	Cái	15	1.028	15.415
1308	INDUCTOR 15UH 165MA 1210 10%	B82422A1153K100	Cái	15	1.028	15.415
1309	INDUCTOR 1.5UH 340MA 1210 10%	B82422A1152K100	Cái	15	1.028	15.415
1310	INDUCTOR 100UH 65MA 1210 10%	B82422A1104K100	Cái	15	1.028	15.415
1311	INDUCTOR 10UH 180MA 1210 10%	B82422A1103K100	Cái	10	1.028	10.277
1312	INDUCTOR 1.0UH 380MA 1210 10%	B82422A1102K100	Cái	15	1.028	15.415

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1313	IND-SMD;6.8nH,0.1nH,0603,1.4A,50 mOhm Max	AISC-0603HP-6N8J-T	Cái	100	803	80.265
1314	IND-SMD;6.2nH,5%,0603,700mA,110 mOhm Max	PE-0603CD6N2JTT	Cái	100	1.099	109.935
1315	IND-SMD;5.6nH,5%,0603,700mA,170 mOhm Max	6-1624112-8	Cái	100	1.315	131.520
1316	IND-SMD;5.1nH,5%,0603,700mA,108 mOhm Max	PE-0603CD5N1JTT	Cái	100	962	96.210
1317	IND-SMD;4.7nH,0.1nH,0603,1.1A,90 mOhm Max	AISC-0603HP-4N7B-T	Cái	100	803	80.265
1318	IND-SMD;4.3nH,5%,0603,700mA,70 mOhm Max	744761043C	Cái	100	1.600	159.960
1319	IND-SMD;3.9nH,0.1nH,0603,1.6A,39 mOhm Max	AISC-0603HP-3N9B-T	Cái	100	803	80.265
1320	IND-SMD;3.6nH,5%,0603,700mA,63 mOhm Max	6-1624112-3	Cái	100	1.315	131.520
1321	IND-SMD;3.3nH,0.1nH,0603,1.7A,35 mOhm Max	AISC-0603HP-3N3B-T	Cái	100	803	80.265
1322	IND-SMD;2.7nH,0.2nH,0603,500mA,130 mOhm Max	L06032R7CGSTR	Cái	100	1.880	187.950
1323	IND-SMD;2.2nH,0.2nH,0603,500mA,120 mOhm Max	L06032R2CGSTR	Cái	100	1.880	187.950
1324	IND-SMD;1.8nH,0.2nH,0603,500mA,110 mOhm Max	L06031R8CGSTR	Cái	100	1.753	175.260
1325	IND-SMD;1.6nH,5%,0603,700mA,40 mOhm Max	5-1624112-9	Cái	100	1.315	131.520
1326	IND-SMD;1.5nH,0.2nH,0603,500mA,80 mOhm Max	L06031R5CGSTR	Cái	100	1.903	190.260
1327	IND-SMD;1.2nH,0.2nH,0603,700mA,80 mOhm Max	L06031R2CGSTR	Cái	100	1.903	190.260
1328	CAP-CER,SMD;0.3PF,0.1pF,0402,50V,NP0	CBR04C308B5GAC	Cái	100	169	16.875
1329	CAP-CER,SMD;0.4PF,0.1pF,0402,50V,NP0	CBR04C408B5GAC	Cái	100	169	16.875
1330	CAP-CER,SMD;0.5PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S0R5BV4T	Cái	100	201	20.115
1331	CAP-CER,SMD;0.6PF,0.1pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1HR60BB01D	Cái	100	276	27.570
1332	CAP-CER,SMD;0.7PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S0R7BV4T	Cái	100	262	26.160
1333	CAP-CER,SMD;0.8PF,0.1pF,0402,50V,NP0	04025U0R8BAT2A	Cái	94	227	21.376
1334	CAP-CER,SMD;0.9PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S0R9BV4T	Cái	100	262	26.160
1335	CAP-CER,SMD;1.2PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S1R2BV4T	Cái	100	267	26.670
1336	CAP-CER,SMD;1.3PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S1R3BV4T	Cái	100	267	26.670
1337	CAP-CER,SMD;1.5PF,0.1pF,0402,50V,NP0	04025U1R5BAT2A	Cái	100	227	22.740
1338	CAP-CER,SMD;1.8PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S1R8BV4T	Cái	100	267	26.670
1339	CAP-CER,SMD;2PF,0.1pF,0402,50V,NP0	500R07S2R0BV4T	Cái	100	267	26.670
1340	CAP-CER,SMD;2.2PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H2R2CB01D	Cái	100	124	12.360
1341	CAP-CER,SMD;2.4PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H2R4CB01D	Cái	100	163	16.290
1342	CAP-CER,SMD;2.7PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H2R7CB01D	Cái	100	216	21.585
1343	CAP-CER,SMD;3PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H3R0CB01D	Cái	100	124	12.360
1344	CAP-CER,SMD;3.3PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H3R3CB01D	Cái	100	124	12.360
1345	CAP-CER,SMD;3.6PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H3R6CB01D	Cái	100	163	16.290
1346	CAP-CER,SMD;3.9PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H3R9CB01D	Cái	100	124	12.360
1347	CAP-CER,SMD;4PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H4R0CB01D	Cái	100	124	12.360
1348	CAP-CER,SMD;4.3PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H4R3CB01D	Cái	100	124	12.360
1349	CAP-CER,SMD;4.7PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H4R7CB01D	Cái	100	163	16.290
1350	CAP-CER,SMD;5PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H5R0CB01D	Cái	100	124	12.360
1351	CAP-CER,SMD;5.1PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H5R1CB01D	Cái	100	163	16.290
1352	CAP-CER,SMD;5.6PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H5R6CB01D	Cái	100	163	16.290
1353	CAP-CER,SMD;6.2PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H6R2CB01D	Cái	100	163	16.290

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1354	CAP-CER,SMD;6.8PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H6R8CB01D	Cái	100	163	16.290
1355	CAP-CER,SMD;7PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H7R0CB01D	Cái	100	163	16.290
1356	CAP-CER,SMD;7.5PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H7R5CB01D	Cái	100	163	16.290
1357	CAP-CER,SMD;7.5PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H7R5DB01D	Cái	100	163	16.290
1358	CAP-CER,SMD;8.2PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H8R2DB01D	Cái	100	163	16.290
1359	CAP-CER,SMD;9.1PF,0.25pF,0402,50V,NP0	GJM1555C1H9R1CB01D	Cái	100	163	16.290
1360	CAP-CER,SMD;12PF,5%,0402,50V,NP0	GJM1555C1H120JB01D	Cái	100	124	12.360
1361	CAP-CER,SMD;15PF,5%,0402,50V,NP0	GJM1555C1H150JB01D	Cái	100	124	12.360
1362	CAP-CER,SMD;18PF,5%,0402,50V,NP0	GJM1555C1H180JB01D	Cái	100	124	12.360
1363	CAP-CER,SMD; 100PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H101JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1364	CAP-CER,SMD; 82PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H820JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1365	CAP-CER,SMD; 68PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H680JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1366	CAP-CER,SMD; 56PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H560JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1367	CAP-CER,SMD; 47PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H470JB01D	Cái	93	1.539	143.169
1368	CAP-CER,SMD; 39PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H390JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1369	CAP-CER,SMD; 33PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H330JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1370	CAP-CER,SMD; 27PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H270JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1371	CAP-CER,SMD; 22PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H220JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1372	CAP-CER,SMD; 20PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H200JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1373	CAP-CER,SMD; 18PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H180JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1374	CAP-CER,SMD; 15PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H150JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1375	CAP-CER,SMD; 12PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H120JB01D	Cái	100	1.539	153.915
1376	CAP-CER,SMD; 10PF,5%,0603,50V,NP0	GQM1885C1H100JB01D	Cái	100	1.181	118.050
1377	CAP-CER,SMD; 8.2PF,0.25pF,0603,50V,NP0	GQM1885C1H8R2CB01D	Cái	100	1.181	118.050
1378	CAP-CER,SMD; 7PF,0.25pF,0603,50V,NP0	GQM1885C1H7R0CB01D	Cái	100	1.181	118.050
1379	CAP-CER,SMD; 2.4PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03512R4BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1380	CAP-CER,SMD; 2.2PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03512R2BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1381	CAP-CER,SMD; 2PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03512R0BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1382	CAP-CER,SMD; 1.8PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R8BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1383	CAP-CER,SMD; 1.6PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R6BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1384	CAP-CER,SMD; 1.4PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R4BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1385	CAP-CER,SMD; 1.2PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R2BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1386	CAP-CER,SMD; 1PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03511R0BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1387	CAP-CER,SMD; 0.9PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R9BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1388	CAP-CER,SMD; 0.8PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R8BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1389	CAP-CER,SMD; 0.7PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R7BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1390	CAP-CER,SMD; 0.6PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R6BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1391	CAP-CER,SMD; 0.5PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R5BAT2A	Cái	100	1.168	116.835
1392	CAP-CER,SMD; 0.4PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R4BAT2A	Cái	100	1.292	129.180
1393	CAP-CER,SMD; 0.3PF,0.1pF,0603,50V,NP0	ML03510R3BAT2A	Cái	100	1.292	129.180
1394	Hộp mỡ hàn NT 150g	ZJ-18	hộp	3	45.000	135.000
1395	Mỡ hàn chuyên dụng 10cc		ống	6	9.000	54.000
1396	Cây keo Silicon (dùng với súng bắn keo) độ dài 30cm		Que	6	450	2.700

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1397	Mũi hàn T18-L máy Hakko FX-888	036222	cái	2	29.948	59.895
1398	Mũi hàn T12-K máy hàn Hakko FX-951	036218	cái	1	112.448	112.448
1399	Mũi hàn T18-B máy Hakko FX-888	036220	cái	1	30.938	30.938
1400	RES-DIP;100HM,5%,4M0X12M0X5M0,2W	ERG-2SJ100	Chiếc	1	987	987
1401	RES-SMD;49.90HM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF49R9V	Chiếc	24	395	9.475
1402	RES-METAL;0.005OHM,1%,15M3X1M7X23M4,3W	OAR3R005FLF	Chiếc	5	3.117	15.587
1403	RES-SMD;1KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT1K00	Chiếc	25	35	866
1404	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0805,50V,NP0	C0805C101J5GACTU	Chiếc	14	180	2.526
1405	BATTERY LITH COIN;3V,0.2mA,20Mx20Mx3M2,225mAh	CR-2032/HSN	Chiếc	1	5.117	5.117
1406	CONN-DIP;RECEPT,4M75X0M51X6M35,63475-1	63475-1	Chiếc	24	312	7.492
1407	FAN DC;12VDC,0.58A,6.96W,80MX80MX38M,4900RPM	FFB0812SHE	Chiếc	1	65.319	65.319
1408	FUSE;FAST,0.5A/2A,10V,1206	0287040.PXCN	Chiếc	8	1.283	10.266
1409	HOLDER FUSE;30A,500V,3522-2	3522-2	Chiếc	1	3.769	3.769
1410	MOS-FET;N-Channel,60V,80A,TO220-3	1PP057N06N3 G	Chiếc	4	5.739	22.958
1411	RELAY;AUTOMOTIVE,12VDC,133.3mA,900HM,1.6W,1432866-1	1432866-1	Chiếc	1	12.509	12.509
1412	CAP AL 47UF 100V ELECT NHG RADIAL	ECA-2AHG470	Cái	100	599	50.866
1413	CAP CER .10UF 5% 25V X7R 0603	0603C104JAT2A	Cái	901	221	199.238
1414	CAP CER (MLCC) - SMD/SMT 100volts 3300pF COG 5%	1812HC332KAT1A	Cái	740	1.016	751.947
1415	CAP CER .10UF 200V X7R 1206	C3216X7R2E104M	Cái	1.802	157	283.045
1416	CAP CER 10000PF 25V 10% X7R 0603	GRM188R71E103KA01D	Cái	4.615	10	44.546
1417	CAP CER 1000PF 10% 100V X7R 1206	12061C102KAT2A	Cái	815	167	135.881
1418	CAP CER 1000PF 16V X7R 0805	0805SC102KAT2A	Cái	959	26	24.685
1419	CAP CER 100PF 25V NP0 0603	GRM1885C1H101JA01	Cái	1.823	13	23.462
1420	CAP CER 10UF 25V 10% X7R 1210	GRM32DR71E106KA12L	Cái	813	619	502.952
1421	CAP CER 12PF 10V NP0 0603	GRM1885C1H120JA01	Cái	1.968	19	37.992
1422	CAP CER 22PF 25V NP0 0603	GRM1885C1H220JA01	Cái	1.840	19	35.521
1423	CAP CER 330PF 50V CERM CHIP 0805 SMD	GRM2165C1H331JA01D	Cái	2.774	61	168.770
1424	CAP CER 470PF 25V NP0 0603	GCM1885C1H471JA16D	Cái	1.857	32	59.749
1425	CAP CER 680PF 25V X7R 0805	08055C681KAT2A	Cái	1.870	93	173.938
1426	CAP CERM 1.2UF 16V X7R 0805	C0805C125K4RACTU	Cái	706	935	659.783
1427	CAP DOUBLE LAYER 1.0F 5.5V RAD	EEC-F5R5U104	cái	78	2.415	188.338
1428	DIODE FAST GPP 1A 100V SMA	EGF1B	Cái	145	490	71.041
1429	DIODE High Conductance Ultra Fast Diode	MMBD7000-7-F	Cái	6.000	71	424.710
1430	DIODE Small Signal Diode	BAW56-7-F	Cái	2.868	70	202.172
1431	DIODE Small Signal Diode BAV70	BAV70-7-F	Cái	998	64	63.929
1432	DIODE TVS 12V 400W UNI 5% SMA	SMAJ12A	Cái	82	581	47.610
1433	DIODE TVS 15V 400W UNI 5% SMA	SMAJ15A	Cái	3.000	221	663.390
1434	DIODE ZENER 12V 1W DO-41	1N4742ATR	Cái	100	161	16.058
1435	DIODE ZENER DUAL 5.1V SOT23-3	DZ23C5V1-7-F	Cái	894	231	206.320
1436	IC SRAM 1MBIT 45NS 32SOIC	CY62128ELL-45SXI	Cái	41	7.226	296.263
1437	LED CHIPLED 570NM GREEN 0805 SM	LG R971-KN-I-0-20-R18	Cái	97	180	17.449
1438	OPTO PHOTOCOUPLER TRANS OUT 4-SMD	TLPI81(F,T)	Cái	294	455	133.636
1439	OPTOCOUPLER HS TRANS OUT 8-SMD	6N136S	Cái	201	1.409	283.262
1440	TRANS GP SS NPN 40V SOT23	MMBT4401-7-F	Cái	852	78	66.290
1441	TRANS SS PNP 80V 500MA SOT23	MMBTA56-TP	Cái	789	173	136.623
1442	RES .51 OHM 3W 5% METAL FILM	ERX-3SJR51A	Cái	100	348	34.808
1443	RES 1.0K OHM 1/5W 5% 0603 SMD	ESR03EZPJ102	Cái	266	113	30.111
1444	RES 10K OHM 1/5W 5% 0603 SMD	ESR03EZPF1002	Cái	4.541	59	268.305
1445	RES MO 1W 10K OHM 1% AXIAL	RSF100JB-10K	Cái	72	152	10.972
1446	CAP AL 100UF 35V ELECT LXZ RAD	ELXZ350ELL101MF15D	Cái	325	391	127.194
1447	CAP .033UF 330VAC EMI SUPPRESSN	F17723332000 thay thế part B32912A3333K	Cái	100	834	83.367
1448	DIODE SCHOTTKY 170V 2X5A DPAK	12CWQ10FNPBF	Cái	80	1.484	118.732
1449	FCI Connector	88945-112LF	Cái	100	1.392	139.200

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1450	FCI Connector	88946-112LF	Cái	37	1.890	69.930
1451	Điện trở 0.0 OHM 1/10W 0603 SMD	RM06JTN0000	Cái	6.922	50	342.639
1452	Điện trở 0.0 OHM 1/4W 1206 SMD	RM12JTN0	Cái	3.818	23	87.050
1453	Điện trở 0.0 OHM 1/8W 0805 SMD	RM10JTN0	Cái	4.831	9	42.754
1454	Điện trở 1.00K OHM 1/4W 1% 1206 SMD	RM12FTN1001	Cái	3.844	20	76.111
1455	Điện trở 1.00K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1001	Cái	4.820	13	63.624
1456	Điện trở 1.0M OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN105	Cái	4.789	9	42.383
1457	Điện trở 1.50K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1501	Cái	3.806	15	58.232
1458	Điện trở 1/10W 10K OHM .1% 0805	AR05BTCX1002	Cái	3.896	164	637.580
1459	Điện trở 10.0 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN0100	Cái	3.742	13	49.394
1460	Điện trở 10.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1002	Cái	1.000	13	13.200
1461	Điện trở 100 OHM 1/4W 1% 1206 SMD	RM12FTN1000	Cái	4.649	20	92.050
1462	Điện trở 100 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1000	Cái	3.825	13	50.490
1463	Điện trở 100K OHM 1/4W 1% 1206 SMD	RM12FTN1003	Cái	3.619	20	71.656
1464	Điện trở 100K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1003	Cái	2.791	13	36.841
1465	Điện trở 10K OHM 1/3W 5% 1210 SMD	RM13JTN103	Cái	1.000	36	35.550
1466	Điện trở 10K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN103	Cái	1.856	12	22.550
1467	Điện trở 10M OHM 1/4W 5% CARBON FILM	CR14WJT10M	Cái	3.918	11	41.139
1468	Điện trở 10M OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN106	Cái	2.704	12	32.854
1469	Điện trở 11.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1102	Cái	4.000	13	52.800
1470	Điện trở 11K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN113	Cái	3.710	12	45.077
1471	Điện trở 12.1K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1212	Cái	3.777	157	592.045
1472	Điện trở 12.4K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1242	Cái	3.826	15	58.538
1473	Điện trở 13.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1302	Cái	3.828	13	50.530
1474	Điện trở 15.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN1502	Cái	2.887	15	44.171
1475	Điện trở 15K OHM 1/2W 5% 2010 SMD	RM20JEN153	Cái	2.640	114	301.356
1476	Điện trở 18K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN183	Cái	3.798	12	46.146
1477	Điện trở 2.00K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN2001	Cái	5.538	13	73.102
1478	Điện trở 2.05K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN2051	Cái	2.698	15	41.279
1479	Điện trở 200K OHM 1/4W 0.1% 1206	RM12BTN2003	Cái	3.870	1.142	4.420.508
1480	Điện trở 200K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN2003	Cái	3.831	13	50.569
1481	Điện trở 220K OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN224	Cái	2.836	9	25.099
1482	Điện trở 270 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	RM06JTN271	Cái	2.870	3	9.471
1483	Điện trở 27K OHM 1/4W 5% 1206 SMD	RM12JTN273	Cái	2.825	23	64.410
1484	Điện trở 3.0K OHM 1/10W .1% 0603 SMD	RM06BTN3001	Cái	3.761	95	356.543
1485	Điện trở 3.90K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN3901	Cái	3.823	13	50.464
1486	Điện trở 33 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN330	Cái	6.551	12	79.595
1487	Điện trở 330 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN3300	Cái	3.692	13	48.734
1488	Điện trở 4.70K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN4701	Cái	4.821	13	63.637
1489	Điện trở 43.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN4302	Cái	2.847	13	37.580
1490	Điện trở 430 OHM 1/8W 5% 0805 SMD	RM10JTN431	Cái	2.867	12	34.834
1491	Điện trở 47.0K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN4702	Cái	4.750	13	62.700
1492	Điện trở 5.11K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN5111	Cái	3.823	15	58.492
1493	Điện trở 5.1K OHM 1/4W 5% 1206 SMD	RM12JTN512	Cái	7.000	23	159.600
1494	Điện trở 510 OHM 1/4W 5% 1206 SMD	RM12JTN511	Cái	3.905	15	60.332
1495	Điện trở 510 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN5100	Cái	3.821	12	46.425
1496	Điện trở 56 OHM 1/4W 5% 1206 SMD	RM12JTN560	Cái	2.757	15	42.596
1497	Điện trở 6.20K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN6201	Cái	1.768	13	23.338
1498	Điện trở 6.81K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN6811	Cái	3.867	13	51.044
1499	Điện trở 62 OHM 1/4W 5% 1206 SMD	RM12JTN620	Cái	3.908	15	60.379
1500	Điện trở 7.50K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN7501	Cái	3.770	13	49.764
1501	Điện trở 75.0 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN075R0	Cái	2.853	11	30.384
1502	Điện trở 750 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN7500	Cái	2.662	13	35.138
1503	Điện trở 9.10K OHM 1/8W 1% 0805 SMD	RM10FTN9101	Cái	3.807	15	58.247
1504	Điện trở MO 1W 10K OHM 1% AXIAL		Cái	3.918	15	59.945
1505	Điện trở RES .20 OHM 1/4W 1% 1206 SMD	RM12FTNR200	Cái	3.721	159	590.523
1506	Điện trở 27.0 OHM 1/4W 1% 1206 SMD	RM12FTN27R0	Cái	1.830	20	36.234
1507	Rơ le DPDT 2A 5V 70 OHM COIL	G5V-2-H-DC5	Cái	100	5.040	504.000
1508	Rơ le Low Signal Relays - PCB Mini Signal 5VDC	TX2-5V	Cái	200	6.773	1.354.500
1509	IC 256K 12CTM CMOS Serial EEPROM	24AA256T-I/SN	Cái	2.187	1.375	3.006.578
1510	IC REAL TIME CLK/CALENDAR 8-SOIC	PCF8563T/F4,118	Cái	1.269	1.960	2.486.923
1511	IC 80C51 MCU 256 ROMLESS 44PLCC	P80C32X2FA,512	Cái	283	2.808	794.664
1512	IC STAND-ALONE CAN CTRLR 28-SOIC	SJA1000T/N1,118	Cái	74	7.313	541.125
1513	SMALL SIGNAL ZENER DIODES, 300mW	BZX84-B3V9,215	Cái	1.000	50	49.725
1514	SMALL SIGNAL ZENER DIODES, 300mW	BZX84-B3V3,215	Cái	1.778	50	88.411

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1515	SMALL SIGNAL ZENER DIODES, 300mW	BZX84-B15,215	Cái	930	50	46.244
1516	TRANS NPN MED 1A 80V SOT223	BCP56,115	Cái	2.848	199	566.467
1517	IC 8-IN NAND GATE 14-SOIC	CD74HC30M96	Cái	3.811	202	769.155
1518	IC BUFF/DVR TRI-ST DUAL 20-SOIC	SN74HC244DWR	Cái	72	290	20.849
1519	IC BUS TRANSCEIVER 8BIT 20-SOIC	SN74HC245DWR	Cái	924	290	267.567
1520	IC CAN TRANSCEIVER 5V HS 8-SOIC	SN65HVD251DR	Cái	1.500	2.501	3.751.313
1521	IC COUNTER BIN 12STAGE 16-SOIC	CD74HC4040M96	Cái	1.500	445	666.900
1522	IC DECODER 3 TO 8 LINE 16-SOIC	SN74HC138DR	Cái	353	222	78.472
1523	IC FLIP FLOP OCT D RESET 20SOIC	CD74HC273M	Cái	100	632	63.180
1524	IC GATE OR QUAD 2 INPUT 14-SOIC	SN74HC32DR	Cái	1.150	214	245.554
1525	IC INV HEX SCHMITT TRIG 14-SOL	CD74HC14M96	Cái	2.666	333	888.978
1526	IC LATCH OCTAL D 3-STATE 20-SOIC	SN74HC373DWR	Cái	725	290	209.942
1527	IC MUX/DEMUX DUAL 16-SOIC	CD4052BM96	Cái	1.438	272	391.172
1528	IC OFFLINE CTRLR PWM UVLO 8SOIC	UCC28C43D	Cái	18	2.771	49.881
1529	IC OPAMP DUAL 8-SOIC	LM2904AVQDR	Cái	780	436	339.944
1530	IC OPAMP GP LDRIFT LN 8-SOIC	OP07DD	Cái	5	1.000	5.002
1531	IC QUAD 2-IN AND GATE 14-SOIC	SN74HC08QDRG4Q1	Cái	3.839	252	969.069
1532	IC REG SHUNT ADJ 2.5-20V SOT23-3	TL432BCDBZR	Cái	846	518	437.995
1533	IC SEVEN DARLINGTON ARRAY 16SOIC	ULN2003ADR	Cái	859	333	286.434
1534	IC SUPERVISOR MPU 8-SOIC	MAX706ESA+T	Cái	887	834	739.425
1535	IC TXRX RS-232 5V 15KV 16SOIC	MAX202CDR	Cái	1.360	4.680	6.364.800
1536	128x64 Graphic LCD module	YG-12864B4C(R)-YS6L2-VB	Cái	987	38.025	37.530.675
1537	Guidepin		Cái	246	600	147.600
1538	Điện trở : RES 2.05K Ohm 1/10W.5% 0805SMD	RR1220P-2051-D-M	Cái	200	265	53.040
1539	Biến áp nguồn: - Kích thước lõi từ: Dài x Rộng x Cao = 20 x 10 x 7 mm ± 10%; - Điện áp đầu vào: 60VDC ± 10%; Công suất P = 120W; - Vật liệu lõi: tương đương 3C96;	TR#10	Cái	4	31.377	125.509
1540	Biến áp cao áp: - Kích thước lõi từ: Dài x Rộng x Cao = 20 x 10 x 7 mm ± 10%; Công suất P = 120W; - Vật liệu lõi tương đương 3C96;	TR#11	Cái	4	32.562	130.246
1541	Cuộn cảm hiệu chỉnh cảm kháng biến áp động lực: - Kích thước lõi từ: Dài x Rộng x Cao = 29 x 16 x 10 mm ± 10%; - Công suất P = 2.9kW; - Vật liệu: 3C96;	TR#4	Cái	4	42.626	170.503
1542	Cuộn kháng lọc đường dây AC: - Đường kính lõi ngoài: 32mm ± 10%; - Đường kính lõi trong: 19mm ± 10%; - Lõi tương đương Toroid TX321913;	CH#2	Cái	8	41.441	331.531
1543	Cuộn kháng lọc trên đường truyền CAN: - Đường kính lõi ngoài 14mm ± 10%; - Đường kính lõi trong: 6mm ± 10%; - Lõi tương đương Toroid J140603;	CH#17	Cái	3	28.189	84.568
1544	Cuộn kháng lọc DC: - Đường kính lõi ngoài: 32mm ± 10%; - Đường kính lõi trong: 19mm ± 10%; - Lõi tương đương Toroid TX321913;	CH#3	Cái	4	50.743	202.973
1545	Cuộn kháng PFC: - Đường kính lõi ngoài: 40.7mm ± 10%; - Đường kính lõi trong: 23.3mm ± 10%; - Công suất P = 2.9kW; - Vật liệu lõi: CH400125;	CH#1	Cái	5	73.297	366.487
1546	Cuộn kháng đầu ra: - Đường kính lõi ngoài: 40.7mm ± 10%; - Đường kính lõi trong: 23.3mm ± 10%; - Công suất: P = 2.9kW; - Vật liệu lõi: CH400125;	CH#16	Cái	3	62.020	186.061
1547	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#1): Kích thước: 57,85 (W) x 26 (H) x 119 (L) mm.	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#1): Kích thước: 57,85 (W) x 26 (H) x 119 (L) mm.	Cái	20	44.077	881.535
1548	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#2): Kích thước: 53 (W) x 27,6 (H) x 60,7 (L) mm.	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#2): Kích thước: 53 (W) x 27,6 (H) x 60,7 (L) mm.	Cái	19	38.818	737.546

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1549	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#3): Kích thước: 52,7 (W) x 44 (H) x 85 (L) mm.	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#3): Kích thước: 52,7 (W) x 44 (H) x 85 (L) mm.	Cái	20	44.312	886.248
1550	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#4): Kích thước: 29 (W) x 40 (H) x 29 (L) mm.	Miếng tản nhiệt bằng nhôm (#4): Kích thước: 29 (W) x 40 (H) x 29 (L) mm.	Cái	21	54.364	1.141.648
1551	Miếng sứ cách điện dẫn nhiệt (kích thước 20 x 26 x 1 mm)	Miếng sứ cách điện dẫn nhiệt (kích thước 20 x 26 x 1 mm)	Cái	200	2.636	527.100
1552	Quạt DC12V 0,68A (kích thước 80x80x32mm)	Quạt DC12V 0,68A (kích thước 80x80x32mm)	Cái	20	76.799	1.535.988
1553	Tấm bọc cách điện rectifier (kích thước 275 x 252 x 0,25 mm)	Tấm bọc cách điện rectifier (kích thước 275 x 252 x 0,25 mm)	Cái	10	24.184	241.839
1554	Tấm bọc cách điện rectifier (kích thước 237 x 158 x 0,25 mm)	Tấm bọc cách điện rectifier (kích thước 237 x 158 x 0,25 mm)	Cái	11	18.293	201.222
1555	DIODE-RECT BRIDGE GPP;800V,35A,GBPC	GBPC3508	Cái	3	15.842	47.526
1556	CAP-CER,SMD;1000pF,250VAC,X1Y1,RAD	CD85-E2GA102MYNS	Cái	7	1.143	8.000
1557	RES-SHUNT;0.5%,300A/75mV,124x24x22	FL-2	Cái	10	35.001	350.012
1558	CONN TERM CRIMP, VH 16-20AWG,TIN	SVH-41T-P1.1	Cái	184	312	57.325
1559	CONN HOUSING, VH 2POS,3.96MM,WHT	VHR-2N	Cái	10	521	5.207
1560	CONN;RJ45,Shield 8pin, Pitch 2.54mm	RJE051881310	Cái	5	14.876	74.382
1561	CAP-CER;10uF,5%,1206,100V,X7R	12061C104JAT2A	Cái	45	1.471	66.197
1562	FB;150OHM@,800mA, 2029	MU2029-151Y	Cái	38	226	8.596
1563	DIODE-TVS;64V,1500mW,UNI 5% SMC	SMCJ64A	Cái	5	2.280	11.400
1564	DIODE-TVS;15V,400W,UNI 5% SMD	SMAJ15A	Cái	4	1.050	4.200
1565	DIODE-SWITCHING;250V,200mA,SOT23	BAS21-TP	Cái	19	792	15.051
1566	TRANS-SS;NPN,160V,600MA,SOT23	MMBT5551-TP	Cái	10	1.528	15.276
1567	DIODE-ZENER;18V,250mW,SOT23,	BZX84-C18,215	Cái	5	1.731	8.657
1568	CAP-ALUM,SMD;100uF,20%,25V,RADIAL	ECA-1EM101	Cái	5	1.443	7.214
1569	CAP-ALUM,SMD;4.7uF,20%,100V,RADIAL	EEU-FC2A4R7	Cái	5	1.674	8.368
1570	RES-SMD;200 OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ201	Cái	24	228	5.461
1571	RES-SMD;200K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZH2003	Cái	30	326	9.779
1572	RES-SMD;91K OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ913	Cái	20	173	3.462
1573	RES-SMD;22K OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ223	Cái	44	228	10.012
1574	RES-SMD;100 OHM,5%,1210,1/4W	MCR25JZHJ101	Cái	25	921	23.025
1575	RES-SMD;1M OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZPF1004	Cái	5	385	1.924
1576	CONN D-SUB,PLUG, 9POS,R/A,GOLD/FL	1734351-1	Cái	2	8.680	17.360
1577	CONN MAG45,JACK SHIELD,9POS,10/100BT	6605424-1	Cái	1	62.117	62.117
1578	RELAY;PWR DPDT,8A 48VDC,PCB	RT424048	Cái	25	23.752	593.809
1579	SPARE CONTACTS FOR XG5M CONN	XG5W-0031-N	Cái	280	586	163.968
1580	MCB 10A, 1 pole - Áp to mát 10A, 1 pole	NDM1-63 C10	Cái	1	24.437	24.437
1581	MCB 125A, 1 pole - Áp to mát 125A, 1 pole	NDM1-125 C125	Cái	3	98.004	294.013
1582	MCB 40A, 1 pole - Áp to mát 40A, 1 pole	NDM1-63 C40	Cái	2	29.227	58.454
1583	MCB 32A, 1 pole - Áp to mát 32A, 1 pole	NDM1-63 C32	Cái	2	27.579	55.159
1584	CONN HOUSING,VH, 8POS, 3.96MM, WHT	VHR-8N	Cái	5	1.449	7.246
1585	CONN HOUSING,VH, 4POS, 3.96MM, WHT	VHR-4N	Cái	5	770	3.848
1586	IC;TEMP TRANSDUCER,AD592BNZ,2-TERM TO92-3	AD592BNZ	Cái	9	66.311	596.797
1587	CONN HOUSING,VH, 3POS,3.96MM,WHT	VHR-3N	Cái	11	604	6.641
1588	GUIDE PIN	GUIDE PIN	Cái	206	5.466	1.125.903
1589	FUSEHOLDER, MACHINE CONTACTS,TR5	56000001319	Cái	5	6.452	32.258
1590	CAP-CERM,SMD;100pF,1206,2000V,X7R	1206GC101KAT1A	Cái	16	8.713	139.409
1591	CAP-CER,SMD;4700pF, 5%,0805,50V,C0G	GRM2165C1H472JA01D	Cái	33	973	32.116
1592	CAP-CER,SMD;1UF,10%,1206,1000V,X7R	VJ1206Y103KXGAT5Z	Cái	9	5.268	47.409
1593	CAP-CER,SMD;1000pF, 5%,0603,50V,C0G	GRM1885C1H102JA01D	Cái	25	357	8.914
1594	CAP-CER,SMD;1UF,0805,100V,X7R	GCM21BR72A104KA37L	Cái	16	1.709	27.341
1595	CAP-CER,SMD;10000PF,0603,50V,X7R	GRM188R71H103JA01D	Cái	8	566	4.525

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1596	CAP-CER,SMD;470UF, 5%,0603,50V,COG	GRM1885C1H471JA01D	Cái	8	413	3.305
1597	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0603,50V,X7R	GRM188R71H104KA93D	Cái	18	249	4.482
1598	CAP-CER,SMD;22UF,0603,50V,Y5V	GRM188F51H224ZA01D	Cái	9	605	5.449
1599	DIODE-ZENER;7.5V,225MW,SOT-23,	BZX84C7V5LT1G	Cái	5	2.603	13.013
1600	DIODE-ULTRA FAST,200V,1A,SMB	MURS120T3G	Cái	13	2.586	33.614
1601	RES-WIREWOUND;75OHM,5%,5W,	SQP500JB-75R	Cái	9	2.399	21.589
1602	RES-SMD;51KOHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ513	Cái	12	300	3.600
1603	RES-SMD;180KOHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1803	Cái	32	237	7.598
1604	RES-SMD;100KOHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZPF1003	Cái	2	385	770
1605	RES-SMD;10 OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ100	Cái	12	300	3.600
1606	RES-SMD;2.00KOHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2001	Cái	23	237	5.461
1607	RES-SMD;300K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF3003	Cái	71	196	13.888
1608	RES-SMD;180KOHM,1%,0805,1/8W	KTR18EZPF2703	Cái	12	1.188	14.258
1609	RES-SMD;200 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2000	Cái	16	237	3.799
1610	RES-SMD;200OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX2000	Cái	8	130	1.040
1611	RES-SMD;5.11K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF5111	Cái	8	255	2.038
1612	RES-SMD;21.4K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1242	Cái	8	237	1.900
1613	RES-SMD;3.16KOHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3161	Cái	8	237	1.900
1614	RES-SMD;39.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3902	Cái	8	237	1.900
1615	RES-SMD;15K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1502	Cái	9	237	2.137
1616	RES-SMD;390K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3903	Cái	30	237	7.124
1617	RES-SMD;75K OHM,5%,0603,1/10W	MCR03EZPJ753	Cái	8	102	815
1618	RES-SMD;51K OHM,5%,0603,1/10W	MCR03EZPJ513	Cái	8	102	815
1619	RES-SMD;27.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2702	Cái	7	237	1.662
1620	RES-SMD;68K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF6802	Cái	8	237	1.900
1621	RES-SMD;510 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF5100	Cái	8	255	2.038
1622	RES-SMD;237 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2370	Cái	8	237	1.900
1623	RES-SMD;51.1 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF51R1	Cái	8	237	1.900
1624	RES-SMD;4.7K OHM,5%,0603,1/10W	MCR03EZPJ472	Cái	9	102	917
1625	RES-SMD;130KOHM,1%,0805,1/4W	ESR10EZPF1303	Cái	8	933	7.468
1626	RES-SMD;1.00K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1001	Cái	6	237	1.425
1627	RES-SMD;0.0 OHM,0805,1/8W	MCR10EZPJ000	Cái	8	187	1.493
1628	RES-SMD;1.50K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF1501	Cái	24	255	6.113
1629	RES-SMD;1.00KOHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX1001	Cái	10	237	2.375
1630	RES-SMD;100K OHM,5%,0603,1/10W	MCR03EZPJ104	Cái	8	102	815
1631	RES-SMD;10.0K OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX1002	Cái	29	237	6.886
1632	RES-SMD;680OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF6800	Cái	10	255	2.547
1633	RES-SMD;12.4K OHM, 1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX1242	Cái	14	100	1.401
1634	IC;AMP DUAL BIPOLAR,MC33172DT,OP LP 8 SOIC	MC33172DT	Cái	3	5.250	15.751
1635	IC;PFC CTRLR AVERAGE CURR,L4981AD013TR,20SOIC	L4981AD013TR	Cái	3	35.645	106.935
1636	IC;REG ADJ ZENER SHUNT,LM431BCM3,SOT23-3	LM431BCM3	Cái	5	4.979	24.895
1637	CAP-CER,SMD;220pF,5%,0603,50V,COG	GRM1885C1H221JA01D	Cái	74	249	18.426
1638	RES-SMD;4.70K OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX4701	Cái	9	130	1.170
1639	IC;MPU/RESET CIRC,MAX809SEUR+T,SOT23-3	MAX809SEUR+T	Cái	1	12.561	12.561
1640	Cầu đấu, FEED-THRU TERM BLOCK 18-2AWG	3006182	Cái	10	75.685	756.849
1641	Zack marker strip,labeled	Zack marker strip,labeled	Cái	4	27.251	109.003
1642	Dây điện xanh 1x25mm2	Dây điện xanh 1x25mm2	m	32	24.891	796.517
1643	Dây điện đen 1x25mm2	Dây điện đen 1x25mm2	m	28	24.891	696.952
1644	Dây tín hiệu đen,1x0.3mm2 (22 AWG)	Dây tín hiệu đen,1x0.3mm2 (22 AWG)	m	245	656	160.781
1645	Dây tín hiệu màu trắng,1x0.3mm2 (22 AWG)	Dây tín hiệu màu trắng,1x0.3mm2 (22 AWG)	m	245	656	160.781
1646	Dây điện đôi 2x6mm2	Dây điện đôi 2x6mm2	m	38	12.250	465.513
1647	INSULATOR PIPE,phi 3.2mm (1 cuộn=100m)	LM-TU332	Cuộn	1	130.568	130.568
1648	INSULATOR PIPE,phi 5.2mm (1 cuộn=135m)	VNC-TU452	Cuộn	1	244.814	244.814

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1649	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_ACFilter,4lớp,130x61x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_ACFilter, 4lớp,130x61x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	5	33.877	169.386
1650	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_CtrlAPFC,4lớp,175x133x1.6mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_CtrlAPF C,4lớp,175x133x1.6mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	6	70.234	421.402
1651	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Comm,4lớp,277x98x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Comm,4l ớp,277x98x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	5	79.380	396.900
1652	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Power,4lớp,277x137x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Power,4l ớp,277x137x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	2	66.107	132.214
1653	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Fan,2lớp,42x11x1.6mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Fan,2lớp, 42x11x1.6mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	7	14.520	101.640
1654	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_BlackPlane,4lớp,120x74x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_BlackPla ne,4lớp,120x74x2mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	8	60.228	481.824
1655	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Conn,2lớp,70x50x1.6mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	PCB ARRAY; Mạch in VT_PW_2500_PCB_Conn,2lớ p,70x50x1.6mm, FR4,Mạ vàng,chữ trắng	Cái	5	15.246	76.230
1656	Choke. Fsw=63 kHz - Cuộn cảm cho PFC. Fsw=63 kHz	VT_CH01	Cái	20	14.130	282.600
1657	Transformer. Input voltage: 60VDC - Biến áp. điện áp đầu vào 60 VDC	VT_TR10	Cái	20	4.618	92.361
1658	Transformer. Input voltage: 60VDC- Biến áp. điện áp đầu vào 400VDC	VT_TR11	Cái	20	3.998	79.956
1659	PFC Inductor. Fsw=100 kHz -Cuộn cảm PFC. Fsw=100 kHz	VT_TR13	Cái	20	57.348	1.146.954
1660	S Transformer. P=2.9kW. Fsw=100 kHz. Vin=415Vdc - Máy biến áp S. P=2.9kW. Fsw=100 kHz. Vin=415Vdc	VT_TR14	Cái	20	44.803	896.055
1661	Transformer. P=350W. Fsw=35 kHz -Biến áp. P=350W. Fsw=35 kHz	VT_TR19	Cái	20	9.650	192.996
1662	Ferrite core - Lõi ferit	E42/21/15-3C95	Cái	135	9.749	1.316.068
1663	DIODE-ZENER;5.1V,350mW,SOT-23,_	MMBZ5231B	Cái	13	1.670	21.704
1664	TRANS-POWER,NPN,100V,6A,TO-220AB	TIP41C	Cái	2	2.503	5.006
1665	CONN HEADER;8POS.,100 R/A,15AU	68021-208HLF	Cái	20	1.521	30.417
1666	CAP-CER,SMD;0.68uF,0.0805,25V,X8L	C0805C684J3NACTU	Cái	6	1.626	9.757
1667	HEADER,5-pins dual-rows unshrouded	P302G-2*3-1-G3	Cái	25	632	15.799
1668	HEADER,4-pins dual-rows unshrouded	P302G-2*2-G3	Cái	20	415	8.301
1669	CAP-CER,SMD;0.01uF,5%,0603,50V,NP0	GRM188R71H103JA01D	Cái	7	310	2.168
1670	IC;SENSOR TEMPERATURE,LM50BIM3X,SOT23-3	LM50BIM3X	Cái	2	7.716	15.432
1671	IC;REG,LM1117DT-3.3/NOPB,800MA,3.3V,TO-252,LDO	LM1117DT-3.3/NOPB	Cái	2	7.087	14.174
1672	IC;SENSOR TEMPERATURE,LM50CIM3/NOPB,SOT23-3	LM50CIM3/NOPB	Cái	2	4.234	8.469
1673	IC;MPU SUPERVISORY,MAX809JTRG,SOT23	MAX809JTRG	Cái	12	3.228	38.731
1674	RES-SMD,27 OHM,5%,1210,1/4W	MCR25JZHJ270	Cái	98	496	48.569
1675	RES-SMD,270K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZHJ2703	Cái	10	291	2.912
1676	RES-SMD,470 OHM,5%,0805,1/8W	MCR10EZPJ471	Cái	14	127	1.779
1677	DIODE-RECTIFIER,300V,2X30A,TO-247,_	STTH6003CW	Cái	14	24.498	342.974
1678	CAP-CER,DIP;2200pF,250VAC,X1Y1,RAD	CD12-E2GA222MYNS	Cái	8	747	5.972
1679	RES-SILICONE;750HM,5%,3W,WW	PNP300JR-73-75R	Cái	4	1.128	4.510
1680	DSP;W/flash mem,100-LQFP,1_16 bit	TMS320LF2406APZA	Cái	3	70.755	212.266
1681	DSP;W/flash mem,100-LQFP,2_16 bit	TMS320LF2406APZA	Cái	23	54.966	1.264.211

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1682	MOS-FET;N-Channel,100V,195A,TO-247AC	IRFP4468PBF	Cái	20	39.164	783.270
1683	MOS-FET;N-Channel,560V,52A,TO-247	SPW52N50C3	Cái	20	48.854	977.079
1684	MOS-FET;N-Channel,200V,8-SOIC	IR11672ASPBFB	Cái	30	7.052	211.563
1685	RES-SHUNT;4mOHM,3W,	Shunt resistor	Cái	77	2.289	176.241
1686	CAP,0.033uF,310VAC,EMI SUPPRESSN	B32921C3333M	Cái	33	1.926	63.545
1687	CAP,22uF,250VAC,ECQ-UL	ECQ-U2A224ML	Cái	20	3.753	75.058
1688	CAP,100uF,16V,ELECT KG, RADIAL	ECE-A1CKG101	Cái	5	1.157	5.787
1689	CAP,2200uF,63V,ELECT PW RADIAL	UPW1J222MHD	Cái	20	8.476	169.526
1690	CAP,220uF,25V, ALUM LYTIC RADIAL	ECA-1EM221	Cái	5	1.504	7.519
1691	CAP,22uF,100V, ELECT FC RADIAL	EEU-FC2A220	Cái	15	1.959	29.392
1692	CAP-CER,SMD;2200PF, 20%,250V,RADIAL	CD12-E2GA222MYNS	Cái	17	876	14.885
1693	CAP,470uF,450V, ELECT TS-ED	EET-ED2W471EA	Cái	15	43.931	658.959
1694	CAP,SMD;47uF,25V, ELECT KG RADIAL	ECE-A1EKG470	Cái	14	1.645	23.031
1695	CAP-CER,SMD;0.1uF,0805,100V,X7R	GCM21BR72A104KA37L	Cái	20	1.349	26.985
1696	CAP-CER,SMD;0.1uF,0805,50V,X7R	GRM21BR71H104KA01L	Cái	3	1.349	4.048
1697	CAP-CER,SMD;47uF,1210,100V,X7R	GRM32MR72A474KA01L	Cái	7	3.574	25.020
1698	CAP-CER,SMD;0.022uF,10%,50V,0603,X7R	GRM188R71H223KA01D	Cái	30	311	9.330
1699	CAP-CER,SMD;0.22uF,0805,100V, X7R	C0805C224J1RACTU	Cái	3	2.725	8.176
1700	CAP-CER,SMD;10000PF,20%, 0805,100V,X7R	GRM21BR72A103MA01L	Cái	42	505	21.204
1701	CAP-CER,SMD;10000PF,0603,50V,X7R	GRM188R71H103JA01D	Cái	13	447	5.809
1702	CAP-CER,SMD;1000PF,1KVDC,R3 RAD	DEHR33A102KA2B	Cái	7	1.608	11.258
1703	CAP-CER,SMD;1000PF,250VAC,X1Y1,RAD	CD85-E2GA102MYNS	Cái	18	902	16.244
1704	CAP-CER,SMD;1000PF,5%,0805,50V,NP0	GRM2165C1H102JA01D	Cái	14	657	9.196
1705	CAP-CER,SMD;2200PF,10%,1206,1KV,X7R	GRM31BR73A222KW01L	Cái	7	1.751	12.260
1706	CAP-CER,SMD;220PF,5%,0805,50V,NP0	GRM2165C1H221JA01D	Cái	55	391	21.479
1707	CAP-CER,SMD;220PF,5%,0603,50V,NP0	GRM1885C1H221JA01D	Cái	21	411	8.632
1708	CAP-CER,SMD;3300PF,10%,0603,100V,X7R	GRM188R72A332KA01D	Cái	6	371	2.225
1709	CAP-CER,SMD;3900PF,10%,0603,50V,X7R	GRM188R71H392KA01D	Cái	10	375	3.753
1710	CAP-CER,SMD;4700PF,5%,0805,50V,C0G	GRM2165C1H472JA01D	Cái	80	635	50.789
1711	CAP-CER,SMD;4700PF,0603,50V,X7R	GRM188R71H472JA01D	Cái	51	179	9.110
1712	CAP-CER,SMD;470PF,5%,1206,50V,NP0	12065A471JAT2A	Cái	14	1.729	24.205
1713	CAP-CER,SMD;47PF,5%,0603,50V,C0G	GQM1885C1H470JB01D	Cái	7	3.351	23.456
1714	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,100V,X7R	GRM319R72A104KA01J	Cái	15	1.327	19.905
1715	CAP CER,SMD;100PF,0805,1000V,NP0	0805AA101KAT1A	Cái	14	8.243	115.403
1716	CAP-CER,SMD;100PF,5%,0805,1000V,NP0	0805A1A101JAT2A	Cái	7	8.243	57.702
1717	CAP-CER,SMD;100PF,1206,2000V,X7R	1206GC101KAT1A	Cái	13	3.315	43.095
1718	CAP-TANT,SMD;22uF,20%,10V,	TCFGB1A226M8R	Cái	20	4.110	82.210
1719	CAP-TANTALUM,SMD; 10uF,20%,20V,	TAJCI06M020RNJ	Cái	3	2.247	6.740
1720	CURRENT LIMITR,INRSH,2.5 OHM,20%	B57364S2259A002	Cái	8	9.583	76.667
1721	DIODE;300V,2X30A,TO-247,	STTH6003CW	Cái	39	19.033	742.276
1722	DIODE-FAST GPP;200V,1A,SMA,	EGF1D	Cái	14	1.188	16.639
1723	DIODE-GPP 1PH;800V,4A,GBL,	GBL08-E3/45	Cái	7	4.959	34.715
1724	DIODE-SCHOTTKY;30V,200MA,SOT23,	BAT54A	Cái	8	1.327	10.616
1725	DIODE-SW DBL;90V,215MA,SOT-23,	BAW56,215	Cái	14	570	7.981
1726	DIODE-SW DUAL;90V,150MW,SOT23-3,	BAW56W,115	Cái	45	738	33.213
1727	DIODE-TURBO2;600V,1A,SMB	STTH1R06U	Cái	38	2.064	78.436
1728	DIODE-ULT FAST;200V,3A,DO-201AD,	STTH302	Cái	9	2.064	18.577
1729	DIODE-ULT FAST;600V,40A,TO-247,	APT40DQ60BG	Cái	7	11.393	79.750
1730	DIODE-ULTR FAST;600V,4A,DO-201AD,	MUR460RLG	Cái	15	2.319	34.782
1731	DIODE-ULTRA FAST;200V,1A,SMB,	MURS120T3G	Cái	13	1.899	24.684
1732	DIODE-ULTRA FAST;600V,1A,SMB,	MURS160T3G	Cái	3	1.809	5.428
1733	DIODE-ULTRAFAST;HI,COND,SOT-23	BAV99,215	Cái	7	179	1.250

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1734	DIODE ZENER;18V,250MW,SOT23,_	BZX84-C18,235	Cái	14	704	9.859
1735	DIODE ZENER;5.1V,350MW,SOT-23,_	MMBZ5231B	Cái	10	1.479	14.788
1736	FERRITE CHIP,120 OHM,200MA,0805	BLM21AG121SN1D	Cái	11	1.510	16.612
1737	IC;AMP DUAL BIPOLAR,MC33172DT,OP,LP,8 SOIC	MC33172DT	Cái	34	3.028	102.947
1738	IC;MPU/RESET,TPS3809K33DBVR,CIRC,SOT23-3	TPS3809K33DBVR	Cái	15	3.887	58.305
1739	IC;PFC CTRLR AVERAGE CURR,L4981AD013TR,20SOIC	L4981AD013TR	Cái	19	18.278	347.274
1740	IC;SENSOR TEMPERATURE,LM50BIM3X,SOT23-3	LM50BIM3X	Cái	7	4.736	33.151
1741	IC;SENSOR TEMPERATURE,LM50CIM3/NOPB,SOT23-3	LM50CIM3/NOPB	Cái	7	4.736	33.151
1742	IC;VOLT REFERENCE,REF193GSZ,LDO,3.0V,8SOIC	REF193GSZ	Cái	15	15.146	227.186
1743	IGBT,600V,93A,415W, TO247	APT50GS60BRG	Cái	20	3.227	64.541
1744	MOS-FET;N-Channel,900V,2.2A,TO-220	FQP2N90	Cái	8	4.021	32.168
1745	OPTOISOLATOR,1CH, TRANS OUT,4-SOP	PS2701A-1-A	Cái	10	2.801	28.012
1746	OSCILLATOR-SMD;10.000MHZ,_3.3V,_	ASV-10.000MHZ-E-J-T	Cái	15	10.164	152.463
1747	RECT BRIDGE GPP,800V,35A,_GBPC	GBPC3508	Cái	7	17.282	120.975
1748	RELAY PWR SPDT;ALZ12F12,16A,12VDC,PCB	ALZ12F12	Cái	7	15.186	106.301
1749	RES-SMD;120OHM,1%, 2512,1W	WSLT2512R1200FEB	Cái	38	4.113	156.312
1750	RES-SMD;0.0 OHM,_0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	14	89	1.252
1751	RES-SMD;1.0 OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ1R0	Cái	15	237	3.552
1752	RES-SMD;1K OHM,1%, 0603,1/10W	ERJ-3EKF1001V	Cái	33	35	1.149
1753	RES-SMD;1.00K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZPF1001	Cái	25	304	7.595
1754	RES-SMD;1.00K OHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF1001V	Cái	7	313	2.189
1755	RES-SMD;1.0M OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY1105V	Cái	12	89	1.073
1756	RES-SMD;1.0 OHM,5%, 0805,1/8W	MCR10EZPJ105	Cái	15	147	2.211
1757	RES-SMD;1.40K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1401	Cái	15	188	2.814
1758	RES-SMD;1.50K OHM,1%, 0805,1/8W	MCR10EZHF1501	Cái	15	201	3.016
1759	RES-SMD;1.80K OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX1801	Cái	15	103	1.541
1760	RES-SMD;10 OHM,5%, 1206,1/4W	MCR18EZPJ100	Cái	60	180	10.775
1761	RES-SMD;10.0K OHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1002V	Cái	54	35	1.880
1762	RES-SMD;10.0K OHM, 1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF1002V	Cái	62	94	5.815
1763	RES-SMD;100 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1000	Cái	72	144	10.355
1764	RES-SMD;100K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZPF1003	Cái	30	231	6.945
1765	RES-AXIAL;10K OHM,5%,_1W	PR01000101002JR500	Cái	5	1.037	5.183
1766	RES-SMD;10M OHM,5%,0805,1/8W	MCR10EZPJ106	Cái	25	147	3.686
1767	RES-SMD;11.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1102	Cái	20	188	3.752
1768	RES-SMD;12.4K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1243	Cái	15	188	2.814
1769	RES-SMD;120K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1202	Cái	15	144	2.157
1770	RES-SMD;120K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF1203	Cái	20	201	4.021
1771	RES-SMD;130K OHM,1%,0805,1/4W	ESR10EZPF1303	Cái	15	737	11.057
1772	RES-SMD;130K OHM,5%,0805,1/8W	MCR10EZPJ134	Cái	30	114	3.407
1773	RES;15 OHM,5%,TO-220,30W	LTO030F15R00JTE3	Cái	21	18.836	395.557
1774	RES-SMD;15.0K OHM,1%,2010,1/2W	MCR50JZHF1502	Cái	25	1.926	48.141
1775	RES-SMD;15.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1502	Cái	15	188	2.814
1776	RES-SMD;150 OHM,5%, 0603,1/10W	MCR03EZPJ151	Cái	20	80	1.609
1777	RES-SMD;150 OHM,1%, 0805,1/8W	MCR10EZPF1500	Cái	25	188	4.689
1778	RES-SMD;150K OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX1503	Cái	15	103	1.541
1779	RES-SMD;180 OHM,1%, 1206,1/4W	MCR18EZPF1800	Cái	14	304	4.253
1780	RES-SMD;180K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1803	Cái	30	144	4.315
1781	RES-SMD;2.0 OHM,5%, 1206,1/4W	MCR18EZPJ2R0	Cái	43	190	8.187
1782	RES-SMD;2.00K OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX2001	Cái	20	103	2.054
1783	RES-SMD;2.00K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2001	Cái	40	144	5.753
1784	RES-SMD;2.00K OHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF2001V	Cái	7	144	1.007
1785	RES-SMD;2.05K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2051	Cái	10	188	1.876
1786	RES-AXIAL;2.7 OHM,1%,_1W	ERX-1SJ2R7	Cái	21	1.474	30.963
1787	RES-SMD;20.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2002	Cái	15	188	2.814
1788	RES-SMD;200 OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPFX2000	Cái	30	77	2.305
1789	RES-SMD;200 OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ201	Cái	15	237	3.552
1790	RES-SMD;200 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2000	Cái	20	188	3.752
1791	RES-SMD;200K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZPF2003	Cái	25	304	7.595
1792	RES-METAL FILM AX:200K OHM,5%,_2W	FMP200JR-52-200K	Cái	20	907	18.140

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1793	RES-SMD;220 OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPF2200	Cái	14	103	1.438
1794	RES-SMD;220K OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ224	Cái	25	237	5.921
1795	RES-SMD;237 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2370	Cái	15	188	2.814
1796	RES-SMD;27 OHM,5%,1210,1/4W	MCR25JZHJ270	Cái	110	561	61.727
1797	RES-SMD;27.0 OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZPF27R0	Cái	14	304	4.253
1798	RES-SMD;27.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF2702	Cái	25	188	4.689
1799	RES-SMD;270K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZHF2703	Cái	20	335	6.703
1800	RES-SMD;270K OHM,1%,1206,1/4W	KTR18EZPF2703	Cái	12	335	4.022
1801	RES-SMD;3.01K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZHF3011	Cái	15	335	5.027
1802	RES-SMD;3.01K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3011	Cái	15	188	2.814
1803	RES-SMD;3.0M OHM,5%,0805,1/8W	MCR10EZHJ305	Cái	20	183	3.664
1804	RES-SMD;3.16K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3161	Cái	15	188	2.814
1805	RES-SMD;3.3K OHM,5%,0603,1/10W	KTR03EZPJ332	Cái	15	885	13.268
1806	RES-SMD;3.90K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3901	Cái	15	188	2.814
1807	RES-SMD;300K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF3003	Cái	64	117	7.518
1808	RES-SMD;33.0 OHM,1%,0603,1/10W	MCR03EZPF33R0	Cái	15	103	1.541
1809	RES-SMD;330 OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ331V	Cái	25	41	1.027
1810	RES-SMD;39.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3902	Cái	15	188	2.814
1811	RES-SMD;390K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF3903	Cái	30	144	4.315
1812	RES-SMD;4.7K OHM,5%,0603,1/10W	RC0603JR-074K7L	Cái	53	36	1.895
1813	RES-SMD;4.7K OHM,5%,0805,1/8W	MCR10EZPJ472	Cái	59	86	5.089
1814	RES-SMD;47.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF4702	Cái	15	188	2.814
1815	RES-SMD;470 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF4700	Cái	15	188	2.814
1816	RES-SMD;5.1 OHM,5%,1206,1/4W	RC1206JR-075R1L	Cái	226	41	9.251
1817	RES-SMD;5.11K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF5111	Cái	20	201	4.021
1818	RES-SMD;5.62K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF5621	Cái	5	201	1.005
1819	RES-SMD;5.76K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF5761	Cái	15	188	2.814
1820	RES-SMD;51 OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZHJ510	Cái	158	107	16.974
1821	RES-SMD;51.1 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF51R1	Cái	15	188	2.814
1822	RES-SMD;510 OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZHF5100	Cái	15	201	3.016
1823	RES-SMD;51K OHM,5%,0603,1/10W	MCR03EZPJ513	Cái	25	80	2.011
1824	RES-SMD;51K OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ513	Cái	55	180	9.877
1825	RES-SMD;62 OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZHJ620	Cái	14	145	2.027
1826	RES-SMD;62.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF6202	Cái	20	188	3.752
1827	RES-SMD;68.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF6802	Cái	15	188	2.814
1828	RES-SMD;7.50K OHM,1%,1206,1/4W	MCR18EZHF7501	Cái	20	335	6.703
1829	RES-SMD;75.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF7502	Cái	15	188	2.814
1830	RES-SMD;75K OHM,5%,0603,1/10W	MCR03EZPJ753	Cái	15	80	1.207
1831	RES-SMD;8.20K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF8201	Cái	15	188	2.814
1832	RES-SMD;82.0K OHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF8202	Cái	20	144	2.876
1833	RES-MF;100 OHM,1%,AXL,1/2W	RNF12FTD100R	Cái	5	670	3.351
1834	RES-MF;100K OHM,5%,AXL,1W	FMP100JR-52-100K	Cái	13	625	8.131
1835	RES-MO;0.62 OHM,5%,AXIAL,1W	RSF100JB-0R62	Cái	5	1.296	6.478
1836	RES-MO;1.5 OHM,5%,METAL FILM,1W	ERX-1S1R5	Cái	5	1.519	7.595
1837	RES-WW;1 OHM,5%,AXIAL,2W	FMP200JR-52-1R	Cái	13	1.162	15.102
1838	TRANS-POWER;NPN,100V,6A,TO-220AB	TIP41C	Cái	7	2.993	20.953
1839	TRANSIL ARRAY,DUAL,ESD,SOT-23	ESDA14V2L	Cái	10	2.261	22.606
1840	TRANSISTOR AF;NPN,60V,SOT-223	FZT651TA	Cái	46	2.886	132.767
1841	TRANSISTOR AF;NPN,60V,SOT-223	BDP 949 E6327	Cái	50	2.886	144.312
1842	TRANSISTOR AF;PNP,60V,SOT-223	FZT751TA	Cái	50	3.753	187.645
1843	TRANSISTOR AF;PNP,60V,SOT-223	BDP 950 E6327	Cái	50	3.753	187.645
1844	TVS-DIODE;UN-DIR,400W,12V/13.3V,SMA	SMAJ12A-E3/61	Cái	7	1.417	9.920
1845	IND-SMD;100uH,20%,5M8X5M2X4M5,520mA,700mOHM	HM79-20101LFTR13	Cái	11	4.349	47.840
1846	RES-SMD;10KOHM,1%,0402,1/16W	RMCF0402FT10K0	Cái	10	45	450
1847	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-074K7L	Cái	9	38	343
1848	RES-SMD;0OHM,5%,1206,1/4W	RC1206JR-070RL	Cái	26	94	2.449
1849	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT20K0	Cái	13	107	1.392
1850	RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-071KL	Cái	36	60	2.160
1851	RES-SMD;13KOHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT13K0	Cái	22	124	2.732
1852	RES-SMD;100KOHM,5%,1210,1/3W	RMCF1210JT100K	Cái	2	630	1.259
1853	RES-SMD;7.50HM,1%,1206,1/4W	CRCW12067R50FKEA	Cái	10	235	2.348
1854	RES-SMD;2KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT2K00	Cái	3	73	219
1855	RES-SMD;0.20HM,5%,1206,1/4W	73L4R20J	Cái	26	373	9.692
1856	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-074K7L	Cái	7	60	420

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1857	DIODE-SWITCHING;200V,200mA,SOT23-3,MMBD7000-VGS08	MMBD7000-V-GS08	Cái	130	464	60.333
1858	DIODE-SWITCHING;100V,1A,SMA,RS1B-E3/61T	RS1B-E3/61T	Cái	18	1.056	19.000
1859	DIODE-ZENER;5.6V,200mW,SOD-523F,MM5Z5V6	MM5Z5V6	Cái	11	1.015	11.169
1860	CAP-ALUM,DIP; 270uF,20%,22M0X20M0X50M0,450V,737mOHM,	EET-UQ2W271BA	Cái	16	16.546	264.734
1861	IC EEPROM 16KBIT 400KHZ 8SOIC	24LC16B-I/SN	Chiếc	1	1.103	1.103
1862	OPTOCOUPLER ANLG DC-1MHZ GW 8SMD	HCNR201-300E	Chiếc	5	21.144	105.722
1863	IC OPAMP GP 700KHZ DUAL 8SOIC	LM258DR	Chiếc	3	1.284	3.851
1864	IC DUAL DIFF COMP 8-SOIC	LM2903DR	Chiếc	7	1.082	7.575
1865	IC SENSOR TEMPERATURE SOT23-3	LM50CIM3/NOPB	Chiếc	1	3.453	3.453
1866	OPTOISOLATOR HIGH VCEO 1CH SMD	LTV-816S	Chiếc	16	1.146	18.334
1867	IC AMP DUAL BIPOLAR OP LP 8 SOIC	MC33172DT	Chiếc	10	2.336	23.358
1868	IC REG LDO 5V DPAK-3	NCP1117DT50RKG	Chiếc	4	1.642	6.568
1869	IC TXRX CAN INTERFACE 8SOIC	PCA82C250T/YM,118	Chiếc	3	6.213	18.640
1870	IC OPAMP JFET 3MHZ DUAL 8SOIC	TL082IDR	Chiếc	1	1.866	1.866
1871	IC VREF SHUNT PREC ADJ SOT-23-3	TL432BIDBZR	Chiếc	15	2.348	35.226
1872	IC REG LDO 3.3V .5A SOT-223-6	TPS79533DCQR	Chiếc	3	10.206	30.618
1873	FUSE-CER;FAST,30A, 100AAC/400ADC,250V,3AB	0324030.MXP	Cái	8	7.540	60.323
1874	GAS DISCHRG TUBE;4AAC,1.5kAIMP,1600V, AXIAL	2089-160-BLF	Cái	10	3.516	35.162
1875	TVS-DIODE;UN-DIR,400W,12V/13.3V,SMA	SMAJ12A-E3/61	Cái	12	1.563	18.758
1876	TVS-DIODE;UN-DIR,600W,12V/13.3V,SMB	SMBJ12A-E3/52	Cái	64	1.303	83.366
1877	CONN-DIP;HEADER,8PIN,0.1R/A 15AU	68021-208HLF	Cái	40	1.189	47.568
1878	IND-SMD;0.51uH,20%,1210,2.55A,37.7mOHM	BRL3225TR51M	Cái	12	866	10.395
1879	IND-SMD;100uH,20%,5M8X5M2X4M5,520mA,700mOHM	HM79-20101LFTR13	Cái	12	4.284	51.408
1880	IND-COM-SMD;50uH,9M2X6MX5M3,0.8A,320mOHM	SRF0905-500Y	Cái	83	3.189	264.724
1881	IND-COM-SMD;500uH,9M2X6MX5M3,1A,150mOHM	SRF0905-501Y	Cái	29	3.969	115.101
1882	RES-SMD;0.2OHM,5%,1206,1/4W	73L4R20J	Cái	36	343	12.334
1883	THERMISTOR,NTC,10KOHM @ 25°C,RAD	B57871S0103F002	Cái	7	5.914	41.399
1884	RES-SMD;0.2OHM,5%,1206,1/4W	CR1206-FX-1001ELF	Cái	9	59	532
1885	RES-SMD;300KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW0402300KFKED	Cái	3	327	981
1886	RES-SMD;3.9KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW04023K90FKED	Cái	36	175	6.296
1887	RES-SMD;82KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW040282K0FKED	Cái	28	327	9.152
1888	RES-SMD;35.7KOHM,1%,0603,1/10W	CRCW060335K7FKEA	Cái	20	319	6.378
1889	RES-SMD;30KOHM,5%,0805,1/8W	CRCW080530K0JNEA	Cái	79	163	12.881
1890	RES-SMD;45.3KOHM,1%,0805,1/8W	CRCW080545K3FKEA	Cái	43	190	8.159
1891	RES-SMD;7.5OHM,1%,1206,1/4W	CRCW12067R50FKEA	Cái	30	402	12.051
1892	RES-SMD;5.11KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF5111V	Cái	126	41	5.216
1893	RES-SMD;0OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	38	36	1.379
1894	RES-SMD;18OHM,5%,1210,1/2W	ERJ-P14J180U	Cái	41	699	28.671
1895	RES-SMD;27OHM,5%,1210,1/2W	ERJ-P14J270U	Cái	36	699	25.175
1896	RES-SMD;3.6OHM,5%,1210,1/2W	ERJ-P14J3R6U	Cái	50	699	34.965
1897	RES-SMD;0.012OHM,1%,2512,1W	KRL3264-C-R012-F-T1	Cái	4	3.193	12.773
1898	RES-SPECIAL;0.75OHM,1%,3W,WIREWOUND	PAC300007507FAC000	Cái	72	3.382	243.529
1899	RES-SPECIAL;75OHM,1%,5W,WIREWOUND	PAC500007509FAC000	Cái	68	3.878	263.731

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1900	RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-07100RL	Cái	24	55	1.325
1901	RES-SMD;10KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0710KL	Cái	6	55	331
1902	RES-SMD;110KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-07110KL	Cái	11	55	607
1903	RES-SMD;15KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0715KL	Cái	91	55	5.023
1904	RES-SMD;1.5KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-071K5L	Cái	9	55	497
1905	RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-071KL	Cái	24	55	1.325
1906	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0720KL	Cái	6	55	331
1907	RES-SMD;22KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0722KL	Cái	4	55	221
1908	RES-SMD;2.05KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-072K05L	Cái	15	55	828
1909	RES-SMD;3.9KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-073K9L	Cái	5	55	276
1910	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-074K7L	Cái	60	55	3.312
1911	RES-SMD;7.5KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-077K5L	Cái	28	55	1.546
1912	RES-SMD;100OHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-07100RL	Cái	11	75	823
1913	RES-SMD;10KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-0710KL	Cái	12	75	898
1914	RES-SMD;130KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-07130KL	Cái	20	75	1.497
1915	RES-SMD;13KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-0713KL	Cái	3	75	225
1916	RES-SMD;15OHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-0715RL	Cái	12	75	898
1917	RES-SMD;1MOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-071ML	Cái	123	35	4.317
1918	RES-SMD;2.2OHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-072R2L	Cái	8	75	599
1919	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-074K7L	Cái	24	75	1.796
1920	RES-SMD;75OHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-0775RL	Cái	2	75	150
1921	RES-SMD;7.5KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-077K5L	Cái	125	35	4.388
1922	RES-SMD;10MOHM,5%,0805,1/8W	RC0805JR-0710ML	Cái	63	75	4.716
1923	RES-SMD;2KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-072KL	Cái	2	118	236
1924	RES-SMD;36KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-0736KL	Cái	18	118	2.128
1925	RES-SMD;3MOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-073ML	Cái	6	118	709
1926	RES-SMD;475KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-07475KL	Cái	18	118	2.128
1927	RES-SMD;4.7KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-074K7L	Cái	183	41	7.494
1928	RES-SMD;0OHM,5%,1206,1/4W	RC1206JR-070RL	Cái	12	118	1.418
1929	RES-SMD;62OHM,5%,1206,1/4W	RC1206JR-0762RL	Cái	135	41	5.528
1930	RES-SMD;100KOHM,1%,0402,1/16W	RMCF0402FT100K	Cái	132	41	5.465
1931	RES-SMD;20KOHM,1%,0402,1/16W	RMCF0402FT20K0	Cái	43	98	4.231
1932	RES-SMD;1.2KOHM,5%,0402,1/16W	RMCF0402JT1K20	Cái	2	67	134
1933	RES-SMD;470OHM,5%,0402,1/16W	RMCF0402JT470R	Cái	6	67	401
1934	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0402,1/16W	RMCF0402JT4K70	Cái	58	28	1.601
1935	RES-SMD;820OHM,5%,0402,1/16W	RMCF0402JT820R	Cái	12	67	803

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1936	RES-SMD;15KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT15K0	Cái	39	54	2.118
1937	RES-SMD;1MOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT1M00	Cái	17	98	1.673
1938	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT20K0	Cái	12	98	1.181
1939	RES-SMD;27.4KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT27K4	Cái	10	98	984
1940	RES-SMD;2.2KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT2K20	Cái	5	98	492
1941	RES-SMD;300OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT300R	Cái	9	98	886
1942	RES-SMD;330OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT330R	Cái	43	98	4.231
1943	RES-SMD;3.01KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT3K01	Cái	10	98	984
1944	RES-SMD;430OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT430R	Cái	18	98	1.771
1945	RES-SMD;470KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT470K	Cái	17	98	1.673
1946	RES-SMD;5.1KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT5K10	Cái	10	98	984
1947	RES-SMD;820KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT820K	Cái	10	98	984
1948	RES-SMD;100OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT10R0	Cái	5	67	335
1949	RES-SMD;150KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT150K	Cái	5	67	335
1950	RES-SMD;270OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT270R	Cái	4	67	268
1951	RES-SMD;2KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT2K00	Cái	12	67	803
1952	RES-SMD;33OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT33R0	Cái	5	67	335
1953	RES-SMD;47KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT47K0	Cái	17	67	1.137
1954	RES-SMD;510OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT510R	Cái	5	67	335
1955	RES-SMD;5.6KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT5K60	Cái	10	67	669
1956	RES-SMD;620OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT620R	Cái	43	67	2.877
1957	RES-SMD;12.4KOHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT12K4	Cái	3	114	342
1958	RES-SMD;13KOHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT13K0	Cái	12	114	1.370
1959	RES-SMD;1OHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT1R00	Cái	27	114	3.082
1960	RES-SMD;2.2OHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT2R20	Cái	15	114	1.712
1961	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT10K0	Cái	3	83	248
1962	RES-SMD;62KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT62K0	Cái	10	83	827
1963	RES-SMD;82KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT82K0	Cái	10	83	827
1964	RES-SMD;0OHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805ZT0R00	Cái	17	83	1.405
1965	RES-SMD;1OHM,1%,1206,1/4W	RMCF1206FT1R00	Cái	10	173	1.733
1966	RES-SMD;27OHM,1%,1206,1/4W	RMCF1206FT27R0	Cái	58	95	5.525
1967	RES-SMD;1MOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT1M00	Cái	30	134	4.019
1968	RES-SMD;200OHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT200R	Cái	17	134	2.277
1969	RES-SMD;330KOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT330K	Cái	15	134	2.009
1970	RES-SMD;390OHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT390R	Cái	24	134	3.215
1971	RES-SMD;3.3KOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT3K30	Cái	12	134	1.607

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1972	RES-SMD;100KOHM,5%,1210,1/3W	RMCF1210JT100K	Cái	12	579	6.946
1973	RES-SMD;100OHM,5%,1210,1/3W	RMCF1210JT100R	Cái	5	579	2.894
1974	RES-SMD;1800HM,1%,1206,1/2W	RNCP1206FTD180R	Cái	15	579	8.683
1975	RES-SMD;2000HM,0.5%,0402,1/16W	RR0510P-201-D	Cái	16	303	4.850
1976	RES-SMD;1000HM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-101-D	Cái	10	402	4.017
1977	RES-SMD;10KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-103-D	Cái	9	402	3.615
1978	RES-SMD;300KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-304-D	Cái	17	402	6.829
1979	RES-SMD;5.6KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-562-D	Cái	4	402	1.607
1980	RES-SMD;8200HM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-821-D	Cái	10	402	4.017
1981	RES-SMD;1KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-102-D	Cái	17	402	6.829
1982	RES-SMD;2.05KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-2051-D-M	Cái	5	402	2.009
1983	RES-SMD;2.55KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-2551-D-M	Cái	10	402	4.017
1984	RES-SMD;5.1KOHM,0.5%,0603,1/10W	RT0603DRD075K1L	Cái	21	823	17.281
1985	DIODE-RECTIFIER;1000V,3A, DIP DO-201AD	1N5408-E3/54	Cái	14	1.536	21.500
1986	DIODE-SCHOTTKY;40V,200mA,SOT23-3,BAS40-06-7-F	BAS40-06-7-F	Cái	6	1.095	6.568
1987	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOT23-3,BAT54A-TP	BAT54A-TP	Cái	7	1.339	9.371
1988	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOT23-3,BAS40-06-7-F	BAT54C-7-F	Cái	41	660	27.060
1989	DIODE-SWITCHING;100V,215mA,SOT23-3,BAV70,215	BAV70,215	Cái	21	457	9.592
1990	DIODE-SWITCHING;70V,250mA,SOT23-3,BAW56-V-GS08	BAW56-V-GS08	Cái	5	1.071	5.355
1991	DIODE-SCHOTTKY;800V,1.5A,SMA,BYG21K-E3/TR	BYG21K-E3/TR	Cái	18	1.532	27.570
1992	DIODE-SCHOTTKY;1000V,1A,DO-204AC,BYV26EGP-E3/54	BYV26EGP-E3/54	Cái	41	1.378	56.506
1993	DIODE-ZENER;27V,250mW,SOT23-3,BZX84-B27,215	BZX84-B27,215	Cái	32	731	23.386
1994	BRIDGE;800V,4A,GBL, GPP 1PH,GBL08-E3/45	GBL08-E3/45	Cái	2	4.371	8.741
1995	LED-SMD;2V,20mA,0805,SUPER RED CLEAR	LTST-C170KRKT	Cái	5	957	4.784
1996	LED-SMD;2V,20mA,0805,GREEN CLEAR THIN	LTST-C171KGKT	Cái	9	1.051	9.462
1997	LED-SMD;2V,20mA,0805,YELLOW CLEAR THIN	LTST-C171KSKT	Cái	39	1.091	42.535
1998	LED-SMD;3.4V,20mA,0805,BLUE CLEAR THIN	LTST-C171TBKT	Cái	308	505	155.509
1999	DIODE-ZENER;5.6V,200mW,SOD-523F,MM5Z5V6	MM5Z5V6	Cái	24	933	22.396
2000	DIODE-SWITCHING;200V,200mA,SOT23-3,MMBD7000-V-GS08	MMBD7000-V-GS08	Cái	12	1.272	15.262
2001	DIODE-SCHOTTKY;200V,1A,SMB,MURS120-E3/52T	MURS120-E3/52T	Cái	48	1.517	72.806
2002	DIODE-SCHOTTKY;600V,1A,SMD,MURS160-E3/5BT	MURS160-E3/5BT	Cái	36	1.210	43.546
2003	DIODE-SWITCHING;100V,1A,SMA,RS1B-E3/61T	RS1B-E3/61T	Cái	12	1.229	14.742
2004	DIODE-SCHOTTKY;100V,2A,SMA,SS210-TP	SS210-TP	Cái	3	1.418	4.253
2005	MOS-FET;N-Channel,200V,5A,DPAK	IRFR220NTRPBF	Cái	5	2.839	14.195
2006	MOS-FET;N-Channel,60V,475mA,SOT23-3	2N7002F,215	Cái	6	697	4.181
2007	RELAY;GEN PURPOSE DPDT,12VDC,250VAC/220VDC,11.7mA,1.03KOHM,140mW	V23079A1003B301	Cái	6	10.592	63.552
2008	RELAY;GEN PURPOSE SPDT,12VDC,277VAC/30VDC,33.3mA,360OHM,400mW	RT314012F	Cái	48	11.671	560.196
2009	TRANS-BJT;PNP,32V,2A,SOT89-3	2DB1188R-13	Cái	15	1.279	19.184
2010	TRANS-BJT;PNP,40V,600mA,SOT23-3	PMBT4403,215	Cái	13	466	6.061
2011	CAP-CER,SMD;470pF,5%,1206,1KV,NP0	1206AA471JAT1A	Cái	12	2.111	25.326

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2012	CAP-FILM,DIP;0.22uF,10%,630Vdc/250Vac,RADIAL	B32653A6224K	Cái	6	3.926	23.554
2013	CAP-FILM,DIP;2.2uF,20%,630Vdc/305Vac,RADIAL	B32924C3225M	Cái	3	8.261	24.783
2014	CAP-FILM,DIP;2.2uF,10%,500Vdc/305Vac,RADIAL	B32924F3225K	Cái	6	8.670	52.023
2015	CAP-FILM,DIP;0.22uF,10%,305Vac,RADIAL	B32932A3224K	Cái	6	5.292	31.752
2016	CAP-FILM,DIP;0.022uF,20%,1kVdc/300Vac,RADIAL	BFC233860223	Cái	12	3.264	39.170
2017	CAP-FILM,DIP;0.47uF,10%,400Vdc/220Vac,RADIAL	BFC237353474	Cái	6	4.914	29.484
2018	CAP-FILM,DIP;0.022uF,5%,1kVdc/350Vac,RADIAL	BFC238330223	Cái	19	4.583	87.082
2019	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R	C0603C103K5RACTU	Cái	18	75	1.347
2020	CAP-CER,SMD;22pF,5%,0603,50V,NP0	C0603C220J5GACTU	Cái	21	158	3.308
2021	CAP-CER,SMD;3300pF,10%,0603,50V,X7R	C0603C332K5RACTU	Cái	5	173	866
2022	CAP-CER,SMD;330pF,10%,0805,1KV,X7R	C0805C331KDRACTU	Cái	5	1.319	6.596
2023	CAP-CER,SMD;4700pF,10%,0805,50V,X7R	C0805C472K5RACTU	Cái	5	185	926
2024	CAP-CER,SMD;0.033uF,20%,0402,50V,X7R	C1005X7R1H333M	Cái	48	284	13.608
2025	CAP-CER,SMD;1000pF,20%,1206,1KV,X7R	C1206C103MDRACTU	Cái	30	1.688	50.652
2026	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,100V,X7R	C1206C104K1RACTU	Cái	8	394	3.150
2027	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H1Q1J	Cái	32	48	1.526
2028	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H330J	Cái	16	54	869
2029	CAP-CER,SMD;510pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H511J	Cái	3	315	945
2030	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,100V,NP0	C1608C0G2A101J	Cái	5	213	1.064
2031	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0603,16V,X7R	C1608X7R1C105K	Cái	50	144	7.208
2032	CAP-CER,SMD;220pF,10%,0603,50V,X7R	C1608X7R1H221K	Cái	33	122	4.029
2033	CAP-CER,SMD;680pF,10%,0603,50V,X7R	C1608X7R1H681K	Cái	14	122	1.709
2034	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0805,50V,NP0	C2012C0G1H101J	Cái	38	236	8.978
2035	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,100V,X7R	C2012X7R2A104K	Cái	5	488	2.441
2036	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0805,50V,Y5V	C2012Y5V1H225Z	Cái	36	488	17.577
2037	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,1206,25V,X7R	C3216X7R1E225K	Cái	26	347	9.029
2038	CAP-CER,SMD;1uF,10%,1206,100V,X7R	C3216X7R2A105K	Cái	72	673	48.427
2039	CAP-CER,SMD;2.2uF,20%,1210,100V,X7R	C3225X7R2A225M	Cái	5	2.902	14.510
2040	CAP-CER,SMD;10uF,20%,1210,50V,Y5V	C3225Y5V1H106Z	Cái	41	960	39.360
2041	CAP-CER,SMD;220pF,5%,0402,50V,NP0	CC0402JRNPO9BN221	Cái	16	95	1.512
2042	CAP-CER,SMD;2200pF,10%,0402,50V,X7R	GCM155R71H222KA37D	Cái	12	63	756
2043	CAP-CER,SMD;330pF,10%,0402,50V,X7R	CC0402KRX7R9BB331	Cái	4	47	189
2044	CAP-CER,SMD;4700pF,10%,0402,50V,X7R	CC0402KRX7R9BB472	Cái	44	26	1.162
2045	CAP-CER,SMD;470pF,5%,0603,50V,NP0	CC0603JRNPO9BN471	Cái	16	130	2.078
2046	CAP-CER,SMD;68pF,5%,0603,50V,NP0	CC0603JRNPO9BN680	Cái	58	75	4.341
2047	CAP-CER,SMD;0.033uF,10%,0603,50V,X7R	GRM188R71H333KA61D	Cái	30	118	3.546
2048	CAP-CER,SMD;0.1uF,20%,0603,50V,Y5V	CC0603ZRY5V9BB104	Cái	143	30	4.290
2049	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0805,200V,NP0	CC0805JRNPOABN101	Cái	10	473	4.725
2050	CAP-CER,SMD;3300pF,10%,0805,50V,X7R	CC0805KRX7R9BB332	Cái	13	209	2.712
2051	CAP-CER,SMD;100pF,5%,1206,1KV,NP0	CC1206JKNPOCBN101	Cái	27	784	21.157
2052	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,2KV,X7R	CC1206KKX7RDBB102	Cái	60	602	36.144
2053	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,100V,X7R	CC1206KRX7R0BB102	Cái	48	536	25.704
2054	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0805,35V,X7R	CGA4J3X7R1V105K	Cái	41	1.103	45.203
2055	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,1206,50V,X7R	CGA5L3X7R1H225K	Cái	6	3.028	18.167
2056	CAP-CER,DIP;1000pF,10%,RADIAL,250V,B	CS10-B2GA102KYNS	Cái	9	1.453	13.076
2057	CAP-CER,DIP;1000pF,10%,RADIAL,1KV,R	DEHR33A102KA2B	Cái	5	1.276	6.379
2058	CAP-ALUM,DIP; 100uF,20%,6M3X6M3X12M7,25V,130mOHM	EEU-FR1E101	Cái	4	1.299	5.198
2059	CAP-ALUM,DIP; 47uF,20%,8MX8MX12M5,100V, _	ECA-2AM470	Cái	9	1.654	14.884
2060	CAP-ALUM,DIP; 22uF,20%,8MX8MX11M5,25V,680mOHM	EEU-FC2A220	Cái	1	1.693	1.693
2061	CAP-ALUM,DIP; 330uF,20%,10MX10MX12M5,25V,38mOHM	EEU-FM1E331	Cái	5	2.008	10.041
2062	CAP-ALUM,DIP; 470uF,20%,12M5X12M5X32M,63V,97mOHM	EGXE630ELL471MK30S	Cái	3	7.639	22.916

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2063	CAP-ALUM,DIP; 270uF,20%,35MX35MX30M,450V,_	EKMM451VSN271MA35T	Cái	43	25.909	1.114.076
2064	CAP-CER,SMD;4.7uF,_1206,35V,Y5V	GМК316F475ZG-T	Cái	11	551	6.064
2065	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0603,16V,X7R	GRM188R71C104KA01D	Cái	2	41	82
2066	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,0603,50V,X7R	GRM188R71H102KA01D	Cái	27	43	1.170
2067	CAP-FILM,SMD;10000pF,20%, 1kVdc/300Vac,RADIAL	R413I21000000M	Cái	12	1.327	15.923
2068	CAP-FILM,SMD;1uF,10%, 560Vdc/275Vac,RADIAL	R46KR410000M1K	Cái	6	4.568	27.405
2069	CAP-TA,SMD;0.1uF,20%,1206,50V,20OHM	T491A104M035AT	Cái	7	1.295	9.068
2070	CAP-TA,SMD;1.5uF,10%,1206,35V,7.5OHM	TAJA155K035RNJ	Cái	7	2.922	20.452
2071	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0603,50V,X5R	UMK107BJ105KA-T	Cái	23	249	5.724
2072	CAP-ALUM,DIP; 100uF,20%,6M3X6M3X11M,25V,250mOHM	UPW1E101MED	Cái	3	886	2.658
2073	TVS-VARISTOR;615VDC,460VAC,6.5kA,300J,Disc 20mm	ERZ-V20D751	Cái	15	4.666	69.989
2074	TVS-VARISTOR;505VDC,385VAC,6.5kA,220J,Disc 20mm	MOV-20D621K	Cái	6	2.158	12.947
2075	FILTER-SMD;CHOKE COMMODE,1.27X1.27MMX4PINS,1.17MHZ,1.22A	P0354NLT	Chiếc	5	10.996	54.979
2076	RES-SMD;22KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0722KL	Chiếc	12	59	713
2077	RES-SMD;5.6KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-562-D	Chiếc	10	433	4.331
2078	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,50V,X7R	CC1206KRX7R9BB104	Chiếc	10	331	3.312
2079	CAP-CER,SMD;680pF,10%,0805,50V,X7R	CC0805KRX7R9BB681	Chiếc	7	221	1.546
2080	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,1KV,X7R	CC1206KKX7RCBB102	Chiếc	14	975	13.646
2081	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,1206,50V,X5R	UMK316BJ225KD-T	Chiếc	10	667	6.666
2082	DIODE-ZENER;3.3V,500mW,SOD-123,MMSZ4684-TP	MMSZ4684-TP	Chiếc	1	732	732
2083	DIODE-ULTRA FAST;1A,600V,SMB	STTH1R06U	Chiếc	11	1.838	20.221
2084	IC;AMP DUAL BIPOLAR OP LP,8-SOIC,MC33172DT	MC33172DT	Chiếc	25	2.518	62.959
2085	OPTOISOLATOR;HIGH VCEO 1CH,4-SMD	LTV-816S	Chiếc	8	1.528	12.227
2086	MOS-FET;N-Channel,600V,37.9A,TO247-3	IPW60R099C6	Chiếc	12	31.578	378.934
2087	CAP-CER,DIP;1000pF,10%,X1Y2,250V,_	CS10-B2GA102KYNS	Cái	17	956	16.246
2088	CAP-FILM,DIP;2.2uF,10%,500Vdc/305Vac,27.5_31.5x1.5x21.5MM	B32924F3225K	Cái	6	8.670	52.020
2089	CAP-FILM,SMD;10000pF,20%, 1kVdc/300Vac,15_18x5x11.1MM	R413I21000000M	Cái	12	1.002	12.029
2090	CAP-FILM,DIP;1uF,10%, 560Vdc/275Vac,27.5_32x11x20.1MM	R46KR410000M1K	Cái	6	4.567	27.404
2091	CAP-FILM,DIP;0.022uF,20%,1kVdc/300Vac,15_17.5x7x13.5MM	BFC233860223	Cái	12	2.829	33.952
2092	CAP-FILM,DIP;2.2uF,20%,630Vdc/305Vac,27.5_31.5x14x24.5MM	B32924C3225M	Cái	5	8.261	41.303
2093	CAP-CER,SMD;470pF,5%,1206,1KV,NP0	1206AA471JAT1A	Cái	23	1.024	23.546
2094	CAP-CER,SMD;100pF,5%,1206,1KV,NP0	CC1206JKNPOCBN101	Cái	47	324	15.214
2095	CAP-ALUM,DIP;270uF,20%,_D22x50,450V,_	EET-UQ2W271BA	Cái	37	15.208	562.681
2096	CAP-CER,SMD;1000pF,20%,1206,1KV,X7R	C1206C103MDRACTU	Cái	40	1.140	45.582
2097	CAP-FILM,DIP;0.22uF,20%,630Vdc/310Vac,15_17.5x7x13.5MM	BFC233820224	Cái	12	3.255	39.055
2098	CAP-FILM,DIP;0.47uF,10%,400Vdc/220Vac,15_17.5x8.5x15MM	BFC237353474	Cái	12	4.259	51.104
2099	CAP-ALUM,DIP;470uF,20%,5_D12.5x30,63V,_	EEU-FC1J471L	Cái	6	2.154	12.922
2100	CAP-ALUM,DIP; 680uF,20%,12M5X12M5X40M,63V,21mOHM	EKZE630ELL681MK40S	Cái	2	4.449	8.898
2101	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,2kV,X7R	CC1206KKX7RDBB102	Cái	38	452	17.168
2102	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,1KV,X7R	CC1206KKX7RCBB102	Cái	14	633	8.858

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2103	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,100V,X7R	CC1206KRX7R0BB102	Cái	4	400	1.600
2104	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,100V,X7R	12061C104KAT2A	Cái	30	331	9.923
2105	CAP-FILM,DIP;0.033uF,20%,630Vdc/305Vac,10_13x4x9MM	B32921C3333M	Cái	15	1.697	25.454
2106	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0805,200V,NP0	CC0805JRNPOABN101	Cái	36	354	12.755
2107	CAP-CER,SMD;10uF,20%,1210,50V,Y5V	C3225Y5V1H106Z	Cái	43	797	34.288
2108	CAP-ALUM,DIP; 22uF,20%,3.5_D8x11.5,680mOHM	EEU-FC2A220	Cái	8	1.693	13.544
2109	CAP-ALUM,DIP;47uF,20%,3.5_D8x12.5,100V,_	ECA-2AM470	Cái	12	798	9.572
2110	CAP-CER,SMD;0.1UF,10%,1206,100V,X7R	C1206C104K1RACTU	Cái	35	394	13.781
2111	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,1206,1KV,X7R	CC1206KXX7RCBB103	Cái	4	1.668	6.671
2112	CAP-CER,SMD;1000pF,5%,0603,50V,NP0	CC0603JRNPO9BN102	Cái	14	62	872
2113	CAP-CER,DIP;1000pF,10%,5_D9x12,1KV,B	DEHR33A102KA2B	Cái	10	1.276	12.758
2114	CAP-CER,SMD;0.1uF,20%,0603,50V,Y5V	CC0603ZRY5V9BB104	Cái	138	17	2.277
2115	CAP-CER,SMD;220pF,10%,0603,50V,X7R	CC0603KRX7R9BB221	Cái	63	82	5.160
2116	CAP-CER,SMD;3300pF,10%,0805,50V,X7R	CC0805KRX7R9BB332	Cái	18	148	2.665
2117	CAP-CER,SMD;4700pF,10%,0805,50V,X7R	C0805C472K5RACTU	Cái	18	394	7.088
2118	CAP-CER,SMD;220pF,5%,0805,50V,NP0	C2012C0G1H221J	Cái	12	134	1.611
2119	CAP-CER,SMD;40uF,10%,1206,50V,X5R	C3216X5R1H106K	Cái	30	1.772	53.154
2120	CAP-CER,SMD;330pF,10%,0805,1KV,X7R	C0805C331KDRACTU	Cái	17	1.319	22.422
2121	CAP-CER,SMD;1uF,20%,0805,50V,Y5V	C2012Y5V1H105Z/0.85	Cái	18	866	15.593
2122	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0805,35V,X7R	CGA4J3X7R1V105K	Cái	36	551	19.845
2123	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0603,16V,X7R	GRM188R71C104KA01D	Cái	39	35	1.351
2124	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H101J	Cái	44	43	1.907
2125	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H330J	Cái	35	51	1.790
2126	CAP-CER,SMD;1UF,20%,0402,16V,X5R	C1005X5R1C105M	Cái	6	315	1.890
2127	CAP-ALUM,DIP; 100uF,20%,2.5_D6.3x11,25V,250mOHM	UPW1E101MED	Cái	6	906	5.433
2128	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0603,16V,X7R	C1608X7R1C105K	Cái	114	91	10.328
2129	CAP-CER,SMD;680pF,10%,0805,50V,X7R	CC0805KRX7R9BB681	Cái	39	145	5.651
2130	CAP-CER,SMD;510pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H511J	Cái	17	315	5.355
2131	CAP-CER,SMD;4700pF,10%,0402,50V,X7R	CC0402KRX7R9BB472	Cái	16	21	343
2132	CAP-CER,SMD;0.022uF,10%,0402,50V,X7R	CGA2B3X7R1H223K	Cái	7	284	1.985
2133	CAP-CER,SMD;1000pF,5%,0402,50V,X7R	04025C102JAT2A	Cái	72	189	13.608
2134	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,50V,NP0	C0603C101J5GACTU	Cái	29	35	1.027
2135	CAP-CER,SMD;220pF,5%,0402,50V,NP0	CC0402JRNPO9BN221	Cái	27	68	1.827
2136	CAP-CER,SMD;68pF,5%,0603,50V,NP0	CC0603JRNPO9BN680	Cái	64	34	2.170
2137	CAP-CER,SMD;0.33uF,10%,1206,100V,X7R	C3216X7R2A334K	Cái	4	2.481	9.922
2138	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,NP0	C0603C330J5GACTU	Cái	18	98	1.771
2139	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R	C0603C103K5RACTU	Cái	14	24	330
2140	CAP-CER,SMD;470pF,5%,0603,50V,NP0	CC0603JRNPO9BN471	Cái	37	93	3.435
2141	CAP-CER,SMD;0.1UF,10%,0402,50V,X5R	C1005X5R1H104K	Cái	70	142	9.923
2142	CAP-CER,SMD;0.033UF,20%,0402,50V,X7R	C1005X7R1H333M	Cái	4	193	772
2143	CAP-CER,SMD;2200pF,10%,0402,50V,X7R	CC0402KRX7R9BB222	Cái	54	44	2.381
2144	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,100V,NP0	C1608C0G2A101J	Cái	17	213	3.613
2145	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,100V,X7R	C2012X7R2A104K	Cái	10	488	4.883
2146	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0805,50V,Y5V	C2012Y5V1H225Z	Cái	32	413	13.229
2147	BRIDGE;800V,4A,GBL, GPP 1PH,GBL08-E3/45	GBL08-E3/45	Cái	3	4.370	13.111
2148	IC;DIODE UFAST 15A 600V,TO-220-2,APT15DQ60KG	APT15DQ60KG	Cái	9	4.996	44.962
2149	DIODE-RECTIFIER;1000V,3A, DIP DO-201AD	1N5408-E3/54	Cái	3	984	2.953
2150	DIODE-SCHOTTKY;600V,1A,SMD,MURS160-E3/5BT	MURS160-E3/5BT	Cái	10	1.114	11.142
2151	DIODE-SWITCHING;100V,215mA,SOT23-3,BAV70,215	BAV70,215	Cái	6	299	1.796
2152	DIODE-SWITCHING;100V,1A,SMA,RS1B-E3/61T	RS1B-E3/61T	Cái	2	354	709
2153	DIODE-ZENER;18V,250mW,SOT23-3,BZX84-C18,235	BZX84-C18,235	Cái	11	382	4.201
2154	DIODE-ULTRAFAST;100V,200mA,SOT23-3,MMBD7000	MMBD7000	Cái	69	138	9.512
2155	DIODE-SCHOTTKY;1000V,1A,DO-204AC,BYV26EGP-E3/54	BYV26EGP-E3/54	Cái	4	1.378	5.512

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2156	DIODE-SCHOTTKY;800V,1.5A,SMA,BYG21K-E3/TR	BYG21K-E3/TR	Cái	2	1.276	2.552
2157	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOT23-3,BAT54A-TP	BAT54A-TP	Cái	4	1.386	5.544
2158	DIODE-SWITCHING;200V,200mA,SOT23-3,MMBD7000-V-GS08	MMBD7000-V-GS08	Cái	19	599	11.372
2159	DIODE-ZENER;3.3V,500mW,SOD-123,MMSZ4684-TP	MMSZ4684-TP	Cái	11	473	5.198
2160	DIODE-SWITCHING;70V,250mA,SOT23-3,BAW56-V-GS08	BAW56-V-GS08	Cái	6	725	4.347
2161	TVS-DIODE;UN-DIR,400W,12V/13.3V,SMA	SMAJ12A-E3/6I	Cái	9	1.069	9.617
2162	LED-SMD;2V,20mA,0805,YELLOW CLEAR THIN	LTST-C171KSKT	Cái	2	429	858
2163	LED-SMD;2V,20mA,0805,GREEN CLEAR THIN	LTST-C171KGKT	Cái	4	429	1.717
2164	LED-SMD;2V,20mA,0805,SUPER RED CLEAR	LTST-C170KRKT	Cái	3	866	2.599
2165	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOT23-3,BAS40-06-7-F	BAT54C-7-F	Cái	2	547	1.095
2166	MOS-FET;N-Channel,600V,37.9A,TO247-3	IPW60R099C6	Cái	52	24.079	1.252.095
2167	MOS-FET;N-Channel,600V,34.1A,TO-247-3	SPW35N60CFD	Cái	9	28.373	255.355
2168	TRANS-BJT;NPN,32V,2A,SOT89-3	2DD1766R-13	Cái	37	1.095	40.498
2169	TRANS-BJT;PNP,32V,2A,SOT89-3	2DBI188R-13	Cái	37	1.095	40.515
2170	MOS-FET;N-Channel,60V,475mA,SOT23-3	2N7002F,215	Cái	16	501	8.014
2171	TRANS-BJT;NPN,40V,600mA,SC70-3	MMST4401-7-F	Cái	6	731	4.385
2172	TRANS-BJT;PNP,40V,600mA,SC70-3	MMST4403-7-F	Cái	2	731	1.462
2173	RES-SMD;36KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-0736KL	Cái	39	55	2.135
2174	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-074K7L	Cái	168	58	9.778
2175	RES-SMD;0.012OHM,1%,2512,1W	KRL3264-C-R012-F-TI	Cái	63	1.443	90.890
2176	RES-SMD;1MOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT1M00	Cái	34	55	1.872
2177	RES-SMD;100KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-07100KL	Cái	66	25	1.634
2178	RES-SPECIAL;0.75OHM,1%,3W,WIREWOUND	PAC300007507FAC000	Cái	6	3.599	21.592
2179	RES-SMD;100OHM,5%,1210,1/3W	RMCF1210JT100R	Cái	12	579	6.946
2180	RES-SMD;330KOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT330K	Cái	9	55	495
2181	RES-SMD;3.3KOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT3K30	Cái	58	55	3.193
2182	RES-SMD;100KOHM,5%,1210,1/3W	RMCF1210JT100K	Cái	18	241	4.344
2183	RES-SMD;0OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	Cái	23	28	635
2184	RES-SMD;27.4KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT27K4	Cái	36	54	1.955
2185	RES-SMD;150KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT150K	Cái	18	67	1.204
2186	RES-SMD;1KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT1K00	Cái	37	36	1.338
2187	RES-SMD;3.01KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT3K01	Cái	37	54	2.009
2188	RES-SMD;27OHM,1%,1206,1/4W	RMCF1206FT27R0	Cái	37	95	3.524
2189	RES-SMD;1OHM,1%,1206,1/4W	RMCF1206FT1R00	Cái	37	95	3.524
2190	RES-SMD;30KOHM,5%,0805,1/8W	CRCW080530K0JNEA	Cái	2	276	551
2191	RES-SMD;0.2OHM,5%,1206,1/4W	CR1206-FX-1001ELF	Cái	13	95	1.229
2192	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT20K0	Cái	43	41	1.780
2193	RES-SMD;200OHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT200R	Cái	36	45	1.615
2194	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT10K0	Cái	112	35	3.881
2195	RES-SMD;390OHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT390R	Cái	37	72	2.681
2196	RES-SMD;200OHM,5%,1206,1/4W	MCR18EZPJ20I	Cái	17	163	2.777
2197	RES-SMD;15KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT15K0	Cái	64	41	2.650
2198	RES-SMD;300OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT300R	Cái	35	54	1.901
2199	RES-SMD;5.1KOHM,1%,0603,1/10W	CRCW06035K10PFKEA	Cái	37	158	5.828
2200	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT4K70	Cái	51	41	2.111
2201	RES-SMD;47KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT47K0	Cái	18	67	1.204
2202	RES-SMD;7.5OHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-077R5L	Cái	51	47	2.410
2203	RES-SMD;10KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-0710KL	Cái	126	58	7.333
2204	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-074K7L	Cái	58	21	1.235
2205	RES-SMD;75OHM,1%,0805,1/8W	RC0805JR-0775RL	Cái	128	12	1.517
2206	RES-SMD;20OHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-0720RL	Cái	44	90	3.947
2207	RES-SMD;4.7KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-074K7L	Cái	69	90	6.189
2208	RES-SMD;15OHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-0715RL	Cái	29	35	1.018
2209	RES-SMD;5.11KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF5111V	Cái	33	54	1.792
2210	RES-SMD;0.0OHM,1%,1206,1/4W	RC1206JR-070RL	Cái	25	41	1.024
2211	RES-SMD;2KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT2K00	Cái	15	28	414
2212	RES-SMD;1OHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT1R00	Cái	18	114	2.055
2213	RES-SMD;62OHM,5%,1206,1/4W	RC1206JR-0762RL	Cái	19	87	1.644

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2214	RES-SMD;0.00HM,_0603,1/10W	RC0603JR-070RL	Cái	16	19	302
2215	RES-SMD;475KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-07475KL	Cái	63	55	3.449
2216	RES-SMD;22KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0722KL	Cái	39	41	1.597
2217	RES-SMD;130KOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-07130KL	Cái	60	47	2.835
2218	RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/16W	CPF0603F1K0C1	Cái	25	164	4.106
2219	RES-SMD;10KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0710KL	Cái	39	41	1.597
2220	RES-SMD;7.5KOHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-077K5L	Cái	37	58	2.153
2221	RES-SMD;110KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-07110KL	Cái	28	25	693
2222	RES-SMD;3MOHM,1%,1206,1/4W	RC1206FR-073ML	Cái	37	90	3.319
2223	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-0720KL	Cái	38	41	1.556
2224	RES-SMD;7.5KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-077K5L	Cái	28	41	1.147
2225	RES-SMD;200OHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-07200RL	Cái	36	41	1.474
2226	RES-SMD;2.49KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-072K49L	Cái	17	12	201
2227	RES-SMD;300KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-304-D	Cái	17	366	6.225
2228	RES-SMD;100OHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-101-D	Cái	38	198	7.513
2229	RES-SMD;820OHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-821-D	Cái	35	198	6.920
2230	RES-SMD;10KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-103-D	Cái	36	198	7.117
2231	RES-SMD;15KOHM,0.1%,0603,1/10W	RT0603BRE0715KL	Cái	16	2.362	37.798
2232	THERMISTOR;NTC,10KOHM @ 25°C,1%,RAD	B57885S103F1	Cái	60	6.041	362.466
2233	RES-SMD;510OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT510R	Cái	17	67	1.137
2234	RES-SMD;00HM,5%,0805,1/8W	RMCF0805ZT0R00	Cái	17	83	1.405
2235	RES-SMD;35.7KOHM,1%,0603,1/10W	CRCW060335K7FKEA	Cái	23	98	2.263
2236	RES-SMD;3.9KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW04023K90FKED	Cái	16	158	2.520
2237	RES-SMD;2.05KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-2051-D-M	Cái	17	366	6.225
2238	RES-SMD;12.4KOHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT12K4	Cái	13	114	1.484
2239	RES-SMD;430OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT430R	Cái	18	98	1.771
2240	RES-SMD;62KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT62K0	Cái	36	45	1.615
2241	RES-SMD;13KOHM,1%,0805,1/8W	RMCF0805FT13K0	Cái	25	48	1.200
2242	RES-SMD;45.3KOHM,1%,0805,1/8W	CRCW080545K3FKEA	Cái	18	177	3.189
2243	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0402,1/16W	RMCF0402JT4K70	Cái	120	28	3.312
2244	RES-SMD;820KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT820K	Cái	13	54	706
2245	RES-SMD;2.55KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-2551-D-M	Cái	32	198	6.326
2246	RES-SMD;300KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW0402300KFKED	Cái	17	158	2.678
2247	RES-SMD;2.2KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT2K20	Cái	18	98	1.771
2248	RES-SMD;10KOHM,1%,0402,1/16W	RMCF0402FT10K0	Cái	114	31	3.506
2249	RES-SMD;3.9KOHM,1%,0603,1/10W	RC0603FR-073K9L	Cái	37	41	1.515
2250	RES-SMD;3KOHM,1%,0402,1/16W	CRCW04023K00FKED	Cái	72	175	12.582
2251	RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT100R	Cái	16	98	1.574
2252	RES-SMD;270OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT270R	Cái	16	67	1.070
2253	RES-SMD;620OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT620R	Cái	17	67	1.137
2254	RES-SMD;820OHM,5%,0402,1/16W	RMCF0402JT820R	Cái	30	36	1.085
2255	RES-SMD;5.6KOHM,0.5%,0603,1/16W	RR0816P-562-D	Cái	18	366	6.591
2256	RES-SMD;20KOHM,1%,0402,1/16W	RMCF0402FT20K0	Cái	14	98	1.378
2257	RES-SMD;33OHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT33R0	Cái	18	67	1.204
2258	RES-SMD;200OHM,0.5%,0402,1/16W	RR0510P-201-D	Cái	16	311	4.978
2259	RES-SMD;2.49KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-2491-D-M	Cái	17	366	6.225
2260	RES-SMD;1KOHM,0.5%,0805,1/10W	RR1220P-102-D	Cái	18	366	6.591
2261	TVS-VARISTOR;615VDC,460VAC,6.5kA,300J,10_D20mm	ERZ-V20D751	Cái	8	3.571	28.566
2262	TVS-VARISTOR;505VDC,385VAC,6.5kA,220J,20_D20mm	MOV-20D621K	Cái	5	2.455	12.277
2263	TVS-VARISTOR;560VDC,420VAC,6.5kA,160J,_D20mm	V420LA40BP	Cái	6	3.098	18.588
2264	IC;OFFLINE CTRLR PWM UVLO,8-SOIC,UCC28C43D	UCC28C43D	Cái	9	6.990	62.906
2265	IC;VOLT REG FIX NEG 5V,8-SOIC,MC79L05ACDR	MC79L05ACDR	Cái	5	1.137	5.686
2266	OPTOISOLATOR;HIGH VCEO 1CH,4-SMD	LTV-816S	Cái	21	749	15.719
2267	IC;VREF SHUNT PREC ADJ,SOT23-3,TL432AIDBZR	TL432AIDBZR	Cái	17	1.251	21.264
2268	IC;DRIVER HIGH/LOW SIDE,8-SOIC,IR21814SPBF	IR21814SPBF	Cái	5	9.466	47.331
2269	IC;OPAMP JFET 3MHZ DUAL,8-SOIC,TL082IDR	TL082IDR	Cái	11	2.211	24.323

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2270	IC;OPAMP DUAL 0-70DEG,8-SOIC	LM358MX	Cái	5	2.317	11.584
2271	IC;OPAMP GP 700KHZ DUAL,8-SOIC,LM258DR	LM258DR	Cái	5	1.082	5.410
2272	IC;DUAL DIFF COMP,8-SOIC,LM2903DR	LM2903DR	Cái	11	1.082	11.901
2273	IC;VREF SHUNT PREC ADJ,SOT23-3,TL432BIDBZT	TL432BIDBZT	Cái	5	3.821	19.104
2274	IC;AMP DUAL BIPOLAR OP LP,8-SOIC,MC33172DT	MC33172DT	Cái	22	2.036	44.791
2275	IC;COMP DUAL OFFSET LV,8SOIC,LM2903DG	LM2903DG	Cái	5	1.130	5.650
2276	IC;TXRX CAN INTERFACE,8-SOIC,PCA82C250T/YM,118	PCA82C250T/YM,118	Cái	5	5.399	26.994
2277	IC;TXRX ISOLATED CAN 5V,16-SOIC,ISO1050DW	ISO1050DW	Cái	5	18.604	93.020
2278	FUSE-CER;FAST,30A, 100AAC/400ADC,250V,3AB	0324030.MXP	Cái	10	7.579	75.794
2279	GDT;1500VDC,5.0kA,AXIAL,CG31.5L	CG31.5L	Cái	3	12.489	37.467
2280	CONN-DIP;HEADER,8PIN,0.1R/A 15AU	68021-208HLF	Cái	6	1.427	8.562
2281	FB;1-40MHz,3.12mmO.Dx1.02mmI.D	FB73-110-RC	Cái	60	433	25.983
2282	FB;120OHM@100MHz,800mA,0805	BLM21AG121SN1D	Cái	31	260	8.054
2283	IND-COM-SMD;50uH,9M2X6MX5M3,0.8A,320mOHM	SRF0905-500Y	Cái	14	3.722	52.101
2284	FILTER-SMD;CHOKE COMMONMODE,1.27X1.27MMX4PINS,1.17MHZ,1.22A	P0354NLT	Cái	4	5.748	22.994
2285	IND-COM-SMD;500uH,9M2X6MX5M3,1A,150mOHM	SRF0905-501Y	Cái	1	3.722	3.722
2286	IND-SMD;100uH,20%,5M8X5M2X4M5,520mA,700mOHM	HM79-20101LFTR13	Cái	5	3.254	16.271
2287	THERMAL-PAD,TO-220, 21.84x18.79x0.23MM, SP400	SP400-0.009-00-90	Cái	200	944	188.820
2288	FAN-DC; 12V,3wire,80mm, EFB0812EHF-TZWH	EFB0812EHF-TZWH	Cái	4	11.444	45.776
2289	CONN-RING;TERM,6AWG,192210416	192210416	cái	215	8.223	1.767.913
2290	CAP-FILM,DIP;0.033uF,20%,18x5x10.5mm,760VDC	B32912A3333M	cái	30	3.882	116.465
2291	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,25V,X7R	GRM188R71E103KA01D	cái	1.024	152	155.290
2292	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,100V,X7R	CL10B103KC8NNNC	cái	210	311	65.331
2293	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H100D080AA	cái	116	405	46.963
2294	CAP-CER,SMD;0.1uF,-20%+80%,0603,50V,Y5V	06035G104ZAT2A	cái	1.304	354	461.029
2295	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,0603,100V,X7R	C1608X7R2A102K080AA	cái	655	195	127.430
2296	CAP-CER,SMD;22pF,10%,0603,25V,NP0	06033A220KAT2A	cái	67	1.442	96.611
2297	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R	C1608X7R1H103K080AA	cái	75	312	23.400
2298	CAP-CER,SMD;1000pF,5%,0603,50V,NP0	CC0603JRNPO9BN102	cái	11	1.394	15.332
2299	CAP-CER,SMD;10uF,20%,0603,10V,X5R	C1608X5R1A106M080AC	cái	13	3.344	43.466
2300	CAP-CER,SMD;220pF,10%,0603,50V,X7R	CC0603KRX7R9BB221	cái	11	1.435	15.784
2301	CAP-CER,SMD;0.033uF,10%,0603,50V,X7R	CC0603KRX7R9BB333	cái	13	1.379	17.922
2302	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H101J080AA	cái	30	456	13.689
2303	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0805,200V,NP0	CC0805JRNPOABN101	cái	450	213	95.715
2304	CAP-CER,SMD;220pF,5%,0805,200V,NP0	08052A221JAT2A	cái	54	1.094	59.081
2305	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0805,50V,NP0	CL21C1001BANNNC	cái	60	435	26.073
2306	CAP-CER,SMD;220pF,10%,0805,200V,X7R	CC0805KRX7RABB221	cái	14	1.677	23.480
2307	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0805,25V,X7R	CL21B225KAFNFNE	cái	30	974	29.214
2308	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0805,50V,X7R	C0805C103K5RAC7411	cái	120	293	35.154
2309	CAP-CER,SMD;0.1uF,-20%+80%,0805,50V,Y5V	CL21F104ZBCNNNC	cái	12	1.379	16.544
2310	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,0805,50V,X7R	C0805C102K5RAC7411	cái	30	793	23.796
2311	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,200V,X7R	12062C104KAT2A	cái	30	4.929	147.884
2312	CAP-CER,SMD;2.2uF,20%,1206,100V,X7S	C3216X7S2A225M160AB	cái	7	5.247	36.726

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2313	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,100V,X7R	C1206C104K1RACTU	cái	15	2.154	32.310
2314	CAP-CER,SMD;2200pF,10%,1206,100V,X7R	CC1206KRX7R0BB222	cái	26	1.811	47.089
2315	CAP-CER,SMD;4.7uF,10%,1206,50V,X5R	UMK316ABJ475KD-T	cái	27	1.312	35.433
2316	CAP-CER,SMD;47uF,20%,1210,16V,X5R	C1210C476M4PACTU	cái	205	2.515	515.585
2317	CAP-CER,SMD;10uF,20%,1210,50V,X5R	UMK325BJ106MM-T	cái	15	4.160	62.397
2318	CAP-ALUM,DIP;330uF,20%,6.3x11mm,6.3V	EKZE6R3ELL331MF11D	cái	69	1.271	87.675
2319	CAP-ALUM,DIP;680uF,20%,10x20mm,25V	EKZE250ELL681MJ20S	cái	44	2.498	109.923
2320	CAP-ALUM,DIP;220uF,20%,12.5x22mm,100V	ECA-2AM221	cái	11	4.542	49.960
2321	CAP-ALUM,DIP;0.1F,-20%+80%,13.5x7.5mm,5.5V	EEC-F5R5U104	cái	11	6.975	76.722
2322	TERM-BLOCK;PLUG,F,1Rx4Px5.08mm,796634-4,12-30AWG	796634-4	cái	27	12.671	342.124
2323	CONN-DIP;Header,M,1Rx5Px2.54mm,68002-205HLF,GOLD	68002-205HLF	cái	39	1.187	46.274
2324	TERM-BLOCK;PCB,M,2Rx2Px3.5mm,1985195,16-24AWG	1985195	cái	60	1.363	81.756
2325	TERM-BLOCK;PCB,M,2Rx3Px3.5mm,1985205,16-24AWG	1985205	cái	54	1.944	104.984
2326	TERM-BLOCK;PCB,M,2Rx4Px3.5mm,1985218,16-24AWG	1985218	cái	51	2.777	141.632
2327	TERM-BLOCK;Header,M,1Rx4Px5.08mm,796638-4,12-30AWG	796638-4	cái	30	5.167	155.021
2328	CONN-DIP;Mod Jack,M,2Rx8Px2.54mm,5555153-1,No led	5555153-1	cái	15	10.699	160.484
2329	CRYSTAL;32.768KHZ,10PPM,6pF,1.9x6.2mm,CFS206-32.768KEZB	CFS206-32.768KEZB	cái	15	2.271	34.065
2330	CRYSTAL;25MHZ,30PPM,20pF,7x4.1x2.3mm,ECS-250-20-3X-TR	ECS-250-20-3X-TR	cái	15	3.722	55.829
2331	CRYSTAL;8MHZ,30PPM,20pF,11.1x4.83x4.3mm,ATS08ASM-1E	ATS08ASM-1E	cái	30	3.297	98.924
2332	DIODE-SWITCHING;600V,1A,SMA,S1J-13-F	S1J-13-F	cái	85	670	56.980
2333	DIODE-SWITCHING;800V,1.5A,DO214AC,BYG21K-E3/TR	BYG21K-E3/TR	cái	20	3.013	60.267
2334	TVS-DIODE;UNI-DIR,4000W,15VWM/24.4VC,SMA,SMAJ15A	SMAJ15A	cái	124	1.776	220.224
2335	DIODE-FAST;1KV,1A,SMA,US1M-13-F	US1M-13-F	cái	30	2.037	61.101
2336	DIODE-SCHOTTKY;200V,3A,DO214AA,S320	S320	cái	14	3.564	49.890
2337	DIODE-ARRAY;300V,225mA,SOT-23-3,MMBD3004A-7-F	MMBD3004A-7-F	cái	232	723	167.632
2338	DIODE-ARRAY;100V,215mA,TO236AB,BAV70,215	BAV70,215	cái	57	1.202	68.520
2339	DIODE-SCHOTTKY;40V,200mA,SOT-23-3,BAS40-04-7-F	BAS40-04-7-F	cái	27	1.801	48.624
2340	DIODE-ZENER;3V,350mW,SOT-23-3,MMBZ5225B-7-F	MMBZ5225B-7-F	cái	12	2.168	26.015
2341	GDT;300V,5kA,5.5mmDx6mmL,2057-30-BT11LF	2057-30-BT11LF	cái	15	2.412	36.173
2342	GDT;1600V,5kA,8mmDx8mmL,2095-160-BLF	2095-160-BLF	cái	30	5.353	160.583
2343	IC;IC MCU 32BIT 256KB FLASH,100LQFP,-40°C+85°C,LM3S8962-IQC	LM3S8962-IQC	cái	15	89.751	1.346.263
2344	IC;IC MCU 32BIT 128KB FLASH,100LQFP,-40°C+85°C,TM4C1231E6PZI	TM4C1231E6PZI	cái	7	34.916	244.415
2345	IC;IC TXRX ISOLATED CAN 5V,16SOIC,-55°C+105°C,ISO1050DW	ISO1050DW	cái	40	32.891	1.315.632
2346	IC;IC TXRX RS232 5V 15KV,16SOIC,0°C+70°C,ADM202JRNZ-REEL	ADM202JRNZ-REEL	cái	10	12.058	120.579
2347	TVS-DIODE;BI-DIR,3.3kW,3.3V/17V,8SOIC,LC03-3.3BTG	LC03-3.3BTG	cái	30	9.978	299.345
2348	IC;IC OFFLINE CTRLR PWM UVLO,8SOIC,-40°C+105°C,UCC28C43D	UCC28C43D	cái	10	9.598	95.981
2349	IC;IC RTC CLK/CALENDAR I2C,8SOIC,-40°C+85°C,BQ32000DR	BQ32000DR	cái	14	10.678	149.493
2350	IC;IC EEPROM 2KBIT 400KHZ,8SOIC,-40°C+85°C,24LC02B-I/SN	24LC02B-I/SN	cái	15	1.136	17.035

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2351	IC;IC OPAMP GP 700KHZ,8SOIC,-40°C+125°C,LM2904DR	LM2904DR	cái	45	1.526	68.654
2352	IC;IC DCTL ISO 2CH CMOS 1MBPS,8SOIC,-40°C+125°C,ISO7221ADR	ISO7221ADR	cái	24	11.932	286.376
2353	IC;IC REG LDO 3.3V 0.8A,SOT-223-4,-40°C+125°C,TLV1117-33IDCYR	TLV1117-33IDCYR	cái	54	3.737	201.771
2354	IC;IC REG LDO 5V 0.8A,SOT-223-4,-0°C+125°C,LM1117MPX-5.0/NOPB	LM1117MPX-5.0/NOPB	cái	43	6.011	258.471
2355	IC;IC VREF SHUNT PREC ADJ,SOT-23-3,-40°C+85°C,TL432AIDBZR	TL432AIDBZR	cái	13	3.370	43.815
2356	IC;IC SUPERVISOR WATCHDOG,SOT-23-5,-40°C+85°C,ADM6316DZ26ARJZ-R7	ADM6316DZ26ARJZ-R7	cái	43	6.909	297.100
2357	MOS-FET;N-CHANNEL,200V,5A,DPAK,IRFR220NTRPBF	IRFR220NTRPBF	cái	11	4.681	51.488
2358	IC;IC DARL ARRAY 7CH,16TSSOP,-40°C+85°C,U LN2003LVPWR	ULN2003LVPWR	cái	86	3.090	265.740
2359	IND-SMD;10uH,20%,6MX6MX4M8,1.6A,39mOHM	SLF6045T-100M1R6-3PF	cái	20	6.739	134.775
2360	IND-SMD;6.8uH,20%,4M5X4MX3M5,1.54A,131mOHM	744773068	cái	55	7.280	400.373
2361	IND-SMD;1.17mH,20%,12M7X12M7X5M46,1.22A,200mOHM	P0354NLT	cái	15	13.386	200.786
2362	FB;150OHM@100MHz,800mA,0805,MU2029-151Y	MU2029-151Y	cái	254	160	40.577
2363	FB;310OHM@100MHz,7mmDlx15.65mmDOx15mmL,28B0616-000	28B0616-000	cái	15	3.131	46.960
2364	LED-SMD;2.2V,25mA,0805,570NM GREEN,LG R971-KN-1-0-20-R18	LG R971-KN-1-0-20-R18	cái	65	548	35.607
2365	LED-SMD;2.2V,25mA,0805,633NM RED,LS R976-NR-1	LS R976-NR-1	cái	15	1.651	24.768
2366	OPTOISO-SMD;5kV,1.2V/50mA,4-SMD,LTV-816S	LTV-816S	cái	9	892	8.030
2367	OPTOISO-SMD;3.75kV,1.2V/100mA,8-SMD,LOC110STR	LOC110STR	cái	26	10.139	263.609
2368	RELAY;24VDC/250VAC-125VDC,10A,SPDT,G5LE-1DC24	G5LE-1 DC24	cái	40	6.444	257.742
2369	RELAY;24VDC/250VAC-220VDC,2A,DPDT,V23079A1005B301	V23079A1005B301	cái	225	9.796	2.204.010
2370	RES-ARRAY;10KOHM,5%,8 RES,2506	742C163103JP	cái	63	3.122	196.673
2371	RES-SMD;1.0KOHM,5%,0603,1/4W	ESR03EZPJ102	cái	231	225	51.940
2372	RES-SMD;10KOHM,1%,0603,1/4W	ESR03EZPF1002	cái	90	448	40.352
2373	RES-SMD;0.0OHM,JUMP,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	cái	2	489	978
2374	RES-SMD;15KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT15K0	cái	15	1.397	20.957
2375	RES-SMD;300OHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT300R	cái	52	1.397	72.649
2376	RES-SMD;330OHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ331V	cái	3	1.802	5.407
2377	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ472V	cái	37	368	13.598
2378	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT20K0	cái	100	495	49.545
2379	RES-SMD;47KOHM,5%,0603,1/10W	RMCF0603JT47K0	cái	15	1.354	20.306
2380	RES-SMD;470KOHM,5%,0603,1/10W	ERJ-3GEYJ474V	cái	3	1.802	5.407
2381	RES-SMD;10MOHM,5%,0805,1/8W	ERJ-6GEYJ106V	cái	30	737	22.109
2382	RES-SMD;49.9OHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF49R9V	cái	114	434	49.487
2383	RES-SMD;75OHM,5%,0805,1/8W	ERJ-6GEYJ750V	cái	60	396	23.778
2384	RES-SMD;200OHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT200R	cái	55	363	19.973
2385	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT10K0	cái	90	258	23.234
2386	RES-SMD;30KOHM,5%,0805,1/8W	CRCW080530K0JNEA	cái	79	645	50.931
2387	RES-SMD;12.4KOHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF1242V	cái	15	1.802	27.036
2388	RES-SMD;130KOHM,1%,0805,1/8W	CRCW0805130KFKEA	cái	25	1.743	43.571
2389	RES-SMD;27KOHM,0.1%,0805,1/8W	ERA-6AEB273V	cái	51	1.979	100.949
2390	RES-SMD;10.0KOHM,1%,0805,1/8W	MCR10EZPF1002	cái	14	175	2.455
2391	RES-SMD;3.3KOHM,0.1%,0805,1/8W	ERA-6AEB332V	cái	26	4.668	121.368
2392	RES-SMD;220OHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT220R	cái	30	693	20.781
2393	RES-SMD;2.2KOHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF2201V	cái	28	787	22.029
2394	RES-SMD;68KOHM,5%,0805,1/8W	ERJ-6GEYJ683V	cái	55	396	21.797
2395	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF4701V	cái	15	1.802	27.036
2396	RES-SMD;100OHM,1%,0805,1/8W	RC0805FR-07100RL	cái	30	711	21.330
2397	RES-SMD;2.2KOHM,5%,0805,1/8W	ERJ-6GEYJ222V	cái	250	114	28.613
2398	RES-SMD;100KOHM,1%,1206,1/4W	ERJ-8ENF1003V	cái	15	1.802	27.036

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2399	RES-SMD;100HM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT10R0	cái	29	1.446	41.930
2400	RES-SMD;390OHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT390R	cái	57	730	41.630
2401	RES-SMD;1MOHM,5%,1206,1/4W	RMCF1206JT1M00	cái	224	391	87.629
2402	RES-SMD;270HM,1%,1206,1/4W	RMCF1206FT27R0	cái	15	1.500	22.496
2403	RES-SMD;1KOHM,1%,1206,1/4W	CRI206-FX-1001ELF	cái	26	1.802	46.862
2404	RES-SMD;1OHM,1%,1206,1/4W	RMCF1206FT1R00	cái	29	1.500	43.491
2405	RES-SMD;2OHM,5%,1206,1/4W	CRCW12062R00JNEA	cái	29	1.770	51.339
2406	RES-SMD;0OHM,JUMP,1206,1/4W	ERJ-8GEY0R00V	cái	28	780	21.848
2407	RES-SMD;68KOHM,1%,1206,1/4W	ERJ-8ENF6802V	cái	138	278	38.336
2408	RES-SMD;62OHM,5%,1206,1/4W	ERJ-8GEYJ620V	cái	15	1.802	27.036
2409	RES-DIP;10KOHM,5%,2.4x6.3mm,1W	FMP100JR-52-10K	cái	190	285	54.065
2410	RES-SMD;4.3KOHM,5%,2010,3/4W	ERJ-12ZYJ432U	cái	225	766	172.260
2411	RES-DIP;1.5KOHM,5%,4x12mm,2W	ERG-2SJ152	cái	45	906	40.790
2412	RES-DIP;0.51OHM,5%,5.5x15mm,3W	ERX-3SJR51A	cái	30	2.866	85.973
2413	TRANSFORMER;XFRMR MODULE IPORT 1:1 10/100,14.81mm Lx11.68mmWx5.13mmH,H112NLT	H112NLT	cái	30	21.037	631.121
2414	TRANS-BJT;NPN,300V,500mA,SOT-23-3,MMBTA42-7-F	MMBTA42-7-F	cái	254	404	102.718
2415	TVS-VARISTOR;615VDC,460VAC,675V/7.5KA,20mm RADIAL,ERZ-V20D751	ERZ-V20D751	cái	72	9.022	649.609
2416	TVS-VARISTOR;18VDC,14VAC,20V/250A,7mm RADIAL,MOV-07D220KTR	MOV-07D220KTR	cái	15	664	9.963
2417	TVS-VARISTOR;85VDC,60VAC,90V/2.5KA,10mm RADIAL,MOV-10D101K	MOV-10D101K	cái	40	675	27.000
2418	RELAY;12VDC/400VAC,8A,DPDT,RTE24012	RTE24012	cái	2	15.707	31.414
2419	RELAY;12VDC/14VDC,40A,SPDT,1432868-1	1432868-1	cái	11	19.234	211.573
2420	CONN-ASS;Jumper,F,1Rx2Px2.54mm,SPC02SYAN	SPC02SYAN	cái	15	500	7.497
2421	CONN-DIP;Header,M,2Rx6Px2.54mm,XG8T-0631	XG8T-0631	cái	15	2.219	33.289
2422	CONN-RING;SOLIS,14-12AWG,321828	321828	cái	300	1.324	397.125
2423	CONN-FERRULE;TURQUOISE,22AWG,3203053	3203053	cái	370	1.472	544.455
2424	CONN-TUBULAR; END SLEEVE,17AWG,53242-6	53242-6	cái	150	1.804	270.653
2425	CONN-ASS;Header,F,1Rx2Px2.54mm,SPC02SYAN	FT060-03	cái	9	10.433	93.895
2426	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,4x0.3MM2,BLACK		mét	300	1.397	419.175
2427	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,5x1.5MM2,BLACK		mét	45	5.356	241.029
2428	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,5x1.5MM2,BLACK		mét	30	5.356	160.686
2429	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,1x0.3MM2,WHITE		mét	30	186	5.589
2430	CONN-RING; TERMINAL M8,3AWG,5580825	5580825	cái	40	13.989	559.542
2431	CONN-FERRULE; DIN BLUE,6AWG,11121160	11121160	cái	45	1.940	87.305
2432	CONN-RING; TERMINAL M6 INSUL,14- 10AWG,193240014	193240014	cái	270	3.033	818.870
2433	TERM-BLOCK;Header,F,1Rx3Px3.81mm,284509-3,14- 30AWG	284509-3	cái	20	12.475	249.507
2434	CONN-RING;TERM,M4,4MM2,INSULATED,342183-1	342183-1	cái	340	1.168	397.137
2435	CONN-RING;90DEG,4AWG #1/4 P-G,54748-1	54748-1	cái	120	18.150	2.177.964
2436	CONN-MODPLUG,8P8C,UNSHIELDED,5-554169-3	5-554169-3	cái	20	4.812	96.237
2437	CONN-RING,4AWG #1/4 PG,55680-2	55680-2	cái	120	8.583	1.029.906
2438	CONN-RING,20-26AWG STR TIN CRIMP,60123-2	60123-2	cái	420	687	288.603
2439	CONN-DC;10POS,F,CZ35B-10Z	CZ35B-10Z	cái	48	33.932	1.628.748
2440	CONN;3POS,4MM2,CZ36B-3Z	CZ36B-3Z	cái	48	28.093	1.348.474
2441	CONN-DSUB;RECEPT,9POS,SOLDERCUP,DE09S064TLF	DE09S064TLF	cái	20	6.618	132.357
2442	CONN-TERM;CRIMP,VH,16-20AWG,TIN,SVH-41T-P1.1	SVH-41T-P1.1	cái	370	338	125.153

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2443	CONN-PIN;CRIMP,22-28AWG TIN,SYM-001T-P0.6(N)	SYM-001T-P0.6(N)	cái	175	373	65.284
2444	CONN-HOUSING;F,2POS,3.96MM,WHT,VHR-2N	VHR-2N	cái	41	450	18.438
2445	CONN-HOUSING;F,4POS,3.96MM,WHT,VHR-4N	VHR-4N	cái	32	687	21.974
2446	CONN-SOCKET;CRIMP,24-28AWG GOLD,XG5W-0232	XG5W-0232	cái	142	1.363	193.489
2447	IC;IC TEMP TRANSDUCER 2- TERM TO92-3,AD592BNZ	AD592BNZ	cái	14	64.815	907.412
2448	RES-SPECIAL;0.000375OHM,0.5%;15W	SHT1-200C075DE	cái	36	76.288	2.746.370
2449	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,0.3MM2,WHITE		mét	140	186	26.082
2450	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,1x6MM2,BLACK		mét	6	3.027	18.165
2451	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,4MM2,BLACK		mét	10	1.863	18.630
2452	CONDUCTOR WIRE;PVC,CU,4MM2,BLUE		mét	8	1.863	14.904
2453	BUZZER-MAGNETIC;5VDC,12MM,PCMNT,AI-1223-TWT-5V-R	AI-1223-TWT-5V-R	cái	15	17.112	256.676
2454	CAP-CER,SMD;470pF,5%,0603,50V,NP0	CL10C471JB8NCNC	cái	40	447	17.874
2455	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1206,100V,X7R	I2061C102KA2A	cái	42	1.603	67.341
2456	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,1206,200V,X7R	I2062C104KAT2A	cái	44	2.640	116.180
2457	CAP-FILM,DIP;0.033uF,20%,18x5x10.5mm,760VDC	B32912A3333M	cái	16	3.623	57.962
2458	CAP-FILM,DIP;0.1uF,2%,7.2x6x11mm,63VDC	BFC241641004	cái	120	3.638	436.590
2459	CAP-CER,SMD;47pF,5%,0603,50V,NP0	C1608C0G1H470J080AA	cái	14	1.329	18.602
2460	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,100V,NP0	C1608C0G2A101J080AA	cái	35	361	12.621
2461	CAP-CER,SMD;220pF,5%,0603,100V,NP0	C1608C0G2A221J080AA	cái	31	756	23.427
2462	CAP-CER,SMD;3300pF,5%,1812,100V,NP0	C1812C3321JGACTU	cái	28	4.743	132.808
2463	CAP-ALUM,DIP;47uF,20%,10x13.5mm,100V	ECA-2AHG470	cái	15	1.417	21.251
2464	CAP-ALUM,DIP;0.1F,-20%+80%,13.5x7.5mm,5.5V	EEC-F5R5U104	cái	13	9.233	120.032
2465	CAP-ALUM,DIP;120uF,20%,6.3x11mm,16V	EKZE160ELL121MF11D	cái	45	1.211	54.493
2466	CAP-CER,SMD;22uF,10%,1210,25V,X5R	GRM32ER61E226KE15L	cái	14	5.446	76.241
2467	CONN-DIP;Header,M,1Rx6Px2.54mm,22284063,GOLD	22284063	cái	13	3.506	45.573
2468	CONN-DIP;Header,M,1Rx7Px2.54mm,22-10-2071,GOLD	22-10-2071	cái	15	7.399	110.981
2469	CONN-DIP;Recept,F,4Rx24Px2mm,5536510-1,30AU	5536510-1	cái	3	79.666	238.999
2470	CRYSTAL;8MHZ,30PPM,20pF,11.1x4.83x4.3mm,ATS08ASM-1	ATS08ASM-1	cái	23	3.297	75.841
2471	CRYSTAL;32.768KHZ,10PPM,6pF,1.9x6.2mm,CFS206-32.768KDZB	CFS206-32.768KDZB	cái	15	1.325	19.868
2472	DIODE-SCHOTTKY;60V,1A,SC73,BAT160S,115	BAT160S,115	cái	84	2.826	237.422
2473	DIODE-ARRAY;70V,200mA,SOT-23-3,BAV70	BAV70	cái	194	462	89.541
2474	DIODE-ARRAY;85V,200mA,SOT-23-3,BAW56	BAW56	cái	139	501	69.576
2475	DIODE-ZENER;3.3V,250mW,TO236AB,BZX84-B3V3,215	BZX84-B3V3,215	cái	100	515	51.450
2476	DIODE-ZENER;3.9V,250mW,TO236AB,BZX84-B3V9,215	BZX84-B3V9,215	cái	142	504	71.547
2477	DIODE-ARRAY;100V,200mA,SOT-23-3,MMBD7000	MMBD7000	cái	203	421	85.534
2478	DIODE-ARRAY;75V,300mA,SOT-23-3,MMBD7000-7-F	MMBD7000-7-F	cái	12	2.023	24.275
2479	TVS-DIODE;UNI-DIR,400W,12VWWM/19.9VC,SMA,SMAJ12A	SMAJ12A	cái	14	2.770	38.774
2480	DIODE-SCHOTTKY;100V,3A,DO214AC,SK310A-LTP	SK310A-LTP	cái	15	2.587	38.808
2481	FB;120OHM@100MHz,200mA,0805,BLM21AG121SN1D	BLM21AG121SN1D	cái	8	547	4.376
2482	FB;150OHM@100MHz,800mA,0805,MU2029-151Y	MU2029-151Y	cái	557	170	94.829
2483	IC;IC CONVERTER VOLT TO FREQ,100LQFP,-40°C+85°C,AD7740YRMZ	AD7740YRMZ	cái	15	12.115	181.728
2484	IC;IC MUX/DEMUX 8X1,16TSSOP,-55°C+125°C,CD4051BPWR	CD4051BPWR	cái	30	2.282	68.459

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2485	IC;IC MUX/DEMUX DUAL 4X1,16TSSOP,-55°C+125°C,CD4052BPWR	CD4052BPWR	cái	14	2.871	40.188
2486	IC;IC HEX INV SCHMITT TRIG,14TSSOP,125°C,CD74HC14PWR	CD74HC14PWR	cái	15	2.342	35.134
2487	IC;TXRX ETHERNET PHYTER,48LQFP,0°C+70°C,DP83848CVVX/NOPB	DP83848CVVX/NOPB	cái	11	26.251	288.765
2488	IC;IC OPAMP INSTR 1MHZ RRO,8SOIC,-40°C+125°C,INA826AIDR	INA826AIDR	cái	9	14.066	126.590
2489	IC;IC HALF-DUPLEX RS485 TXRX,16SOIC,-40°C+85°C,ISO3082DW	ISO3082DW	cái	12	32.185	386.222
2490	IC;IC OPAMP GP 700KHZ,8SOIC,-40°C+125°C,LM2904AVQDR	LM2904AVQDR	cái	14	3.851	53.920
2491	IC;IC SUPERVISOR MPU,8SOIC,-40°C+85°C,MAX706ESA+	MAX706ESA+	cái	15	15.591	233.858
2492	IC;IC REG LDO -5V 0.1A,8SOIC,0°C+125°C,MC79L05ACDR	MC79L05ACDR	cái	9	1.766	15.894
2493	IC;IC REG LDO -12V 0.1A,8SOIC,0°C+125°C,MC79L12ACDR	MC79L12ACDR	cái	14	2.965	41.515
2494	IC;IC OPAMP ZERO-DRIFT 2MHZ,SOT-23-5,-40°C+125°C,OPA188AIDBVT	OPA188AIDBVT	cái	13	11.957	155.435
2495	IC;IC MCU 32BIT 512KB FLASH,100TQFP,-40°C+105°C,PIC32MX795F512L-80V/PT	PIC32MX795F512L-80V/PT	cái	15	45.662	684.925
2496	IC;IC VREF SRS PREC 4.096V,SOT-23-3,-40°C+125°C,REF3040AIDBZT	REF3040AIDBZT	cái	13	9.379	121.930
2497	IC;IC MUX/DEMUX 8X1,16TSSOP,-40°C+85°C,SN74LV4051APWR	SN74LV4051APWR	cái	44	2.215	97.456
2498	IC;IC BUS TRANSCEIVER 8BIT,24TSSOP,-40°C+85°C,SN74LVC4245APWRG4	SN74LVC4245APWRG4	cái	11	5.537	60.903
2499	IC;IC REG CTRLR PWN VM,16TSSOP,0°C+70°C,TL494CPWR	TL494CPWR	cái	15	3.728	55.924
2500	IC;IC MCU 32BIT 256KB FLASH,144LQFP,-40°C+105°C,TM4C123GH6PGET	TM4C123GH6PGET	cái	3	55.198	165.593
2501	IC;IC REG BUCK ADJ 2A,8SOIC,-40°C+150°C,TPS54231DR	TPS54231DR	cái	14	9.379	131.309
2502	IC;IC REG CTRLR BST FLYBK VM,16SOIC,0°C+70°C,UC3525ADW	UC3525ADW	cái	12	10.030	120.364
2503	IC;IC TRANS 7 NPN DARL 50V 500MA,16SOIC,-40°C+150°C,U LN2003ADR	ULN2003ADR	cái	19	2.774	52.714
2504	IND-SMD;100uH,20%,5.8x5.2x4,5mm,520mA,700mOHM	HM79-20101LFTR13	cái	4	4.076	16.303
2505	IND-SMD;1.17mH,20%,12M7X12M7X5M46,1.22A,200mOHM	P0354NLT	cái	2	12.491	24.983
2506	IND-SMD;1000uH,9.2x6x5.3mm,0.8A,310mOHM	SRF0905-102Y	cái	45	4.479	201.569
2507	IND-SMD;10uH,20%,7.8x7x3.2mm,3A,85mOHM	SRP7030-100M	cái	15	6.077	91.161
2508	OSCILLATOR;50.000MHZ,50ppm,5x7x1,7mm(SMD),CB3LV-3I-50M0000	CB3LV-3I-50M0000	cái	13	8.319	108.151
2509	RELAY;12VDC/125VAC-125VDC,2A,DPDT,G5V-2-H-DC12	G5V-2-H-DC12	cái	30	14.007	420.215
2510	RELAY;12VDC/250VAC-220VDC,2A,DPDT,V23079A2003B301	V23079A2003B301	cái	120	9.241	1.108.890
2511	RES-SMD;1KOHM,0.1%,0603,1/10W	ERA-3AEB102V	cái	43	1.651	70.982
2512	RES-SMD;1KOHM,0.1%,0805,1/8W	ERA-6AEB102V	cái	48	1.265	60.725
2513	RES-SMD;2.05KOHM,0.1%,0805,1/8W	ERA-6AEB2051V	cái	6	1.847	11.082
2514	RES-SMD;68.1OHM,1%,2010,3/4W	ERJ-12SF68R1U	cái	12	4.608	55.298
2515	RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1000V	cái	27	664	17.937
2516	RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1001V	cái	2	173	347
2517	RES-SMD;10KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1002V	cái	246	52	12.731
2518	RES-SMD;11KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1102V	cái	9	1.917	17.256
2519	RES-SMD;12.1KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1212V	cái	13	1.682	21.863
2520	RES-SMD;12.4KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1242V	cái	10	4.036	40.364
2521	RES-SMD;18KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1802V	cái	14	1.682	23.545
2522	RES-SMD;1.91KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF1911V	cái	41	468	19.194
2523	RES-SMD;2.2KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF2201V	cái	41	468	19.194
2524	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF4701V	cái	115	141	16.181
2525	RES-SMD;47KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF4702V	cái	213	121	25.784
2526	RES-SMD;4.87KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF4871V	cái	13	1.682	21.863
2527	RES-SMD;6.81KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF6811V	cái	14	1.682	23.545

STT	Vật tư, linh kiện	Mã LK của nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2528	RES-SMD;7.5KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF7501V	cái	10	1.682	16.818
2529	RES-SMD;9.1KOHM,1%,0603,1/10W	ERJ-3EKF9101V	cái	8	1.682	13.454
2530	RES-SMD;0.0OHM,JUMP,0603,1/10W	ERJ-3GEY0R00V	cái	60	353	21.177
2531	RES-SMD;33OHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF33R0V	cái	70	346	24.213
2532	RES-SMD;0OHM,JUMP,1206,1/4W	ERJ-8GEY0R00V	cái	15	610	9.153
2533	RES-SMD;200OHM,5%,1206,1/4W	ERJ-8GEYJ201V	cái	5	400	2.002
2534	RES-SMD;750OHM,1%,0805,1/8W	CRCW0805750RFKEA	cái	83	439	36.466
2535	RES-SMD;10MOHM,5%,0805,1/8W	CRCW080510M0JNEA	cái	54	503	27.176
2536	RES-SMD;430OHM,5%,0805,1/8W	CRCW0805430RJNEA	cái	28	798	22.331
2537	RES-SMD;680OHM,5%,0805,1/8W	CRCW0805680RJNEA	cái	30	798	23.927
2538	RES-SMD;3.3KOHM,1%,0805,1/8W	ERJ-6ENF3301V	cái	25	1.652	41.288
2539	RES-SMD;100KOHM,1%,1206,1/4W	CRCW1206100KFKEA	cái	14	1.692	23.686
2540	RES-SMD;62OHM,5%,1206,1/4W	CRCW120662R0JNEA	cái	25	844	21.098
2541	RES-SMD;0.22OHM,1%,2010,1/2W	MCR25JZHFLR220	cái	13	2.332	30.313
2542	RES-SMD;15KOHM,5%,2010,1/2W	MCR50JZH1153	cái	275	266	73.013
2543	RES-SMD;3.3KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT3K30	cái	90	249	22.424
2544	RES-SMD;470KOHM,1%,0603,1/10W	RMCF0603FT470K	cái	14	1.379	19.307
2545	RES-SMD;200OHM,5%,0805,1/8W	RMCF0805JT200R	cái	27	646	17.447
2546	RES-SMD;12.4KOHM,1%,0603,1/8W	RNCP0603FTD12K4	cái	27	694	18.727
2547	OPTOISO-SMD;3.75KV TRANS 6-MFSOP,TLP124(TPR,F)	TLP124(TPR,F)	cái	111	3.023	335.564
2548	MOS-FET;N-CHANNEL,100V,9.4A,8TSON,TPN3300ANH,LQ	TPN3300ANH,LQ	cái	28	4.371	122.380
2549	TRANS-BJT;NPN,60V,3.5A,SOT-23-3,ZXTN25060BFHTA	ZXTN25060BFHTA	cái	30	3.002	90.059
2550	Role công suất : - Điện áp cuộn hút : 48VDC - 4 cặp tiếp điểm thường mở (Dòng điện cực đại 25A) - Loại tiếp điểm : PCB Mounting	G7J-4A-P DC48	Chiếc	2	46.300	92.600
2551	Role công suất : - Điện áp cuộn hút : 24VDC - 4 cặp tiếp điểm thường mở (Dòng điện cực đại 40A) - Loại tiếp điểm : Cực bắt vít	G7Z-4A-11Z DC24	Chiếc	2	46.300	92.600
4.2	Bộ Timer	TIMER-V1	bộ	20	73.225	1.464.510
4.3	Thiết bị khuếch đại ứng dụng trong hệ thống truyền hình cáp CATV		Bộ	101	31.548	3.186.348
	Thiết bị truy cập Ethernet qua cáp đồng trục EOC		Bộ	100	28.680	2.868.000
	Thiết bị truy cập WIFI)		Bộ	99	28.680	2.839.320
	TỔNG CỘNG					253.823.824
	Thuế GTGT					25.382.382
	Tổng cộng đã bao gồm thuế					279.206.206